

Số: 1012/QĐ-YDTB

Thái Bình, ngày 28 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Đề cương chi tiết học phần thuộc chương trình đào tạo
các ngành trình độ Đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

Căn cứ vào Quyết định số 34/CP ngày 24/01/1979 của Hội đồng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Thái Bình;

Căn cứ vào Quyết định số 2154/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Y Thái Bình thành trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Thái Bình ban hành kèm theo Quyết định số 4922/QĐ-BYT ngày 09/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định 424/QĐ-YDTB ngày 20/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra các ngành đào tạo bậc đại học;

Căn cứ Quyết định 1001/QĐ-YDTB ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường đại học Y Dược Thái Bình về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế Đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Đề cương chi tiết học phần thuộc chương trình đào tạo các ngành trình độ Đại học hệ chính quy.

(Có đề cương chi tiết kèm theo)

Điều 2. - Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Đề cương chi tiết tại Điều 1 được áp dụng với khóa tuyển sinh từ năm 2021.

Điều 3. Trường phòng Quản lý Đào tạo đại học, Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trường các đơn vị và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, QLĐTĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
THÁI BÌNH
PGS.TS Nguyễn Duy Cường

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH Y HỌC DỰ PHÒNG
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-YDTB ngày 28/7/2021)

(QUYỂN 3)

THÁI BÌNH, NĂM 2021

MỤC LỤC

Nội cơ sở	2
Nội bệnh lý	22
Ngoại cơ sở.....	44
Ngoại bệnh lí	56
Chấn thương	66
Sản phụ khoa	88
Nhi khoa.....	110
Lao.....	138
Da liễu.....	152
Phục hồi chức năng	170
Thần kinh học.....	185
Tai Mũi Họng.....	195
Răng Hàm Mặt	204
Nhãn khoa.....	224
Tâm thần học	243
Truyền nhiễm	262
Y học cổ truyền.....	302

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN/KHOA: NỘI

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NĂM 2021**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Nội cơ sở

Tên tiếng Anh: Basic Internal Medicine

Mã học phần: 3130INTMED1P, 3130INTMED1T

Ngành: Y học Dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	YHDP năm 3
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	2/3
Số tiết Lý thuyết:	30
Thảo luận:	
Số giờ tự học:	70
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	90
Thảo luận:	
Số giờ tự học:	60
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	2/2
Giữa học phần:	1/1
Kết thúc học phần:	1/1

Học phần học trước:	Các học phần KHCB: Toán, Lý, Hóa, Sinh...
Học phần tiên quyết:	Các học phần YHCS: Mô phôi, Giải phẫu, Sinh lý, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh, CDHA, Thực hành kỹ năng Y khoa.
Học phần song hành:	Nhi cơ sở, Ngoại cơ sở
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Nội

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Nội khoa cơ sở (Triệu chứng học nội khoa) được dạy và học sau khi sinh viên đã học xong những học phần y học tiền lâm sàng, tức là vào năm thứ 3 của hệ bác sỹ Y học Dự phòng. Đây là môn học cơ bản cho các môn y học lâm sàng. Triệu chứng học nội khoa hướng dẫn cách tiếp xúc bệnh nhân, khai thác bệnh sử, tiền sử, thăm khám lâm sàng phát hiện các triệu chứng thực thể, kết nối các kiến thức Y học tiền lâm sàng với lâm sàng từ đó lý giải được các triệu chứng lâm sàng, chỉ định và phiên giải được các kết quả thăm dò xét nghiệm cận lâm sàng để tiến tới chẩn đoán bệnh.

Học phần này cũng cung cấp kiến thức về bệnh lý giúp sinh viên hình thành dần ý tưởng về xây dựng kế hoạch phòng chống, quản lý bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm trong cộng đồng.

Ngoài ra, học phần Nội khoa cơ sở cũng là học phần mà sinh viên tiếp xúc trực tiếp với người bệnh thật, được chuyển hóa tính chuyên nghiệp từ lý thuyết đến áp dụng thực tế, thông qua đó rèn luyện khả năng giao tiếp, ứng xử và giải quyết các tình huống, các mối quan hệ sinh viên với người bệnh, sinh viên với bệnh viện, khoa phòng, nhân viên y tế.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Vũ Thanh Bình	TS	0334588298	binhvt@tbump.edu.vn	Phụ trách
2.	Nguyễn Minh Phúc	TS	0943484898	Minhphucytb@gmail.com	Tham gia

3.	Trần Xuân Thủy	TS	0942462010	bsxuanthuuytb@gmail.com	Tham gia
4.	Nguyễn Lê Thủy	Ths.BS CKII	0947015045	thuynguyenytb@gmail.com	Tham gia
5.	Nguyễn Thị Lý	Ths.BS CKII	0387767556	lythaibinh81@gmail.com	Tham gia
6.	Hoàng Thị Thúy Diệu	Ths	0396808280	hoanghalinh1912@gmail.com	Tham gia
7.	Dương Thị An	Ths	0976574142	dr.anytb@gmail.com	Tham gia
8.	Lê Minh Hiếu	Ths	0916486256	(a) drhieuytb@gmail.com	Tham gia
9.	Mai Văn Toàn	Ths	0979012386	lemaitoan@gmail.com	Giáo vụ
10.	Trần Thị Hằng	Ths	0972796786	(b) hangtranytb@gmail.com	Tham gia
11.	Trần Thị Hoa	Ths	0977802990	(c) hoatran.dhytb@gmail.com	Tham gia
12.	Nguyễn Thị Hiền	Ths	0908971668	(d) Dr.hienytb@gmail.com	Tham gia
13.	Phùng Thị Thanh	Ths	0979157438	(e) drthanhphu ng@gmail.com	Tham gia
14.	Trần Thị Nương	Ths	0975244645	(f) nuongtrand r@gmail.com	Tham gia
15.	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Ths	0987697837	(g) huyenngocy tb@gmail.com	Tham gia
16.	Nguyễn Thị Kim Dung	BSNT	0962158088	(h) nguyenkilmd ungytb@gmail.com	Tham gia

17.	Ngô Thị Hoài	BSCKII	0989971456	(i) <i>ngohoaiytb@gmail.com</i>	Tham gia
18.	Trần Thị Như Quỳnh	Ths	0975435905	(j) <i>nhuquynhytb@gmail.com</i>	Tham gia
19.	Vũ Thị Thu Hương	Ths	0976656866	(k) <i>thuhuong0705@gmail.com</i>	Tham gia
20.	Nguyễn Thị Thu Thủy	BS	0365518818	(l) <i>nguyenthuthuy93.ytb@gmail.com</i>	Tham gia
21.	Đỗ Thị Thu Hương	BS	0369180612	(m) <i>thuhuongctb2203@gmail.com</i>	Tham gia
22.	Vũ Phi Hùng	BS	0972180119		Tham gia
23.	Trương Thị Thu Hằng	BS	0974819292	(n) <i>truonghang2201@gmail.com</i>	Tham gia
24.	Bùi Hồng Nam	BS	0394611996	(o) <i>buihongnam96@gmail.com</i>	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Vận dụng được kiến thức YHCS để giải thích triệu chứng lâm sàng thường gặp trong lâm sàng nội khoa.	PEO: 1, 2, 3, 4
2.	Khai thác được các triệu chứng cơ năng của người bệnh	PEO: 1, 2, 3, 4
3.	Thực hiện được các thao tác khám lâm sàng cơ bản	PEO: 1, 2, 3, 4
4.	Phát hiện đúng các triệu chứng thực thể	PEO: 1, 2, 3, 4

5.	Định khu được cơ quan bộ phận bệnh lý dựa vào triệu chứng lâm sàng.	PEO: 1, 2, 3, 4
6.	Đề xuất được các thăm dò cận lâm sàng phù hợp với các triệu chứng lâm sàng.	PEO: 1, 2, 3, 4
7.	Phiên giải được kết quả công thức máu, sinh hóa máu và một số thăm dò CLS cơ bản.	PEO: 1, 2, 3, 4
8.	Tập hợp được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng thành các hội chứng bệnh lý phù hợp.	PEO: 1, 2, 3, 4
9.	Lập luận để đưa ra được các chẩn đoán tiềm năng dựa vào triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng	PEO: 1, 2, 3, 4
10.	Báo cáo miệng ca lâm sàng theo đúng bố cục	PEO: 1, 2, 3, 4
11.	Hình thành tính chuyên nghiệp trong thực hành lâm sàng	PEO: 5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Giải thích được các triệu chứng lâm sàng nội khoa dựa vào kiến thức KHCB, YHCS	S: PLO 3, 4, 7 H: PLO 1, 6
2.	Khai thác được các triệu chứng cơ năng của người bệnh một cách đầy đủ, theo trình tự hợp lý	S: PLO 3, 4, 7 H: PLO 1, 6
3.	Phát hiện đúng các triệu chứng thực thể	S: PLO 3, 4, 7 H: PLO 1, 6

4.	Chỉ định hợp lý các thăm dò cận lâm sàng	S: PLO 3, 4, 7 H: PLO 1, 6
5.	Phiên giải đúng kết quả cận lâm sàng cơ bản	S: PLO 3, 4, 7 H: PLO 1, 6
6.	Liệt kê được các chẩn đoán tiềm năng theo thứ tự ưu tiên	S: PLO 3, 4, 7 H: PLO 1, 6
7.	Báo cáo miệng lưu loát các ca lâm sàng	S: PLO 1, 3, 4, 7 H: PLO 8, 13
8.	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm chăm sóc.	S: PLO 5 H: PLO 8, 13
9.	Thể hiện sự tôn trọng, cảm thông với người bệnh.	S: PLO 10 H: PLO 12, 14
10.	Thực hiện giao tiếp phù hợp với bác sỹ, điều dưỡng, nhân viên khoa phòng và người nhà người bệnh.	S: PLO 8, 10 H: PLO 12, 13
11.	Thực hiện nghiêm nội quy, quy chế của Nhà trường, bộ môn	S: PLO 10

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1: Tiếp cận bệnh nhân sốt 1. Đại cương 2. Khám bệnh nhân bị sốt	2	1. Xác định được các cơ quan bộ phận cần ưu tiên khi thăm khám ở bệnh nhân sốt. 2. Lựa chọn được các thăm dò cận lâm sàng phù hợp với một số tình huống sốt cụ thể.	1, 2, 3, 4, 5, 6

	3. Các thăm dò cận lâm sàng 4. Nguyên nhân của sốt 5. Phân tích ca lâm sàng BN sốt		3. Xác định được nguyên nhân gây sốt dựa vào triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng một số tình huống sốt cụ thể. 4. Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết một tình huống sốt cụ thể.	
2	Bài 2: Tiếp cận bệnh nhân ho, ho máu 1. Đại cương 2. Phân loại và nguyên nhân 3. Tiếp cận bệnh nhân có triệu chứng ho, ho máu 4. Nguyên nhân của ho, ho máu. 5. Phân tích ca lâm sàng BN ho, ho máu	2	1. Phân tích được đặc điểm ho, ho máu của từng bệnh nhân có ho, ho máu. 2. Chỉ định hợp lý các cận lâm sàng đối với mỗi bệnh cảnh ho và ho máu cụ thể. 3. Lập luận được các chẩn đoán tiềm năng với mỗi ca lâm sàng ho, ho máu.	1, 2, 3, 4, 5, 6
3	Bài 3. Các hội chứng lâm sàng hô hấp 1. Hội chứng đông đặc phổi 2. Hội chứng tràn dịch màng phổi 3. Hội chứng tràn khí màng phổi 4. Hội chứng trung thất 5. Phân tích ca lâm sàng BN có hội chứng hô hấp	2	1. Chẩn đoán được hội chứng đông đặc, hội chứng tràn dịch màng phổi, hội chứng tràn khí màng phổi và hội chứng trung thất dựa vào các dấu hiệu lâm sàng và cận lâm sàng. 2. Đề xuất được các thăm dò cận lâm sàng cần thiết ở bệnh nhân có hội chứng đông đặc, hội chứng tràn dịch màng phổi, hội chứng tràn khí màng phổi và hội chứng trung thất . 3. Nhận định được biểu hiện của hội chứng đông đặc, hội chứng tràn dịch màng phổi, hội chứng tràn khí màng	1, 2, 3, 4, 5, 6

			phổi và hội chứng trung thất trên phim X quang ngực thẳng - nghiêng.	
4	Bài 4: Tiếp cận bệnh nhân khó thở 1. Khai thác tiền sử, bệnh sử 2. Khám lâm sàng 3. Cận lâm sàng 4. Nguyên nhân gây khó thở thường gặp. 5. Phân tích ca lâm sàng BN khó thở	2	1. Trình bày cách khai thác tiền sử, bệnh sử khó thở. 2. Trình bày được cách thăm khám bệnh nhân đau ngực. 3. Phân tích được đặc điểm khó thở để đưa ra các chẩn đoán tiềm năng. 4. Chỉ định được các thăm dò cận lâm sàng phù hợp với từng trường hợp khó thở cụ thể.	1, 2, 3, 4, 5, 6
5	Bài 5: Hội chứng suy tim 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân gây suy tim 3. Triệu chứng suy tim 4. Phân loại suy tim 5. Đánh giá mức độ suy tim 6. Phân tích ca lâm sàng BN suy tim	2	1. Nhận biết được nguyên nhân và các triệu chứng cơ năng, triệu chứng thực thể của suy tim. 2. Đề xuất được các cận lâm sàng cần thiết cho một bệnh nhân suy tim. 3. Phân loại được mức độ suy tim trên trường hợp bệnh nhân cụ thể.	1, 2, 3, 4, 5, 6
6	Bài 6: Tiếng tim bình thường và bất thường 1. Đại cương 2. Tiếng tim bình thường 3. Sự thay đổi tiếng tim	2	1. Mô tả được đặc điểm và cơ chế của các tiếng tim bình thường. 2. Mô tả được đặc điểm của các tiếng tim bất thường. 3. Phân tích được cơ chế của các tiếng tim bất thường.	1, 2, 3, 4, 5, 6

	4. Các tiếng thổi 5. Một số tiếng tim bất thường khác 6. Phân tích ca lâm sàng BN có tiếng tim bất thường			
7	Bài 7: Tiếp cận bệnh nhân đau ngực 1. Đại cương 2. Khám bệnh nhân đau ngực 3. Cận lâm sàng 4. Các nguyên nhân gây đau ngực 5. Phân tích ca lâm sàng BN đau ngực	2	1. Xác định được các chẩn đoán tiềm năng dựa vào đặc điểm đau ngực ở người bệnh cụ thể. 2. Xác định được cơ quan bộ phận cần tập trung thăm khám dựa vào các triệu chứng cơ năng của người bệnh đau ngực. 4. Lựa chọn hợp lý các thăm dò cận lâm sàng đối với mỗi tình huống đau ngực cụ thể.	1, 2, 3, 4, 5, 6
8	Bài 8: Tiếp cận bệnh nhân thiếu máu 1. Đại cương 2. Chẩn đoán thiếu máu 3. Phân loại và nguyên nhân thiếu máu 6. Phân tích ca lâm sàng BN thiếu máu	2	1. Vận dụng kết quả tổng phân tích tế bào máu ngoại vi để chẩn đoán và phân loại thiếu máu. 2. Xác định được nguyên nhân thiếu máu trong mỗi tình huống lâm sàng cụ thể. 3. Chỉ định được các thăm dò cận lâm sàng phù hợp với mỗi bệnh cảnh thiếu máu. 4. Đề xuất hướng giải quyết hợp lý với mỗi tình huống thiếu máu cụ thể.	1, 2, 3, 4, 5, 6
9	Bài 9: Tiếp cận bệnh nhân xuất huyết 1. Đại cương	2	1. Liệt kê được chẩn đoán tiềm năng dựa vào đặc điểm xuất huyết ở người bệnh cụ thể.	1, 2, 3, 4, 5, 6

	2. Chẩn đoán xác định 3. Chẩn đoán phân biệt 4. Chẩn đoán nguyên nhân 5. Phân tích ca lâm sàng BN xuất huyết		2. Xác định được cơ quan bộ phận cần tập trung thăm khám dựa vào các triệu chứng cơ năng của người bệnh. 3. Chỉ định được các triệu chứng cận lâm sàng phù hợp đối với mỗi tình huống xuất huyết cụ thể.	
10	Bài 10: Tiếp cận bệnh nhân đau bụng 1. Đại cương 2. Khám bệnh nhân đau bụng 3. Cận lâm sàng 4. Một số cơn đau bụng điển hình 5. Phân tích ca lâm sàng BN đau bụng	2	1. Nhận định được đau bụng cấp hay đau bụng mạn tính, đau bụng ngoại khoa hay nội khoa, những dấu hiệu đau bụng nguy hiểm tính mạng. 2. Phân tích được đặc điểm đau bụng, các triệu chứng kèm theo để đưa ra các chẩn đoán tiềm năng. 3. Xác định được cơ quan bộ phận cần ưu tiên thăm khám ở mỗi bệnh cảnh đau bụng cụ thể. 4. Chỉ định được các cận lâm sàng phù hợp với triệu chứng lâm sàng giúp chẩn đoán nguyên nhân đau bụng.	1, 2, 3, 4, 5, 6
11	Bài 11: Tiếp cận bệnh nhân đau khớp 1. Thăm khám cơ 2. Thăm khám xương 3. Thăm khám khớp 4. Phân tích ca lâm sàng BN đau khớp	2	1. Liệt kê được các chẩn đoán tiềm năng một bệnh nhân đau khớp. 2. Đặt được những câu hỏi khi tiếp cận bệnh nhân đau khớp. 3. Xác định được những ưu tiên khi thăm khám thực thể một bệnh nhân đau khớp. 4. Chỉ định được các thăm dò cận lâm sàng đối với một bệnh nhân đau khớp cụ thể.	1, 2, 3, 4, 5, 6

12	Bài 12: Tiếp cận bệnh nhân phù 1. Đại cương 2. Thăm khám 3. Tìm nguyên nhân gây phù 4. Phân tích ca lâm sàng BN phù	2	1. Liệt kê được các chẩn đoán tiềm năng một bệnh nhân sụt cân. 2. Đặt được những câu hỏi khi tiếp cận bệnh nhân sụt cân. 3. Xác định được cơ quan, bộ phận được ưu tiên tập trung khi thăm khám. 4. Chỉ định được các cận lâm sàng đối với bệnh nhân sụt cân cụ thể.	1, 2, 3, 4, 5, 6
13	Bài 13: Tiếp cận bệnh nhân sụt cân 1. Đại cương 2. Các nguyên nhân gây sụt cân 3. Khám bệnh nhân sụt cân 4. Chỉ định cận lâm sàng 5. Phân tích ca lâm sàng BN sụt cân	2	1. Trình bày được cách thăm khám bệnh nhân sụt cân. 2. Biện luận được các chẩn đoán tiềm năng ở một bệnh nhân sụt cân. 3. Phân tích được giá trị của các thăm dò cận lâm sàng ở bệnh nhân sụt cân	1, 2, 3, 4, 5, 6
14	Bài 14: Tiếp cận bệnh nhân thay đổi màu sắc nước tiểu 1. Đái máu 2. Đái mủ 3. Đái ra protein 4. Phân tích ca lâm sàng BN có màu sắc nước tiểu bất thường	2	1. Liệt kê được các chẩn đoán tiềm năng dựa vào đặc điểm bất thường nước tiểu ở người bệnh cụ thể. 2. Xác định được các triệu chứng cơ năng, tiền sử cần khai thác và các cơ quan bộ phận cần tập trung thăm khám ở người bệnh bất thường nước tiểu cụ thể. 3. Lựa chọn hợp lý các thăm dò cận lâm sàng đối với mỗi tình huống nước tiểu bất thường cụ thể.	1, 2, 3, 4, 5, 6

15	Bài 15: Tiếp cận bệnh nhân rối loạn đi tiểu 1. Thiếu niệu 2. Vô niệu 3. Đa niệu 4. Phân tích ca lâm sàng BN rối loạn đi tiểu	2	1. Trình bày được định nghĩa và các nguyên nhân gây bất thường lượng nước tiểu. 2. Đặt được câu hỏi khi tiếp cận với bệnh nhân bất thường lượng nước tiểu. 3. Chỉ định và phiên giải được các thăm dò cận lâm sàng phù hợp cho bệnh nhân bất thường lượng nước tiểu.	1, 2, 3, 4, 5, 6
	Tổng	30		

2. Lâm sàng

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài 1. Cách khám bệnh nhân nội khoa 1. Hỏi bệnh 2. Khám thực thể	2	- Trình bày được cách hỏi bệnh, khám lâm sàng bệnh nhân nội khoa nói chung. - Trình bày được những việc làm thể hiện tính chuyên nghiệp khi thăm khám.	2, 3, 4, 5, 6, 8
2	Bài 2. Khám tiêu hóa 1. Hỏi bệnh 2. Khám thực thể	2	- Khai thác được triệu chứng cơ năng hệ tiêu hóa. - Khám, phát hiện được triệu chứng thực thể hệ tiêu hóa. - Thể hiện được sự tôn trọng, thấu cảm với bệnh nhân trong quá trình thăm khám.	2, 3, 4, 5, 6, 8
3	Bài 3. Khám tim mạch 1. Hỏi bệnh 2. Khám thực thể	2	- Khai thác được triệu chứng cơ năng hệ tim mạch. - Khám, phát hiện được triệu chứng thực thể hệ tim mạch.	2, 3, 4, 5, 6, 8

			- Thể hiện được sự tôn trọng, thấu cảm với bệnh nhân trong quá trình thăm khám.	
4	Bài 4. Khám tiết niệu 1. Hỏi bệnh 2. Khám thực thể	2	- Khai thác được triệu chứng cơ năng hệ tiết niệu. - Khám, phát hiện được triệu chứng thực thể hệ tiết niệu. - Thể hiện được sự tôn trọng, thấu cảm với bệnh nhân trong quá trình thăm khám.	2, 3, 4, 5, 6, 8
5	Bài 5. Khám hô hấp 1. Hỏi bệnh 2. Khám thực thể	2	- Khai thác được triệu chứng cơ năng hệ hô hấp. - Khám, phát hiện được triệu chứng thực thể hệ hô hấp. - Thể hiện được sự tôn trọng, thấu cảm với bệnh nhân trong quá trình thăm khám.	2, 3, 4, 5, 6, 8
6	Bài 6. Khám cơ quan tạo máu 1. Hỏi bệnh 2. Khám thực thể	2	- Khai thác được triệu chứng cơ năng cơ quan tạo máu. - Khám, phát hiện được triệu chứng thực thể cơ quan tạo máu. - Thể hiện được sự tôn trọng, thấu cảm với bệnh nhân trong quá trình thăm khám.	2, 3, 4, 5, 6, 8
7	Bài 7. Khám cơ xương khớp 1. Hỏi bệnh 2. Khám thực thể	2	- Khai thác được triệu chứng cơ năng hệ cơ xương khớp. - Khám, phát hiện được triệu chứng thực thể hệ cơ xương khớp. - Thể hiện được sự tôn trọng, thấu cảm với bệnh nhân trong quá trình thăm khám.	2, 3, 4, 5, 6, 8

8	Bài 8. Khám nội tiết 1. Hỏi bệnh 2. Khám thực thể	2	- Khai thác được triệu chứng cơ năng hệ nội tiết. - Khám, phát hiện được triệu chứng thực thể hệ nội tiết - Thể hiện được sự tôn trọng, thấu cảm với bệnh nhân trong quá trình thăm khám.	2, 3, 4, 5, 6, 8
9	Giao ban hàng ngày 1. Báo cáo thành phần kíp trực 2. Báo cáo tình hình chung 3. Báo cáo ca bệnh cụ thể 4. Thảo luận ca bệnh cụ thể 5. Phản hồi về tính chuyên nghiệp	30	- Báo cáo miệng được các diễn biến trong kíp trực. - Trình bày miệng được các ca bệnh. - Chỉ định và phiên giải được các kết quả cận lâm sàng cơ bản. - Lập luận để đưa ra được các chẩn đoán tiềm năng ưu tiên dựa vào thông tin lâm sàng, cận lâm sàng. - Thể hiện được tính chuyên nghiệp trong báo cáo giao ban.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10
10	Đi buồng hàng ngày 1. Thăm khám bệnh nhân 2. Ghi chép bệnh án 3. Chăm sóc bệnh nhân 4. Phản hồi về tính chuyên nghiệp	42	- Khai thác được triệu chứng cơ năng của người bệnh. - Thực hiện được các thao tác thăm khám. - Theo dõi và nhận định được diễn biến ca bệnh. - Thực hiện chăm sóc bệnh nhân. - Thể hiện được tính chuyên nghiệp trong suốt quá trình học tập.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10
11	Giảng đầu giường 2 buổi/tuần 1. Báo cáo ca bệnh	32	- Thực hiện được báo cáo miệng ca bệnh cụ thể. - Thực hiện được các kỹ năng thăm khám lâm sàng.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10

	2. Phân tích triệu chứng lâm sàng 3. Phiên giải kết quả cận lâm sàng 4. Lập luận chẩn đoán 5. Lập kế hoạch chăm sóc. 6. Phản hồi về tính chuyên nghiệp		- Trình bày được những điều cần lưu ý ở một bệnh nhân cụ thể. - Đặt được câu hỏi lâm sàng với tình huống cần quan tâm. - Thể hiện được tính chuyên nghiệp trong suốt buổi đi buồng điểm bệnh.	
	Tổng	120		

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:
 - Thuyết trình
 - Thảo luận
2. Lâm sàng:
 - Tiếp cận và thăm khám người bệnh
 - Làm bệnh án nội khoa
 - Giao ban khoa
 - Đi buồng
 - Giảng đầu giường
 - Dạy-học tính chuyên nghiệp (lồng ghép trong dạy-học lâm sàng)

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

Máy vi tính, máy chiếu, slide bài giảng, bài giảng phát tay, phấn, bảng.
2. Lâm sàng:

Thực hiện khám và chăm sóc người bệnh, các dụng cụ khám bệnh, bệnh án.

V. Phương pháp lượng giá

1. Lý thuyết: Trắc nghiệm khách quan bằng câu hỏi MCQs.
Số bài kiểm tra giữa học phần: 01. Số bài kiểm tra cuối học phần : 01
2. Lâm sàng : Khám bệnh nhân, làm bệnh án, trả lời vấn đáp
Số bài kiểm tra giữa học phần: 01. Số bài kiểm tra cuối học phần : 01

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần:

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Điểm danh có mặt trên lớp	Điểm danh	Theo Rubric 1 (điểm danh)	11	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2	Bài kiểm tra LT 40 phút, LS 1 tình huống	LT: Trắc nghiệm khách quan 40 MCQs tổ hợp từ ngân hàng đề, trong 40 phút LS: Thực hiện thăm khám người bệnh	Theo đáp án và thang điểm thống nhất chung	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,7	Bài kiểm tra LT 60 phút, LS 1 tình huống	LT: Trắc nghiệm khách quan 60 MCQs tổ	Theo đáp án và thang điểm thống	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11	10

			hợp từ ngân hàng đề, trong 60 phút LS: Thực hiện thăm khám người bệnh	nhất chung		
--	--	--	---	---------------	--	--

Công thức tính điểm:

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/tiết học
Đi muộn	0,5 điểm/lần (Nếu muộn > 15 phút sẽ tính vắng không lý do)

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.5-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Trả lời đúng dưới 40%	Trả lời đúng từ 40-54%	Trả lời đúng từ 55-69%	Trả lời đúng từ 70-84%	Trả lời đúng từ 85-100%

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập:

1.1. Tài liệu trên hệ thống E-learning nhà trường

2. Tài liệu tham khảo:

- 2.1. **Nguyễn Duy Cường, Vũ Thanh Bình** (2014), Bệnh học Nội khoa, tập 1, NXB Giáo dục
- 2.2. **Nguyễn Duy Cường, Vũ Thanh Bình** (2014), Bệnh học Nội khoa, tập 2, NXB Giáo dục
- 2.3. **Các Bộ môn Nội, trường Đại học Y Hà Nội**, (2011), *Nội khoa cơ sở tập 1*, Nhà Xuất bản y học.
- 2.4. **Các Bộ môn Nội, trường Đại học Y Hà Nội**, (2011), *Nội khoa cơ sở tập 2*, Nhà Xuất bản y học.
- 2.5. **Các Bộ môn Nội, trường Đại học Y Hà Nội**, (2012), *Bệnh học nội khoa tập 1*, Nhà Xuất bản y học.
- 2.6. **Các Bộ môn Nội, Trường Đại học Y Hà Nội**, (2012), *Bệnh học nội khoa tập 2*, Nhà Xuất bản y học.
- 2.7. **Harrison (2015)**, Harrison's Principles of Internal Medicine, McGraw-Hill.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

1.1. Nhiệm vụ khi đi lâm sàng tại khoa điều trị nội trú

- Tiếp cận và làm quen với thao tác phần mềm khám chữa bệnh nội trú
- Thực hiện việc khai thác bệnh sử, tiền sử và thăm khám bệnh nhân
- Tham gia chăm sóc bệnh nhân
- Tham gia ghi chép diễn biến bệnh và kế hoạch chăm sóc
- Tham gia các buổi sinh hoạt khoa học của khoa, bệnh viện
- Trục 1 buổi/tuần
- Thời gian tham gia trực của sinh viên: sinh viên tham gia trực ngoài giờ hành chính.
 - + Từ thứ hai đến thứ sáu: buổi trưa từ 11:30 – 13:00, buổi chiều từ 17:00 ngày hôm trước – 7:00 ngày hôm sau.
 - + Thứ bảy, chủ nhật: từ 7:00 sáng hôm trước đến 7:00 sáng hôm sau.

1.2. Nhiệm vụ trong kíp trực

- Tiếp đón, khai thác tiền sử, bệnh sử, thăm khám bệnh nhân mới

- Nhận bàn giao bệnh nhân từ kíp trực trước
- Đưa và nhận xét nghiệm
- Tham gia chăm sóc bệnh nhân phòng cấp cứu và những bệnh nhân có diễn biến
- Viết báo cáo giao ban cho sáng hôm sau

1.3. Nhiệm vụ trong giờ học lâm sàng hàng ngày

Sinh viên sẽ được phân công phụ trách từng buồng bệnh, mỗi sinh viên phụ trách 2 BN cụ thể. Do đó, sinh viên sẽ tham gia vào nhóm chăm sóc bệnh nhân cụ thể.

1.3.1. Trách nhiệm với người bệnh

Trong khóa học này, tại từng khoa, sinh viên sẽ tham gia vào nhóm chăm sóc bệnh nhân tại bệnh phòng. Sinh viên sẽ chia sẻ trách nhiệm chăm sóc người bệnh tại bệnh phòng theo sự phân công của bác sĩ trưởng nhóm.

1.3.2. Trách nhiệm với nhóm chăm sóc

- Sinh viên phải nắm rõ thông tin bệnh sử, tiền sử, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhân cũng như diễn tiến của bệnh nhân.
- Báo cáo ngắn gọn, súc tích các thông tin về ca bệnh trong khi đi buồng hoặc giảng đầu giường.
- Tham dự cuộc thảo luận để đi đến chẩn đoán tiềm năng và kế hoạch chăm sóc bệnh nhân của nhóm chăm sóc.
- Thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong việc chăm sóc bệnh nhân.

1.3.3. Trách nhiệm với dịch vụ

Sinh viên được thực hiện các kỹ năng, các thủ thuật đã được học trên người bệnh khi được sự cho phép và giám sát của bác sĩ.

- Tham gia với tư cách là thành viên của nhóm chăm sóc
- Tham gia hỏi bệnh, khám bệnh
- Tham gia chăm sóc bệnh nhân
- Tham gia thực hiện/quan sát các thủ thuật được học
- Làm quen với bệnh án điện tử và phần mềm quản lý bệnh viện: biết xem các thông tin trên bệnh án điện tử và quản lý bệnh viện

2. Quy định điều kiện dự thi:

Thực hiện theo quy định chung của Nhà trường

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	20/04/2019	Bộ môn Nội
2.	Lần 2	05/05/2021	Bộ môn Nội
3.	Dự kiến	05/05/2023	Bộ môn Nội
4.			
5.			

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**TRƯỞNG BỘ MÔN NỘI****TS Vũ Thanh Bình**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THÁI BÌNH

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN/KHOA: NỘI**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****NĂM 2021**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Nội bệnh lý

Tên tiếng Anh: Internal Medicine

Mã học phần: 3130INTMED2P, 3130INTMED2T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính**1. Thông tin chung:**

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	YHDP năm 3
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	2/2
Số tiết Lý thuyết:	28
Thảo luận:	
Số giờ tự học:	72
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	60
Thảo luận:	
Số giờ tự học:	40
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	2/2
Giữa học phần:	1/1
Kết thúc học phần:	1/1

Học phần học trước:	Các học phần KHCB: Toán, Lý, Hóa, Sinh...
Học phần tiên quyết:	Các học phần YHCS: Mô phôi, Giải phẫu, Sinh lý, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh, CDHA, Thực hành kỹ năng Y khoa, Nội cơ sở (Nội 1), Nhi cơ sở, Ngoại cơ sở.
Học phần song hành:	Nhi bệnh học, Ngoại bệnh học, Truyền nhiễm, Phổi
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Nội

2. Mô tả chung về học phần:

Bệnh học Nội khoa (Nội bệnh lý) là một học phần dạy-học về bệnh học và điều trị một số bệnh thường gặp trong lâm sàng nội khoa thuộc các chuyên ngành: tim mạch, tiêu hóa, hô hấp, nội tiết. Ở học phần này sinh viên được học được cách tiếp cận sâu hơn về các mặt bệnh, kết nối các kiến thức đã học trong học phần Triệu chứng nội khoa vào giải thích, phân tích, quy nạp thành các hội chứng để lập luận đưa chẩn đoán tiềm năng, ứng dụng các xét nghiệm cận lâm sàng để thu hẹp và từ đó lập kế hoạch điều trị, chăm sóc, tiên lượng bệnh.

Ở học phần này, sinh viên tiếp tục được rèn luyện và hoàn thiện kỹ năng khai thác bệnh sử, thăm khám thực thể, chỉ định và phiên giải các thăm dò cận lâm sàng, có thể lập luận để đưa ra chẩn đoán xác định, lập kế hoạch và thực hiện chăm sóc bệnh nhân, đồng thời tiên lượng được những biến chứng.

Tại vòng luân khoa này, sinh viên thực hiện và hoàn thiện một số thủ thuật nội khoa thông thường như các kỹ thuật tiêm, lấy máu xét nghiệm, thử đường huyết mao mạch... Đồng thời sinh viên còn được kiến tập, phụ giúp xử trí cấp cứu như cấp cứu sốc, cấp cứu ngừng tuần hoàn...

Sinh viên tiếp tục rèn luyện việc nhận và bàn giao ca trực, viết và báo cáo giao ban, báo cáo ca bệnh bằng hình thức miệng hoặc trình chiếu. Sinh viên được tiếp tục sử dụng và tiến tới sử dụng thành thạo phần mềm quản lý người bệnh. Tiếp tục rèn luyện và hoàn thiện tính chuyên nghiệp trong thăm khám và chăm sóc người bệnh.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Vũ Thanh Bình	TS	0334588298	binhvt@tbump.edu.vn	Phụ trách
2.	Nguyễn Minh Phúc	TS	0943484898	Minhphucytb@gmail.com	Tham gia
3.	Trần Xuân Thủy	TS	0942462010	bsxuanthuuytb@gmail.com	Tham gia
4.	Nguyễn Lê Thủy	Ths.BSCKII	0947015045	thuynguyenytb@gmail.com	Tham gia
5.	Nguyễn Thị Lý	Ths.BSCKII	0387767556	lythaibinh81@gmail.com	Tham gia
6.	Hoàng Thị Thúy Diệu	Ths	0396808280	hoanghalinh1912@gmail.com	Tham gia
7.	Dương Thị An	Ths	0976574142	dr.anytb@gmail.com	Tham gia
8.	Lê Minh Hiếu	Ths	0916486256	(p) drhieuytb@gmail.com	Tham gia
9.	Mai Văn Toàn	Ths	0979012386	lemaitoan@gmail.com	Giáo vụ
10.	Trần Thị Hằng	Ths	0972796786	(q) hangtranytb@gmail.com	Tham gia
11.	Trần Thị Hoa	Ths	0977802990	(r) hoatran.dhytb@gmail.com	Tham gia
12.	Nguyễn Thị Hiền	Ths	0908971668	(s) Dr.hienytb@gmail.com	Tham gia
13.	Phùng Thị Thanh	Ths	0979157438	(t) drthanhphung@gmail.com	Tham gia
14.	Trần Thị Nương	Ths	0975244645	(u) nuongtrandr@gmail.com	Tham gia

15.	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Ths	0987697837	(v) <i>huyenngocy tb@gmail.com</i>	Tham gia
16.	Nguyễn Thị Kim Dung	BSNT	0962158088	(w) <i>nguyenkimd ungytb@gmail.co m</i>	Tham gia
17.	Ngô Thị Hoài	BSCkII	0989971456	(x) <i>ngohoaiytb @gmail.com</i>	Tham gia
18.	Trần Thị Như Quỳnh	Ths	0975435905	(y) <i>nhuquynhyt b@gmail.com</i>	Tham gia
19.	Vũ Thị Thu Hương	Ths	0976656866	(z) <i>thuhuong07 05@gmail.com</i>	Tham gia
20.	Nguyễn Thị Thu Thủy	BS	0365518818	(aa) <i>nguyenthut huy93.ytb@gmail. com</i>	Tham gia
21.	Đỗ Thị Thu Hương	BS	0369180612	(bb) <i>thuhuongct b2203@gmail.co m</i>	Tham gia
22.	Vũ Phi Hùng	BS	0972180119		Tham gia
23.	Trương Thị Thu Hằng	BS	0974819292	(cc) <i>truonghang 2201@gmail.com</i>	Tham gia
24.	Bùi Hồng Nam	BS	0394611996	(dd) <i>buihongna m96@gmail.com</i>	Tham gia

3. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Vận dụng tốt kiến thức YHCS để giải thích triệu chứng lâm sàng thường gặp trong lâm sàng nội khoa.	PEO: 1, 2, 3, 4
2.	Khai thác thành thạo các triệu chứng cơ năng của người bệnh.	PEO: 1, 2, 3, 4

3.	Thực hiện thành thạo các thao tác khám lâm sàng cơ bản.	PEO: 1, 2, 3, 4
4.	Phát hiện đúng các triệu chứng thực thể	PEO: 1, 2, 3, 4
5.	Định khu được cơ quan bộ phận bệnh lý dựa vào triệu chứng lâm sàng.	PEO: 1, 2, 3, 4
6.	Đề xuất các thăm dò cận lâm sàng phù hợp với các triệu chứng lâm sàng một cách hiệu quả, tiết kiệm	PEO: 1, 2, 3, 4
7.	Phiên giải tốt kết quả công thức máu, sinh hóa máu và một số thăm dò CLS cơ bản.	PEO: 1, 2, 3, 4
8.	Tập hợp tốt các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng thành các hội chứng bệnh lý phù hợp.	PEO: 1, 2, 3, 4
9.	Lập luận để đưa ra được các chẩn đoán tiềm năng dựa vào triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng.	PEO: 1, 2, 3, 4
10.	Báo cáo miệng ca lâm sàng theo đúng bố cục.	PEO:4
11.	Tiếp tục hoàn thiện tính chuyên nghiệp trong thực hành lâm sàng	PEO: 5

4. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Giải thích hợp lý các triệu chứng lâm sàng nội khoa dựa vào kiến thức KHCB, YHCS	S: PLO 3, 4, 7 H: PLO 1, 6

2.	Khai thác thành thạo các triệu chứng cơ năng của người bệnh một cách đầy đủ, theo trình tự hợp lý	S: PLO 3, 4, 7 H: PLO 1, 6
3.	Phát hiện đúng các triệu chứng thực thể bằng các thao tác thăm khám thành thạo	S: PLO 3, 4, 7 H: PLO 1, 6
4.	Chỉ định hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm các thăm dò cận lâm sàng	S: PLO 3, 4, 7 H: PLO 1, 6
5.	Phiên giải đúng kết quả cận lâm sàng cơ bản và áp dụng trong lập luận chẩn đoán	S: PLO 3, 4, 7 H: PLO 1, 6
6.	Lập luận và đưa ra các chẩn đoán tiềm năng theo thứ tự ưu tiên	S: PLO 3, 4, 7 H: PLO 1, 6
7.	Báo cáo miệng lưu loát các ca lâm sàng	S: PLO 1, 3, 4, 7 H: PLO 8, 13
8.	Phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm chăm sóc.	S: PLO 5 H: PLO 8, 13
9.	Thể hiện sự tôn trọng, cảm thông với người bệnh.	S: PLO 10 H: PLO 12, 14
10.	Thực hiện giao tiếp phù hợp với bác sỹ, điều dưỡng, nhân viên khoa phòng và người nhà người bệnh.	S: PLO 8, 10 H: PLO 12, 13
11.	Thực hiện nghiêm nội quy, quy chế của Nhà trường, bộ môn	S: PLO 10

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1.	Bài 1: Tăng huyết áp 1. Định nghĩa, phân loại tăng huyết áp, tăng huyết áp 2. Các yếu tố nguy cơ tim mạch 3. Nguyên nhân gây tăng huyết áp 4. Tổn thương cơ quan đích trong tăng huyết áp 5. Điều trị	2	1. Trình bày được định nghĩa và phân loại tăng huyết áp 2. Nhận biết được các yếu tố nguy cơ tim mạch và nguyên nhân tăng huyết áp trên một bệnh nhân cụ thể. 3. Chẩn đoán được tổn thương cơ quan đích và đề xuất được biện pháp điều trị phù hợp trên một bệnh nhân THA cụ thể	1, 2, 3, 4, 5, 6
2.	Bài 2: Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Triệu chứng cận lâm sàng 5. Điều trị 6. Phòng bệnh Ca lâm sàng viêm phổi	2	1. Đánh giá được các yếu tố nguy cơ của bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính. 2. Phân tích được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính. 3. Lập luận chẩn đoán để đưa ra được chẩn đoán với từng bệnh cảnh lâm sàng cụ thể. 4. Lựa chọn phương pháp điều trị được bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính trong từng trường hợp cụ thể.	1, 2, 3, 4, 5, 6

3.	Bài 3: Hen phế quản 1. Khái niệm 2. Nguyên nhân 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Triệu chứng lâm sàng 5. Triệu chứng cận lâm sàng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Dự phòng Ca lâm sàng hen phế quản	2	1. Dựa vào cơ chế bệnh sinh giải thích triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của hen phế quản. 2. Áp dụng được các tiêu chuẩn chẩn đoán hen phế quản phù hợp với từng bệnh nhân. 3. Lựa chọn phương pháp điều trị cụ thể đợt cấp và duy trì với từng ca bệnh hen.	1, 2, 3, 4, 5, 6
4.	Bài 4: Đái tháo đường 1. Đại cương 2. Chẩn đoán 3. Biến chứng cấp tính 4. Biến chứng mạn tính 5. Điều trị	2	1. Trình bày được chẩn đoán đái tháo đường, đái tháo đường týp 1, đái tháo đường týp 2 dựa vào triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng. 2. Trình bày được biến chứng cấp tính, biến chứng mạn của bệnh đái tháo đường. 3. Lựa chọn được mục tiêu điều trị và các thuốc điều trị ở bệnh nhân đái tháo đường cụ thể	1, 2, 3, 4, 5, 6
5.	Bài 5: Basedow 1. Đại cương 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 5. Biến chứng	2	1. Trình bày được chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt bệnh Basedow dựa vào triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng.	1, 2, 3, 4, 5, 6

	6. Điều trị		2. Trình bày được các cận lâm sàng cần thiết để chẩn đoán và điều trị ở bệnh nhân Basedow 3. Lựa chọn được phương pháp điều trị và các thuốc điều trị ở bệnh nhân Basedow cụ thể. 4. Trình bày các biến chứng có thể xảy ra ở bệnh nhân Basedow và cách dự phòng.	
6.	Bài 6: Bướu cổ đơn thuần 1. Triệu chứng lâm sàng 2. Cận lâm sàng 3. Chẩn đoán 4. Biến chứng 5. Điều trị	1	1. Trình bày được phân loại, nguyên nhân bướu giáp đơn thuần 2. Chẩn đoán được bướu giáp đơn thuần và dự báo được các biến chứng của bướu giáp đơn thuần. 3. Đề xuất được biện pháp điều trị phù hợp với từng bệnh cảnh lâm sàng Bướu giáp đơn thuần.	1, 2, 3, 4, 5, 6
7.	Bài 7: Suy giáp 1. Triệu chứng lâm sàng 2. Cận lâm sàng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị	1	1. Phân loại, chẩn đoán được suy giáp dựa vào triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng 2. Đề xuất được biện pháp điều trị phù hợp với từng bệnh cảnh lâm sàng suy giáp	1, 2, 3, 4, 5, 6
8.	Bài 8: Loét dạ dày – tá tràng	2	1. Nhận định được nguyên nhân gây loét dạ dày tá tràng.	1, 2, 3, 4, 5, 6

	1. Đại cương 2. Các nguyên nhân gây loét 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Triệu chứng 5. Chẩn đoán 6. Biến chứng 7. Điều trị		2. Phân tích được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của loét dạ dày tá tràng. 3. Vận dụng kiến thức đã học để chẩn đoán được loét dạ dày tá tràng. 4. Lựa chọn được phương pháp điều trị phù hợp với từng bệnh cảnh loét dạ dày tá tràng cụ thể.	
9.	Bài 8: Bệnh thận mạn 1. Đại cương 2. yếu tố nguy cơ 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Chẩn đoán 5. Biến chứng 6. Điều trị	2	1. Nhận định được bệnh thận mạn, giai đoạn và các yếu tố nguy cơ của bệnh thận mạn. 2. Chẩn đoán phân biệt suy thận mạn, nhận định được các biến chứng có thể gặp của bệnh thận mạn. 3. Đề xuất được biện pháp điều trị phù hợp với từng bệnh cảnh lâm sàng bệnh thận mạn.	1, 2, 3, 4, 5, 6
10	Bài 10: Hội chứng thận hư	2	1. Nhận định được nguyên nhân của Hội chứng thận hư. 2. Chẩn đoán được Hội chứng thận hư dựa vào triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng. 3. Dự báo được các biến chứng có thể gặp trong mỗi tình huống Hội chứng thận hư.	1, 2, 3, 4, 5, 6

			4. Đề xuất được biện pháp điều trị phù hợp với từng bệnh cảnh lâm sàng Hội chứng thận hư.	
11	Bài 11: Xuất huyết giảm tiểu cầu 1. Cơ chế 2. Lâm sàng, cận lâm sàng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị	2	1. Vận dụng các kiến thức y học cơ sở để giải thích được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch. 2. Chẩn đoán được bệnh xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch dựa vào các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng cụ thể. 3. Lựa chọn phác đồ điều trị đặc hiệu bệnh xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch.	1, 2, 3, 4, 5, 6
12	Bài 12: Gút 1. Đại cương 2. Lâm sàng 3. Cận lâm sàng 4. Phương pháp điều trị 5. Biến chứng	2	1. Liệt kê được các chẩn đoán tiềm năng dựa vào triệu chứng lâm sàng ở bệnh nhân đau khớp cụ thể. 2. Chỉ định và phân tích được các thăm dò cận lâm sàng cần thiết ở bệnh nhân gút. 3. Lựa chọn được phương pháp điều trị và các thuốc điều trị ở bệnh nhân gút cụ thể.	1, 2, 3, 4, 5, 6

			4. Dự báo được các biến chứng có thể gặp và phương pháp phòng bệnh gút	
13	Bài 13: Thoái hoá khớp 1. Triệu chứng lâm sàng 2. Triệu chứng cận lâm sàng 3. Phương pháp điều trị 4. Biến chứng và phòng bệnh	2	1. Vận dụng các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng để đưa ra các chẩn đoán tiềm năng ở mỗi tình huống cụ thể. 2. Phân tích các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, từ đó chỉ định được các thăm dò cận lâm sàng cần thiết ở bệnh nhân thoái hoá khớp cụ thể. 3. Lựa chọn được phương pháp điều trị và các thuốc điều trị ở bệnh nhân thoái hoá khớp cụ thể. 4. Dự báo được các biến chứng và đưa ra được biện pháp phòng bệnh phù hợp ở mỗi tình huống cụ thể.	1, 2, 3, 4, 5, 6
14	Bài 14: Ngừng tuần hoàn 1. Cơ chế bệnh sinh 2. Chẩn đoán 3. Quy trình cấp cứu	2	1. Chẩn đoán được ngừng tuần hoàn và giải thích được cơ chế bệnh sinh của ngừng tuần hoàn. 2. Áp dụng đúng các bước trong quy trình cấp cứu ngừng tuần hoàn..	1, 2, 3, 4, 5, 6

			3. Phân tích được vai trò của ép tim đúng trong cấp cứu ngừng tuần hoàn.	
15	Bài 15: Phản vệ 1. Cơ chế bệnh sinh 2. Chẩn đoán 3. Chỉ định Adrenalin	2	1. Giải thích được cơ chế bệnh sinh và các triệu chứng lâm sàng của phản vệ. 2. Chẩn đoán được phản vệ dựa trên các triệu chứng lâm sàng Chỉ định hợp lý Adrenalin đối với mỗi tình huống cấp cứu phản vệ cụ thể.	1, 2, 3, 4, 5, 6
16	Tổng	28		

5. Lâm sàng

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	Bài 1: BBA bệnh van tim 1. Báo cáo bệnh án 2. Nhận xét chung về bố cục 3. Thảo luận từng phần 4. Kết luận	2	1. Làm được bệnh án về bệnh van tim. 2. Chẩn đoán xác định được bệnh van tim và những biến chứng kèm theo dựa vào triệu chứng lâm sàng, CLS cụ thể. 4. Lập kế hoạch chăm sóc và kê đơn thuốc điều trị cụ thể điều trị bệnh van tim. 5. Tiên lượng được và đề ra các biện pháp dự phòng biến chứng 6. Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm và tính chuyên nghiệp.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8

2	Bài 2: BBA bệnh tăng huyết áp 1. Báo cáo bệnh án 2. Nhận xét chung về bố cục 3. Thảo luận từng phần 4. Kết luận	2	1. Làm được bệnh án về bệnh THA. 2. Phân tầng được nguy cơ tim mạch ở BN THA cụ thể. 4. Lập kế hoạch chăm sóc và kê đơn thuốc điều trị THA. 5. Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm và tính chuyên nghiệp.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
3	Bài 3: BBA bệnh Viêm phổi 1. Báo cáo bệnh án 2. Nhận xét chung về bố cục 3. Thảo luận từng phần 4. Kết luận	2	1. Làm được bệnh án về bệnh viêm phổi 2. Chẩn đoán xác định được bệnh viêm phổi dựa vào triệu chứng lâm sàng, CLS cụ thể. 4. Lập kế hoạch chăm sóc và kê đơn thuốc điều trị cụ thể điều trị bệnh viêm phổi. 5. Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm và tính chuyên nghiệp.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
4	Bài 4: BBA bệnh Áp xe phổi 1. Báo cáo bệnh án 2. Nhận xét chung về bố cục 3. Thảo luận từng phần 4. Kết luận	2	1. Làm được bệnh án về bệnh áp xe phổi. 2. Chẩn đoán xác định được áp xe phổi dựa vào triệu chứng lâm sàng, CLS cụ thể. 4. Lập kế hoạch chăm sóc và kê đơn thuốc điều trị cụ thể điều trị bệnh áp xe phổi. 5. Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm và tính chuyên nghiệp.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
5	Bài 5: BBA bệnh Hen phế quản 1. Báo cáo bệnh án	2	1. Làm được bệnh án về hen phế quản	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8

	2. Nhận xét chung về bố cục 3. Thảo luận từng phần 4. Kết luận		2. Chẩn đoán xác định được hen phế quản dựa vào triệu chứng lâm sàng. 4. Áp dụng được phác đồ cắt cơn hen và dự phòng hen. 5. Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm và tính chuyên nghiệp.	
6	Bài 6: BBA bệnh Basedow 1. Báo cáo bệnh án 2. Nhận xét chung về bố cục 3. Thảo luận từng phần 4. Kết luận	2	1. Làm được bệnh án về bệnh Basedow 2. Chẩn đoán xác định được bệnh Basedow dựa vào triệu chứng lâm sàng, CLS cụ thể. 4. Lập kế hoạch chăm sóc và kê đơn thuốc điều trị cụ thể điều trị bệnh Basedow. 5. Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm và tính chuyên nghiệp.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
7	Bài 7: BBA bệnh Đái tháo đường 1. Báo cáo bệnh án 2. Nhận xét chung về bố cục 3. Thảo luận từng phần 4. Kết luận	2	1. Làm được bệnh án về bệnh đái tháo đường. 2. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán được biến chứng ở BN ĐTĐ 4. Lập kế hoạch chăm sóc và kê đơn thuốc điều trị cụ thể điều trị bệnh nhân ĐTĐ. 5. Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm và tính chuyên nghiệp.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
8	Bài 8: BBA Bướu cổ đơn thuần 1. Báo cáo bệnh án 2. Nhận xét chung về bố cục	2	1. Làm được bệnh án về bệnh bướu cổ. 2. Chẩn đoán xác định được bệnh bướu cổ đơn thuần.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8

	3. Thảo luận từng phần 4. Kết luận		4. Lựa chọn được phương pháp điều trị bệnh nhân bướu cổ đơn thuần. 5. Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm và tính chuyên nghiệp.	
9	Bài 9: BBA Áp xe gan 1. Báo cáo bệnh án 2. Nhận xét chung về bố cục 3. Thảo luận từng phần 4. Kết luận	2	1. Làm được bệnh án về bệnh áp xe gan 2. Chẩn đoán xác định được áp xe gan dựa vào triệu chứng lâm sàng, CLS cụ thể. 4. Chỉ định được thăm dò CLS để chẩn đoán nguyên nhân áp xe gan 4. Lập kế hoạch chăm sóc và kê đơn thuốc điều trị cụ thể điều trị bệnh áp xe gan. 5. Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm và tính chuyên nghiệp.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
10	Bài 10: BBA Loét dạ dày tá tràng 1. Báo cáo bệnh án 2. Nhận xét chung về bố cục 3. Thảo luận từng phần 4. Kết luận	2	1. Làm được bệnh án về bệnh viêm phổi 2. Chẩn đoán xác định được bệnh viêm phổi dựa vào triệu chứng lâm sàng, CLS cụ thể. 4. Lập kế hoạch chăm sóc và kê đơn thuốc điều trị cụ thể điều trị bệnh viêm phổi. 5. Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm và tính chuyên nghiệp.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
11	Giao ban hàng ngày 1. Báo cáo thành phần kíp trực	40	- Báo cáo miệng được các diễn biến trong kíp trực. - Trình bày miệng được các ca bệnh.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11

	2. Báo cáo tình hình chung 3. Báo cáo ca bệnh cụ thể 4. Thảo luận ca bệnh cụ thể 5. Phản hồi về tính chuyên nghiệp		- Chỉ định và phiên giải được các kết quả cận lâm sàng cơ bản. - Lập luận để đưa ra được các chẩn đoán tiềm năng ưu tiên dựa vào thông tin lâm sàng, cận lâm sàng. - Thể hiện được tính chuyên nghiệp trong báo cáo giao ban.	
12	Đi buồng hàng ngày 1. Thăm khám bệnh nhân 2. Ghi chép bệnh án 3. Chăm sóc bệnh nhân 4. Phản hồi về tính chuyên nghiệp	62	- Khai thác được triệu chứng cơ năng của người bệnh. - Thực hiện được các thao tác thăm khám. - Theo dõi và nhận định được diễn biến ca bệnh. - Thực hiện chăm sóc bệnh nhân. - Thể hiện được tính chuyên nghiệp trong suốt quá trình học tập.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11
13	Giảng đầu giường 2 buổi/tuần 1. Báo cáo ca bệnh 2. Phân tích triệu chứng lâm sàng 3. Phiên giải kết quả cận lâm sàng 4. Lập luận chẩn đoán 5. Lập kế hoạch chăm sóc. 6. Phản hồi về tính chuyên nghiệp	38	- Thực hiện được báo cáo miệng ca bệnh cụ thể. - Thực hiện được các kỹ năng thăm khám lâm sàng. - Trình bày được những điều cần lưu ý ở một bệnh nhân cụ thể. - Đặt được câu hỏi lâm sàng với tình huống cần quan tâm. - Thể hiện được tính chuyên nghiệp trong suốt buổi đi buồng điểm bệnh.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11
	Tổng	160		

III. Phương pháp dạy/học

2. Lý thuyết:

- Thuyết trình
- Thảo luận

2. Lâm sàng:

- Tiếp cận và thăm khám người bệnh
- Làm bệnh án nội khoa
- Giao ban khoa
- Đi buồng
- Giảng đầu giường
- Dạy-học tính chuyên nghiệp (lồng ghép trong dạy-học lâm sàng)

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

Máy vi tính, máy chiếu, slide bài giảng, bài giảng phát tay, phấn, bảng.

2. Lâm sàng:

Thực hiện khám và chăm sóc người bệnh, các dụng cụ khám bệnh, bệnh án.

V. Phương pháp lượng giá

1. Lý thuyết: Trắc nghiệm khách quan bằng câu hỏi MCQs.

Số bài kiểm tra giữa học phần: 01. Số bài kiểm tra cuối học phần : 01

2. Lâm sàng : Khám bệnh nhân, làm bệnh án, trả lời vấn đáp

Số bài kiểm tra giữa học phần: 01. Số bài kiểm tra cuối học phần : 01

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần:

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Điểm danh có mặt trên lớp	Điểm danh	Theo Rubric 1 (điểm danh)	11	10

Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2	Bài kiểm tra LT 40 phút, LS 1 tình huống	LT: Trắc nghiệm khách quan 40 MCQs tổ hợp từ ngân hàng đề, trong 40 phút LS: Thực hiện thăm khám người bệnh	Theo đáp án và thang điểm thống nhất chung	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,7	Bài kiểm tra LT 60 phút, LS 1 tình huống	LT: Trắc nghiệm khách quan 60 MCQs tổ hợp từ ngân hàng đề, trong 60 phút LS: Thực hiện thăm khám người bệnh	Theo đáp án và thang điểm thống nhất chung	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11	10

Công thức tính điểm:

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/tiết học
Đi muộn	0,5 điểm/lần (Nếu muộn > 15 phút sẽ tính vắng không lý do)

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.5-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Trả lời đúng dưới 40%	Trả lời đúng từ 40-54%	Trả lời đúng từ 55-69%	Trả lời đúng từ 70-84%	Trả lời đúng từ 85-100%

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập:

1.1. **Nguyễn Duy Cường, Vũ Thanh Bình** (2014), *Bệnh học Nội khoa, tập 1*, NXB Giáo dục

1.2. **Nguyễn Duy Cường, Vũ Thanh Bình** (2014), *Bệnh học Nội khoa, tập 2*, NXB Giáo dục

1.2. Tài liệu trên hệ thống E-learning nhà trường

2. Tài liệu tham khảo:

2.3. **Các Bộ môn Nội, trường Đại học Y Hà Nội**, (2011), *Nội khoa cơ sở tập 1*, Nhà Xuất bản y học.

2.4. **Các Bộ môn Nội, trường Đại học Y Hà Nội**, (2011), *Nội khoa cơ sở tập 2*, Nhà Xuất bản y học.

2.5. **Các Bộ môn Nội, trường Đại học Y Hà Nội**, (2012), *Bệnh học nội khoa tập 1*, Nhà Xuất bản y học.

2.6. **Các Bộ môn Nội, Trường Đại học Y Hà Nội**, (2012), *Bệnh học nội khoa tập 2*, Nhà Xuất bản y học.

2.7. **Harrison (2015)**, Harrison's Principles of Internal Medicine, McGraw-Hill.

2.8. **Vũ Thanh Bình, Lê Đình Tuấn**, (2022), Triệu chứng Nội khoa, NXB Y học.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

1.1. Nhiệm vụ khi đi lâm sàng tại khoa điều trị nội trú

- Tiếp cận và làm quen với thao tác phần mềm khám chữa bệnh nội trú
- Thực hiện việc khai thác bệnh sử, tiền sử và thăm khám bệnh nhân
- Tham gia chăm sóc bệnh nhân
- Tham gia ghi chép diễn biến bệnh và kế hoạch chăm sóc
- Tham gia các buổi sinh hoạt khoa học của khoa, bệnh viện
- Trục 1 buổi/tuần
- Thời gian tham gia trực của sinh viên: sinh viên tham gia trực ngoài giờ hành chính.
 - + Từ thứ hai đến thứ sáu: buổi trưa từ 11:30 – 13:00, buổi chiều từ 17:00 ngày hôm trước – 7:00 ngày hôm sau.
 - + Thứ bảy, chủ nhật: từ 7:00 sáng hôm trước đến 7:00 sáng hôm sau.

1.2. Nhiệm vụ trong kíp trực

- Tiếp đón, khai thác tiền sử, bệnh sử, thăm khám bệnh nhân mới
- Nhận bàn giao bệnh nhân từ kíp trực trước
- Đưa và nhận xét nghiệm
- Tham gia chăm sóc bệnh nhân phòng cấp cứu và những bệnh nhân có diễn biến
- Viết báo cáo giao ban cho sáng hôm sau

1.3. Nhiệm vụ trong giờ học lâm sàng hàng ngày

Sinh viên sẽ được phân công phụ trách từng buồng bệnh, mỗi sinh viên phụ trách 2 BN cụ thể. Do đó, sinh viên sẽ tham gia vào nhóm chăm sóc bệnh nhân cụ thể.

1.3.1. Trách nhiệm với người bệnh

Trong khóa học này, tại từng khoa, sinh viên sẽ tham gia vào nhóm chăm sóc bệnh nhân tại bệnh phòng. Sinh viên sẽ chia sẻ trách nhiệm chăm sóc người bệnh tại bệnh phòng theo sự phân công của bác sĩ trưởng nhóm.

1.3.2. Trách nhiệm với nhóm chăm sóc

- Sinh viên phải nắm rõ thông tin bệnh sử, tiền sử, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhân cũng như diễn tiến của bệnh nhân.
- Báo cáo ngắn gọn, súc tích các thông tin về ca bệnh trong khi đi buồng hoặc giảng đầu giường.
- Tham dự cuộc thảo luận để đi đến chẩn đoán tiềm năng và kế hoạch chăm sóc bệnh nhân của nhóm chăm sóc.
- Thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong việc chăm sóc bệnh nhân.

1.3.3. Trách nhiệm với dịch vụ

Sinh viên được thực hiện các kỹ năng, các thủ thuật đã được học trên người bệnh khi được sự cho phép và giám sát của bác sĩ.

- Tham gia với tư cách là thành viên của nhóm chăm sóc
- Tham gia hỏi bệnh, khám bệnh
- Tham gia chăm sóc bệnh nhân
- Tham gia thực hiện/quan sát các thủ thuật được học
- Làm quen với bệnh án điện tử và phần mềm quản lý bệnh viện: biết xem các thông tin trên bệnh án điện tử và quản lý bệnh viện

2. Quy định điều kiện dự thi:

Thực hiện theo quy định chung của Nhà trường

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	20/04/2019	Bộ môn Nội
2.	Lần 2	05/05/2021	Bộ môn Nội
3.	Dự kiến	05/05/2023	Bộ môn Nội

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

TRƯỞNG BỘ MÔN NỘI

TS Vũ Thanh Bình

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
BỘ MÔN/KHOA: NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm 2021

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Ngoại cơ sở

Tên tiếng Anh:

Mã học phần: 3130SURGER1P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	4
Số tiết Lý thuyết:	32
Thảo luận :	0
Số giờ tự học:	68
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	60
Thảo luận:	0
Số giờ tự học:	40
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	
Giữa học phần:	1

Kết thúc học phần:	1
Học phần học trước:	Giải phẫu, sinh lí, nội cơ sở
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Ngoại, gây mê hồi sức

2. Mô tả chung về học phần:

Ngoại khoa cơ sở là môn học trang bị cho người học những kiến thức ngoại khoa cơ bản, cách khám phát hiện triệu chứng ngoại khoa trên lâm sàng; quy trình thăm khám và làm bệnh án ngoại khoa.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TS. BS Phan Văn Cường

PGS. TS. BS Vũ Sơn

TS. BS Phan Thanh Lương

ThS. BSCK II Lại Ngọc Thắng

ThS. BSCK II Hoàng Minh Nhữ

ThS. BS Đào Công Toàn

ThS. BSCKII Nguyễn Đình Hùng

ThS. BSCKII Trịnh Thành Vinh

ThS. BS Nguyễn Văn Quân

ThS. BSCKII Đỗ Văn Chiêu

ThS. BS Phạm Hồng Quảng

ThS. BS Nguyễn Đình Thái

ThS. BS Vũ Ngọc Bắc

Ths. BS Lương Văn Hải

BSNT. Vũ Tiến Tùng

ThS. BSNT. Tô Hoàng Dũng

ThS. BSNT. Phạm Tuấn Đạt

ThS. BSNT. Phan Hoàng Nam

BSCKII. Bùi Ngọc Chính

ThS. Nguyễn Thị Bích Phượng

Ths. Vũ Đình Lượng

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	- Trình bày được cách khám và phát hiện được các triệu chứng, hội chứng một số bệnh ngoại khoa thường gặp	PEO 1,2
2.	- Có khả năng tự học để nâng cao kiến thức cơ bản về ngoại khoa.	PEO 1,2,
3.	- <i>Khám, phát hiện được các triệu chứng ngoại khoa trên lâm sàng.</i>	PEO 1,2,5
4.	- <i>Làm được bệnh án ngoại khoa.</i>	PEO 1,2,5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1	Nội dung gồm những kiến thức, kỹ năng cơ bản về thăm khám, các triệu chứng và các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp; kiến thức cơ bản về gây tê, gây mê, vô khuẩn và tiết khuẩn trong ngoại khoa. Khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp.	S: PLO 1, 4 H: PLO 3, 5,7,10,13

Chú thích: S (Support) đóng góp cho chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1.	Bài 1. Khám bụng ngoại khoa 1. Phân chia định khu ổ bụng 2. Một số thao tác khám bụng ngoại khoa	2	1. Trình bày được phân khu ổ bụng theo lược đồ Chrapy 2. Trình bày được cách thăm khám bụng 3. Kể được các điểm đau đặc biệt 4. Trình bày được các dấu hiệu bệnh lý của thành bụng	S: PLO 1, 4 H: PLO 3, 5,7,10,13
2.	Bài 2. Khám hậu môn trực tràng, 1. Đại cương 2. Một số dấu hiệu bệnh lý khi thăm khám hậu môn trực tràng	2	1. Kể được một số đặc điểm giải phẫu liên quan đến hậu môn trực tràng. 2. Trình bày được cách thăm khám hậu môn trực tràng. 3. Nêu được ý nghĩa lâm sàng các thương tổn ở hậu môn trực tràng	S: PLO 1, 4 H: PLO 3, 5,7,10,13
3.	Bài 3. Đại cương gây mê, gây tê, đau cương sóc 1. Đại cương gây mê 2. Đại cương gây tê 3. Đại cương shock 4. Chẩn đoán shock	4	1. Trình bày được các dấu hiệu của các thời kỳ gây mê, gây tê 2. Trình bày được tai biến chứng gây mê, gây tê	S: PLO 1, 4 H: PLO 3, 5,7,10,13

			3.Trình bày được các dấu hiệu của shock nhiễm trùng 4.Trình bày được các dấu hiệu của shock chấn thương	
4.	Bài 4. Nhiễm trùng ngoại khoa 1. Khái niệm nhiễm trùng ngoại khoa 2. Các nhiễm trùng ngoại khoa thường gặp	2	1. Biết được khái niệm cơ bản về nhiễm trùng ngoại khoa 2. Biết được các tổn thương hay gặp trong nhiễm trùng ngoại khoa 3. Biết cách xử trí những tổn thương nhiễm trùng ngoại khoa thường gặp.	S: PLO 1, 4 H: PLO 3, 5,7,10,13
5.	Bài 5. Hội chứng viêm phúc mạc 1. Đại cương 2. Triệu chứng cơ năng 3. Triệu chứng toàn thân 4. Dấu hiệu thực thể 5. Triệu chứng cận lâm sàng	2	1. Nêu được cơ chế bệnh sinh của viêm phúc mạc 2. Trình bày được nguyên nhân và phân loại viêm phúc mạc 3. Trình bày được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của hội chứng viêm phúc mạc cấp. 4. Trình bày được nguyên tắc điều trị 5. Nêu được các biện pháp phát hiện và các phương pháp điều trị ban đầu ở tuyến cơ sở	S: PLO 1, 4 H: PLO 3, 5,7,10,13

6.	Bài 6. Hội chứng tắc ruột 1. Đại cương 2. Triệu chứng cơ năng 3. Triệu chứng toàn thân 4. Dấu hiệu thực thể 5. Triệu chứng cận lâm sàng	2	1. Định nghĩa được tắc ruột 2. Nêu được nguyên nhân và phân loại tắc ruột 3. Trình bày được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của hội chứng tắc ruột 4. Trình bày nguyên tắc điều trị tắc ruột 5. Nêu được các biện pháp phát hiện và các phương pháp điều trị ban đầu ở tuyến cơ sở	S: PLO 1, 4 H: PLO 3, 5,7,10,13
7.	Bài 7. Hội chứng chảy máu trong 1. Đại cương 2. Triệu chứng cơ năng 3. Triệu chứng toàn thân 4. Dấu hiệu thực thể 5. Triệu chứng cận lâm sàng	2	1. Mô tả được khái niệm hội chứng chảy máu trong 2. Nêu được các nguyên nhân gây nên hội chứng chảy máu trong. 3. Trình bày được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của hội chứng chảy máu trong. 4. Trình bày được nguyên tắc điều trị 5. Trình bày được các biện pháp sơ cứu	S: PLO 1, 4 H: PLO 3, 5,7,10,13

			ban đầu và phòng ngừa tai biến.	
8.	Bài 8. Hội chứng vàng da ngoại khoa 1. Đại cương 2. Triệu chứng cơ năng 3. Triệu chứng toàn thân 4. Dấu hiệu thực thể 5. Triệu chứng cận lâm sàng	2	1. Trình bày được khái niệm về vàng da ngoại khoa 2. Nêu được cơ chế bệnh sinh của vàng da ngoại khoa 3. Trình bày được nguyên nhân gây vàng da ngoại khoa 4. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của hội chứng vàng da ngoại khoa 5. Trình bày được nguyên tắc điều trị vàng da ngoại khoa	S: PLO 1, 4 H: PLO 3, 5,7,10,13
9.	Bài 9. Khám bẹn bìu, Khám tiết niệu, triệu chứng học hệ tiết niệu 1. Đại cương 2. Triệu chứng cơ năng 3. Triệu chứng toàn thân 4. Dấu hiệu thực thể 5. Triệu chứng cận lâm sàng	4	1.Trình bày được cách khám bẹn bìu 2.Trình bày được những đặc điểm của cơn đau bụng thận 3.Trình bày được những đặc điểm cơ bản của biểu hiện rối loạn tiểu tiện thường gặp 4.Kể tên một số nguyên nhân thường gặp gây bí	S: PLO 1, 4 H: PLO 3, 5,7,10,13

			đái. Kể tên những biện pháp thường được áp dụng để xử trí bí đái cấp tính.	
10	Bài 10. Khám chấn thương ngực 1. Đại cương 2. Triệu chứng cơ năng 3. Triệu chứng toàn thân 4. Dấu hiệu thực thể 5. Triệu chứng cận lâm sàng	2	1. Nêu được nguyên nhân chung thăm khám chấn thương lồng ngực. 2. Trình bày được những dấu hiệu bệnh lý khi thăm khám chấn thương lồng ngực. 3. Nêu được các phương pháp cấp cứu tối thiểu.	S: PLO 1, 4 H: PLO 3, 5,7,10,13
11	Bài 11. Sỏi mật, lồng ruột cấp 1. Triệu chứng sỏi ống mật chủ 2. Triệu chứng lồng ruột cấp	4	1. Nêu được đặc điểm lịch sử, dịch tễ học và cơ chế bệnh sinh 2. Nêu được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của sỏi OMC 3. Chẩn đoán được sỏi ống mật chủ thể điển hình 4. Kể được các phương pháp điều trị sỏi OMC 5. Trình bày được các biện pháp phòng bệnh tại cộng 6. Nêu được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của lồng ruột cấp	S: PLO 1, 4 H: PLO 3, 5,7,10,13

			7. Trình bày được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của lồng ruột cấp thể điển hình. 8. Trình bày được chẩn đoán lồng ruột cấp đến sớm và đến muộn 9. Trình bày được chỉ định và các phương pháp điều trị lồng ruột	
12.	Bài 12. Viêm ruột thừa, thủng ổ loét dạ dày 1. Triệu chứng viêm ruột thừa 2. Triệu chứng thủng dạ dày	4	1. Nêu được cơ chế bệnh sinh của VRT 2. Trình bày được nguyên nhân VRT 3. Trình bày được triệu chứng VRT 4. Trình bày được nguyên tắc điều trị VRT 5. Trình bày được cơ chế bệnh sinh của thủng dạ dày - tá tràng 6. Trình bày được nguyên nhân thủng ổ loét dạ dày - tá tràng 7. Triệu chứng của thủng ổ loét dạ dày - tá tràng 8. Trình bày được nguyên tắc điều trị thủng ổ loét dạ dày - tt	S: PLO 1, 4 H: PLO 3, 5,7,10,13

2. Lâm sàng

- Giao ban 5 tiết/ tuần
- Giảng đầu giường 3 tiết / tuần
- Đi buồng 2 tiết / tuần
- Bình bệnh án 2 tiết / tuần

III. Phương pháp dạy/học

- Lý thuyết: thuyết trình, hướng dẫn học viên tự đọc tài liệu

IV. Phương tiện dạy/học

- Lý thuyết: máy chiếu, slide bài giảng, sổ bài kiểm tra 01

V. Phương pháp lượng giá

- Lý thuyết: thi test
- Lâm sàng: Thi trên bệnh nhân

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Điểm danh	Điểm danh	Có mặt/vắng mặt		10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2	- Lí thuyết - Lâm sàng	- Chuyên đề - Làm bệnh án	- Thang điểm 10 - Thang điểm 10		10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,7	- Lí thuyết - Lâm sàng	- Thi test - Hỏi trên lâm sàng + bệnh án	- Thang điểm 10 - Thang điểm 10		10

Công thức tính điểm:

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	1
Nghỉ học không phép	5
Đi muộn	2

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Thực hiện sai thao tác, làm bệnh án sai, không trả lời được câu hỏi của giám khảo	Thực hiện đúng thao tác, làm bệnh án đúng, không trả lời được câu hỏi của giám khảo	Thực hiện đúng thao tác, làm bệnh án đúng, trả lời đúng ít nhất 01 câu hỏi của giám khảo	Thực hiện đúng thao tác, làm bệnh án đúng, trả lời đúng ít nhất 02 câu hỏi của giám khảo	Thực hiện đúng thao tác, làm bệnh án đúng, trả lời đúng ít nhất 03 câu hỏi của giám khảo

VI. Tài liệu học tập và tham khảo (Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có)

1. Bộ môn ngoại trường Đại học Y Hà Nội, 2000, Ngoại khoa cơ sở, Nhà xuất bản y học.
2. Bộ môn ngoại trường Đại học Y Hà Nội, 2001, Bệnh học Ngoại khoa tập 1, Nhà xuất bản y học.
3. Bộ môn ngoại trường Đại học Y Hà Nội, 2001, Bệnh học Ngoại khoa tập 2, Nhà xuất bản y học.
4. Bộ môn ngoại trường Đại học Y Thái Bình, 2003, Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa, Nhà xuất bản y học.
5. Bài giảng bệnh học ngoại khoa sau Đại học (1993). Học viện Quân Y

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên: Hoàn thành tất cả chương trình, nội dung học tập theo qui định của bộ môn

2. Quy định điều kiện dự thi: Hoàn thiện được tối thiểu 02 bệnh án trong chương trình học, trực ít nhất 1 buổi / tuần, điểm chuyên cần > 5 điểm.

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

THÁI BÌNH

BỘ MÔN/KHOA: Ngoại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**Năm 2021**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Ngoại bệnh lí

Tên tiếng Anh:

Mã học phần: Ngoại bệnh lí

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.**1. Thông tin chung:**

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	4
Số tiết Lý thuyết:	28
Thảo luận :	0
Số giờ tự học:	72
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	60
Thảo luận:	0
Số giờ tự học:	40
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	
Giữa học phần:	1
Kết thúc học phần:	1

Học phần học trước:	Ngoại bệnh lý
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Ngoại

2. Mô tả chung về học phần:

Ngoại bệnh học 1 là môn học trang bị cho người học những kiến thức bệnh học ngoại khoa cơ bản, cách sơ cứu và thái độ xử trí đối với một số bệnh ngoại khoa thường gặp.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TS. BS Phan Văn Cương

PGS. TS. BS Vũ Sơn

TS. BS Phan Thanh Lương

ThS. BSCK II Lại Ngọc Thắng

ThS. BSCK II Hoàng Minh Nhữ

ThS. BS Đào Công Toàn

ThS. BSCKII Nguyễn Đình Hùng

ThS. BSCKII Trịnh Thành Vinh

ThS. BS Nguyễn Văn Quân

ThS. BSCKII Đỗ Văn Chiêu

ThS. BS Phạm Hồng Quảng

ThS. BS Nguyễn Đình Thái

ThS. BS Vũ Ngọc Bắc

Ths. BS Lương Văn Hải

BSNT. Vũ Tiến Tùng

ThS. BSNT. Tô Hoàng Dũng

ThS. BSNT. Phạm Tuấn Đạt

ThS. BSNT. Phan Hoàng Nam

BSCKII. Bùi Ngọc Chính

ThS. Nguyễn Thị Bích Phượng

Ths. Vũ Đình Lượng

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	- Trình bày được chẩn đoán được một số cấp cứu ngoại khoa thường gặp, phát hiện được một số bệnh ngoại khoa thông thường	PEO 1,2
2.	- Có khả năng tự học để nâng cao kiến thức cơ bản về ngoại khoa.	PEO 1,2,5
3.	- <i>Đưa ra được thái độ xử trí, sơ cứu bước đầu các cấp cứu ngoại khoa thường gặp và chuyển đến cơ sở y tế thích hợp.</i>	PEO 1,2,5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1	Nội dung gồm những kiến thức chung về đặc điểm dịch tễ học, sinh bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh các triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán, nguyên tắc xử trí cấp cứu, xử trí ban đầu, chỉ định và điều trị một số bệnh ngoại khoa thường gặp.	S: PLO 1, 4 H: PLO 3, 5,7,10,13

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1.	Bài 1. Sốc chấn thương, sốc nhiễm trùng	4	1.Trình bày chẩn đoán và xử trí shock nhiễm trùng	S: PLO 1, 4

	1. Sốc chấn thương 2. Sốc nhiễm trùng		2.Trình bày chẩn đoán và xử trí shock chấn thương	H: PLO 3, 5,7,10,13
2.	Bài 2. Trĩ, rò hậu môn 1. Đại cương 2. Chẩn đoán xác định 3. Chẩn đoán phân biệt 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	2	1. Nêu được sơ lược giải phẫu và sinh lý của ống hậu môn và những quan niệm về bệnh trĩ,rò hậu môn. 2. Trình bày được nguyên nhân, phân loại của bệnh trĩ,rò hậu môn. 3. Trình bày được triệu chứng lâm sàng, biến chứng của bệnh trĩ,rò hậu môn. 4. Nêu được các phương pháp điều trị nội khoa và ngoại khoa của bệnh trĩ,rò hậu môn.	S: PLO 1, 4 H: PLO 3, 5,7,10,13
3.	Bài 3. Thoát vị bẹn 1. Đại cương 2. Chẩn đoán xác định 3. Chẩn đoán phân biệt 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	2	1. Nêu được cơ sở giải phẫu của thoát vị bẹn 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng của thoát vị bẹn thường gặp và thoát vị bẹn nghẹt 3. Chẩn đoán xác định được thoát vị bẹn thường, thoát vị bẹn nghẹt	S: PLO 1, 4 H: PLO 3, 5,7,10,13

			4. Trình bày được chỉ định và các phương pháp điều trị	
4.	Bài 4. Tăng sản lành tính tuyến tiền liệt 1. Đại cương 2. Chẩn đoán xác định 3. Chẩn đoán phân biệt 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	2	1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, cơ chế bệnh sinh của UPĐLTTTL. 2. Trình bày được các triệu chứng của UPĐLTTTL 3. Kể tên các phương pháp điều trị UPĐLTTTL	S: PLO 1, 4 H: PLO 3, 5,7,10,13
5.	Bài 5. Sỏi tiết niệu 1. Đại cương 2. Chẩn đoán xác định 3. Chẩn đoán phân biệt 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	2	1. Nêu được các nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh. 2. Liệt kê các triệu chứng và chẩn đoán được sỏi tiết niệu 3. Trình bày được chỉ định được điều trị ngoại khoa sỏi tiết niệu 4. Mô tả được các phương pháp điều trị ngoại khoa sỏi tiết niệu và các phương pháp điều trị khác. 5. Nêu được biện pháp phòng tránh sỏi tiết niệu tại cộng đồng.	S: PLO 1, 4 H: PLO 3, 5,7,10,13

6.	Bài 6. Chấn thương bụng, vết thương bụng 1. Đại cương 2. Chẩn đoán xác định 3. Chẩn đoán phân biệt 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	4	1. Nêu được đặc điểm dịch tễ học của chấn thương bụng. 2. Nêu được các tổn thương bệnh lý thường gặp. 3. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của chấn thương bụng có tổn thương nội tạng. 4. Trình bày được chẩn đoán xác định chấn thương bụng có tổn thương nội tạng. 5. Trình bày được chỉ định điều trị. 6. Trình bày được các phương pháp sơ cứu ban đầu và dự phòng tai biến.	S: PLO 1, 4 H: PLO 3, 5,7,10,13
7.	Bài 7. Tổng quan ung thư, ung thư gan, ung thư dạ dày, ung thư đại tràng 1. Đại cương 2. Chẩn đoán xác định 3. Chẩn đoán phân biệt 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	4	1. Nêu được đặc điểm dịch tễ học và những nguyên nhân, yếu tố thuận lợi gây ung thư. 2. Trình bày được triệu chứng của ung thư gan, ung thư dạ dày, ung thư đại tràng	S: PLO 1, 4 H: PLO 3, 5,7,10,13

			3. Chẩn đoán được ung thư gan, ung thư dạ dày, ung thư đại tràng 4. Trình bày được các phương pháp điều trị	
8.	Bài 8. Vết thương mạch máu, vết thương phần mềm 1. Đại cương 2. Chẩn đoán xác định 3. Chẩn đoán phân biệt 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	4	1. Phân loại được vết thương mạch máu 2. Trình bày được các cơ chế tự cầm máu của vết thương mạch máu 3. Trình bày được các biến chứng do vết thương mạch gây nên 4. Trình bày được các cách cầm máu tạm thời vết thương mạch máu.	S: PLO 1, 4 H: PLO 3, 5,7,10,13
9.	Bài 9. Viêm tụy cấp, 1. Đại cương 2. Chẩn đoán xác định 3. Chẩn đoán phân biệt 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	2	1. Nêu được cơ chế bệnh sinh của viêm tụy cấp. 2. Nêu được tổn thương giải phẫu bệnh của viêm tụy cấp. 3. Trình bày được triệu chứng viêm tụy cấp thể điển hình. 4. Nêu được nguyên tắc điều trị viêm tụy cấp.	
10.	Bài 10. Điều trị ngoại khoa loét dạ dày, tá tràng, điều trị ngoại khoa xuất huyết tiêu hóa cao	2	1. Trình bày được chỉ định và các phương pháp điều trị chảy máu do loét dạ dày tá tràng.	S: PLO 1, 4 H: PLO 3, 5,7,10,13

			2. Trình bày được chỉ định và các phương pháp điều trị chảy máu đường mật 3. Trình bày được các biện pháp phòng và sơ cứu chảy máu tiêu hoá trên ở cộng đồng.	
		28		

2. Lâm sàng

- Giao ban 5 tiết/ tuần
- Giảng đầu giường 3 tiết / tuần
- Đi buồng 2 tiết / tuần
- Bình bệnh án 2 tiết / tuần

III. Phương pháp dạy/học

- Lý thuyết: thuyết trình, hướng dẫn học viên tự đọc tài liệu

IV. Phương tiện dạy/học

- Lý thuyết: máy chiếu, slide bài giảng, sổ bài kiểm tra 01

V. Phương pháp lượng giá

- Lý thuyết: thi test
- Lâm sàng: Thi trên bệnh nhân

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Điểm danh	Điểm danh	Có mặt/vắng mặt		10

Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2	- Lí thuyết - Lâm sàng	Chuyên đề Làm bệnh án	Thang điểm 10 Thang điểm 10		10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,7	- Lí thuyết - Lâm sàng	Thi test Hỏi trên lâm sàng + bệnh án	Thang điểm 10 Thang điểm 10		10

Công thức tính điểm:

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	1
Nghỉ học không phép	5
Đi muộn	2

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Làm bệnh án sai, không trả lời được câu hỏi của giám khảo	Làm bệnh án đúng, không trả lời được câu hỏi của giám khảo	Làm bệnh án đúng, trả lời đúng ít nhất 01 câu hỏi của giám khảo	Làm bệnh án đúng, trả lời đúng ít nhất 02 câu hỏi của giám khảo	Làm bệnh án đúng, trả lời đúng ít nhất 03 câu hỏi của giám khảo

VI. Tài liệu học tập và tham khảo (Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có)

1. Bộ môn ngoại trường Đại học Y Hà Nội, 2000, Ngoại khoa cơ sở, Nhà xuất bản y học.

2. Bộ môn ngoại trường Đại học Y Hà Nội, 2001, Bệnh học Ngoại khoa tập 1, Nhà xuất bản y học.

3. Bộ môn ngoại trường Đại học Y Hà Nội, 2001, Bệnh học Ngoại khoa tập 2, Nhà xuất bản y học.

4. Bộ môn ngoại trường Đại học Y Thái Bình, 2003, Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa, Nhà xuất bản y học.

5. Bài giảng bệnh học ngoại khoa sau Đại học (1993). Học viện Quân Y

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên: Hoàn thành tất cả chương trình, nội dung học tập theo qui định của bộ môn

2. Quy định điều kiện dự thi: Hoàn thiện được tối thiểu 02 bệnh án trong chương trình học, trực ít nhất 1 buổi / tuần, điểm chuyên cần > 5 điểm.

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
BỘ MÔN CHẤN THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NĂM 2021**

Tên học phần: Chấn thương

Tên tiếng Việt: Chấn thương

Tên tiếng Anh: Traumatology

Mã học phần: 3130TRAUMA0T, 3130TRAUMA0P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	2/2
Số tiết Lý thuyết:	16
Thảo luận :	
Số giờ tự học:	34
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	60
Thảo luận:	
Số giờ tự học:	40
Số bài kiểm tra LT:	02
Giữa học phần:	01 (thi test)

Kết thúc học phần:	01 (thi viết)
Số bài kiểm tra LS:	02
Giữa học phần:	01 (kiểm tra kỹ năng)
Kết thúc học phần:	01 (thi kỹ năng khám và làm bệnh án)
Học phần học trước:	Y học cơ bản, Y học cơ sở, Ngoại khoa cơ sở
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Chấn thương

2. Mô tả chung về học phần:

Chấn thương là một trong các môn y học lâm sàng khởi chuyên khoa trong chương trình đào tạo bác sĩ y học dự phòng. Học phần Chấn thương sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất để khám, phát hiện được các triệu chứng, hội chứng cơ bản trong các bệnh lý của Chấn thương, chẩn đoán và xử trí một số bệnh Chấn thương thường gặp trong thực hành lâm sàng.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Vũ Minh Hải	PGS.TS			Phụ trách
2.	Nguyễn Thế Điệp	TS			Tham gia
3.	Nguyễn Minh Châu	ThS			Tham gia
4.	Vũ Minh Hải B	ThS			Tham gia
5.	Dương Như Năm	ThS			Tham gia
6.	Phan Thanh Nam	ThS			Tham gia
7.	Phạm Đức Tú	BS			Tham gia
8.	Đoàn Văn Ánh	BS			Tham gia
9.	Nguyễn Minh Đức	BS			Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Áp dụng được các kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng	PEO 1, 3

	để chẩn đoán một số bệnh chấn thương thường gặp	
2.	Chỉ định được một số xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh cơ bản phục vụ cho chẩn đoán một số bệnh chấn thương thường gặp	PEO 1, 3
3.	Thực hiện được kỹ năng sơ cứu ban đầu các trường hợp chấn thương thường gặp	PEO 1, 3
4.	Chẩn đoán và xử trí được một số bệnh chấn thương thường gặp	PEO 1, 3

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Áp dụng được các kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán một số bệnh chấn thương thường gặp	S: PLO 1, 6
2.	Chỉ định được một số xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh cơ bản phục vụ cho chẩn đoán một số bệnh chấn thương thường gặp	S: PLO 1, 6
3.	Thực hiện được kỹ năng sơ cứu ban đầu các trường hợp chấn thương thường gặp	S: PLO 1, 6
4.	Chẩn đoán và xử trí được một số bệnh chấn thương thường gặp	S: PLO 1, 6

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Bài 1: Đại cương gãy xương 1. Đại cương 2. Nguyên nhân và cơ chế gãy xương <i>2.1. Nguyên nhân</i> <i>2.2. Cơ chế chấn thương</i> 3. Giải phẫu bệnh lý <i>3.1. Tổn thương tại xương</i> <i>3.2. Phân loại</i> 4. Triệu chứng <i>4.1. Toàn thân</i> <i>4.2. Triệu chứng cơ năng</i> <i>4.3. Triệu chứng thực thể</i> <i>4.4. Cận lâm sàng</i> 5. Các biến chứng của gãy xương <i>5.1. Biến chứng sớm</i> <i>5.2. Biến chứng muộn</i> 6. Điều trị <i>6.1. Sơ cứu</i> <i>6.2. Các phương pháp điều trị gãy xương</i>	2		1, 2, 6
2	Bài 2: Đại cương sai khớp 1. Đại cương 2. Nguyên nhân và cơ chế sai khớp <i>2.1. Nguyên nhân</i> <i>2.2. Cơ chế sai khớp</i> 3. Giải phẫu bệnh lý 4. Phân loại sai khớp 5. Triệu chứng	2		1, 2, 6

	5.1. Toàn thân 5.2. Triệu chứng cơ năng 5.3. Triệu chứng thực thể 5.4. Cận lâm sàng 6. Các biến chứng của sai khớp 6.1. Biến chứng sớm 6.2. Biến chứng muộn 7. Điều trị 7.1. Sơ cứu 7.2. Điều trị thực thụ			
3	Bài 3: Gãy xương hở 1. Đại cương 2. Cơ chế chấn thương và phân loại 2.1. Gãy hở trực tiếp 2.2. Gãy hở gián tiếp 2.3. Phân loại gãy xương hở 3. Triệu chứng 3.1. Triệu chứng lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Điều trị 4.1. Nguyên tắc điều trị 4.2. Sơ cứu 4.3. Điều trị thực thụ 4.3.1. Điều trị gãy xương hở tới sớm chưa nhiễm khuẩn 4.3.2. Điều trị gãy xương hở tới muộn đã nhiễm khuẩn 4.3.3. Chỉ định cắt cụt chi 5. Biến chứng 5.1. Biến chứng sớm 5.2. Biến chứng muộn	2		1, 2, 6

4	Bài 4: Gãy thân xương đùi 1. Đại cương 1.1. Giải phẫu định khu vùng đùi 1.2. Dịch tế học của gãy xương đùi 2. Nguyên nhân, cơ chế và các yếu tố nguy cơ + Chấn thương Chấn thương gián tiếp Chấn thương trực tiếp Gãy xương đùi trẻ sơ sinh + Gãy xương đùi bệnh lý (u xương) 3. Triệu chứng + Lâm sàng (toàn thân, cơ năng, thực thể) + Xquang (vị trí, tính chất gãy xương, di lệch) 4. Chẩn đoán + Sơ cứu - Giảm đau - Cố định tạm thời vững - Vận chuyển + Điều trị - Điều trị sốc chấn thương nếu có - Các phương pháp điều trị . Chăm sóc, theo dõi, phục hồi chức năng trong và sau điều trị (bó bột, phẫu thuật...) . Các phương pháp, phương tiện giáo dục phòng chống tai nạn.	2		1, 2, 6
5	Bài 5: Gãy trên lồi cầu xương cánh tay ở trẻ em 1. Đại cương 2. Phân loại 2.1. Dựa vào cơ chế chấn thương 2.2. Dựa vào mức độ di lệch của xương gãy	2		1, 2, 6

	3. Giải phẫu bệnh <i>3.1. Đường gãy và sự di lệch của các đầu xương gãy</i> <i>3.2. Tổn thương mạch máu và thần kinh</i> <i>3.3. Tổn thương cơ và da</i> 4. Triệu chứng <i>4.1. Gãy không di lệch</i> <i>4.2. Gãy di lệch</i> 5. Biến chứng và di chứng 6. Điều trị <i>6.1. Sơ cứu</i> <i>6.2. Điều trị bảo tồn</i> <i>6.3. Điều trị phẫu thuật</i>			
6	Bài 6: Đại cương Bỏng 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Tính diện tích bỏng <i>3.1. Dựa theo con số 9 của Wallace</i> <i>3.2. Dựa vào lòng bàn tay bệnh nhân của Blokhin</i> <i>3.3. Dựa vào con số 1,3,6,9,18 của Lê Thế Trung</i> <i>3.4. Phương pháp tính diện tích bỏng ở trẻ em</i> 4. Phân loại tổn thương bỏng <i>4.1. Bỏng độ 1</i> <i>4.2. Bỏng độ 2</i> <i>4.3. Bỏng độ 3: 3a, 3b</i> <i>4.4. Bỏng độ 4</i> <i>4.5. Bỏng độ 5</i> 5. Chẩn đoán 6. Sơ cứu và tiên lượng bỏng <i>6.1. Sơ cứu</i>	2		1, 2, 6

	6.2. <i>Tiên lượng</i>			
7	Bài 7: Chấn thương sọ não 1. Đại cương 2. Nguyên nhân, cơ chế 2.1. <i>Nguyên nhân</i> 2.2. <i>Cơ chế</i> 3. Triệu chứng lâm sàng: máu tụ nội sọ, dập não, phù não, chấn động não, vỡ nền sọ, lún sọ. 4. Chẩn đoán hình ảnh 4.1. <i>Xquang</i> 4.2. <i>CT scan</i> 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 6.1. <i>Nguyên tắc, nội dung theo dõi</i> 6.2. <i>Điều trị nội khoa</i> 6.2. <i>Điều trị ngoại khoa</i>	3		1, 2, 6
8	Bài 8: Vết thương sọ não 1. Đại cương 2. Nguyên nhân, phân loại 2.1. <i>Nguyên nhân</i> 2.2. <i>Phân loại</i> 3. Giải phẫu bệnh 4. Triệu chứng lâm sàng 5. Chẩn đoán hình ảnh 5.1. <i>Xquang</i> 5.2. <i>CT scan</i> 6. Điều trị 6.1. <i>Sơ cứu</i> 6.2. <i>Nguyên tắc điều trị</i> 7. Biến chứng và di chứng	1		1, 2, 6

2. Lâm sàng

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
	Bài 1: Khám xác định tổn thương cột sống 1. Xác định tư thế bệnh nhân, thầy thuốc khi thăm khám cột sống 2. Xác định các mốc giải phẫu có liên quan 3. Thực hiện được các thao tác khi thăm khám tầm vận động của cột sống. 4. Thăm khám bệnh nhân chấn thương cột sống có liệt tủy và không liệt tủy.	1		6, 12
	Bài 2: Khám xác định tổn thương khung chậu 1. Xác định tư thế bệnh nhân khi thăm khám 2. Xác định được các mốc giải phẫu có liên quan 3. Làm các dấu hiệu đặc trưng khi thăm khám khung chậu (banh, ép khung chậu) 4. Làm các thủ thuật để thăm dò các tổn thương phối hợp.	1		6, 12
	Bài 3: Khám phát hiện tổn thương chi trên 1. Xác định tư thế khi thăm khám của thầy thuốc và của bệnh nhân. 2. Xác định được các mốc giải phẫu khi thăm khám 3. Đo các số đo của chi trên: chiều dài, tầm vận động khớp... 4. Phát hiện một số dấu hiệu đặc trưng khi thăm khám: điểm đau chói, dấu hiệu phím đàn dương cầm, tam giác khuỷu, dấu hiệu tổn thương mạch máu, thần kinh.	1		6, 12
	Bài 4: Khám phát hiện tổn thương chi dưới	1		6, 12

	1. Xác định tư thế khi thăm khám của thầy thuốc và của bệnh nhân. 2. Xác định được các mốc giải phẫu khi thăm khám 3. Đo các số đo của chi dưới: chiều dài, tầm vận động khớp... 4. Phát hiện một số dấu hiệu đặc trưng: đường Nélaton, tam giác Bryant, dấu hiệu ngăn kéo, bập bênh bánh chè, dấu hiệu tổn thương mạch máu, thần kinh.			
	Bài 5: Khám bệnh nhân chấn thương cột sống 1. Khám phát hiện các dấu hiệu của chấn thương cột sống có liệt và không liệt tủy 2. Cấp cứu ban đầu đúng nguyên tắc 3. Vận chuyển bệnh nhân: (chỉ định, phương tiện vận chuyển) 4. Chăm sóc phòng chống loét, rối loạn cơ tròn	1		6, 12
	Bài 6: Khám bệnh nhân gãy thân xương đùi 1. Khám và phát hiện các biến dạng chi trong gãy kín thân xương đùi (nhìn, đo ...) 2. Nhận định được hình ảnh gãy xương điển hình trên phim chụp Xquang 3. Theo dõi, chăm sóc bệnh nhân sau mổ, bó bột 4. Xây dựng kế hoạch tập luyện sau điều trị cho người bệnh hoặc người nhà bệnh nhân.	1		6, 12
	Bài 7: Khám bệnh nhân gãy thân hai xương cẳng tay 1. Khai thác bệnh sử, nguyên nhân cơ chế gãy 2 xương cẳng tay 2. Khám và phát hiện được các triệu chứng điển hình của gãy 2 xương cẳng tay trên phim Xquang.	1		6, 12

	3. Cố định tạm thời gãy 2 xương cẳng tay 4. Phát hiện và xử lý các biến chứng cấp tính trong điều trị gãy 2 xương cẳng tay bằng bó bột 5. Lên kế hoạch và thực hiện việc chăm sóc, theo dõi và phục hồi chức năng trong và sau điều trị (sau bó bột hoặc sau mổ)			
	Bài 8: Khám bệnh nhân gãy cổ xương đùi 1. Khai thác bệnh sử gãy cổ xương đùi (tuổi, cơ chế chấn thương, triệu chứng cơ bằng sau chấn thương ...) 2. Khám, nhận định các dấu hiệu biến dạng trong gãy cổ xương đùi (quan sát, đo...) 3. Ra chỉ định chụp phim và đọc phim: nhận định hình ảnh gãy cổ xương đùi trên phim Xquang 4. Lựa chọn thuốc giảm đau và cách bất động tạm thời một bệnh nhân khi đã chẩn đoán gãy cổ xương đùi. 5. Cách vận chuyển bệnh nhân gãy cổ xương đùi 6. Xây dựng kế hoạch chăm sóc, theo dõi bệnh nhân gãy cổ xương đùi trong và sau điều trị	1		6, 12
	Bài 9: Khám bệnh nhân vết thương bàn tay 1. Khai thác bệnh sử của vết thương bàn tay (tuổi, cơ chế, hoàn cảnh) 2. Khám phát hiện các thương tổn trong vết thương bàn tay 3. Sơ cứu vết thương bàn tay 4. Nhận định được hình ảnh gãy xương, trật khớp trên phim Xquang bàn tay 5. Chăm sóc và phục hồi chức năng sau mổ vết thương bàn tay	1		6, 12
	Bài 10: Khám bệnh nhân chấn thương sọ não	1		6, 12

	1. Khai thác bệnh sử, nguyên nhân, cơ chế chấn thương 2. Khám và đánh giá mức độ tri giác qua bảng Glasgow 3. Khám các dấu hiệu vỡ nền sọ. 4. Khám liệt 1/2 người, liệt các dây thần kinh sọ não. 5. Đọc film Xquang thường, film chụp CT Scan sọ não. 6. Chẩn đoán máu tụ nội sọ, dập não, phù não, chấn động não, vỡ nền sọ, lún sọ. 7. Điều trị, chăm sóc bệnh nhân chấn thương sọ não hôn mê. 8. Chăm sóc và phục hồi chức năng bệnh nhân sau mổ lấy máu tụ nội sọ.			
	Bài 11: Khám bệnh nhân vết thương sọ não 1. Khám và đánh giá mức độ tri giác 2. Khám và xác định dấu hiệu thần kinh khu trú. 3. Khám tại chỗ vết thương sọ não để tìm các tổn thương xương sọ, nước não tủy, tổ chức não tại vết thương 4. Khám hội chứng não - màng não 5. Đọc film Xquang, CT Scan sọ não 6. Đánh giá tình trạng nước não tủy qua chọc dò tủy sống, khi bị viêm, hoặc áp xe não.	1		6, 12
	Bài 12: Khám bệnh nhân chèn ép khoang 1. Khai thác bệnh sử, tiền sử, sơ cứu và diễn biến của bệnh nhân CEK. 2. Khám, phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của CEK 3. Chẩn đoán CEK	1		6, 12

	4. Chỉ định phương pháp điều trị CEK 5. Tư vấn phòng chống biến chứng CEK			
	Bài 13: Gãy Pouteau – Colles 1. Khai thác bệnh sử, tiền sử, sơ cứu và diễn biến của bệnh nhân gãy PC. 2. Khám, phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của gãy PC 3. Đọc được tổn thương trên phim Xquang chụp khớp cổ tay 2 tư thế thẳng nghiêng. 4. Thực hiện được các bước sơ cứu gãy PC 5. Phát hiện và xử trí được biến chứng chèn ép bột khi bó bột điều trị gãy PC 6. Hướng dẫn cho bệnh nhân gãy PC chăm sóc, phục hồi chức năng tại cộng đồng trong và sau thời gian bó bột.	1		6, 12
	Bài 14: Gãy trên lồi cầu xương cánh tay 1. Khai thác bệnh sử, tiền sử, sơ cứu và diễn biến của bệnh nhân gãy TLC. 2. Khám, phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của gãy TLC 3. Đọc được tổn thương xương trên phim Xquang chụp khớp khuỷu 2 tư thế thẳng nghiêng 4. Khám và phát hiện được các biến chứng của gãy TLC 5. Thực hiện được các bước sơ cứu gãy TLC. 6. Phát hiện và xử trí được biến chứng chèn ép bột khi bó bột điều trị gãy TLC 7. Hướng dẫn cho bệnh nhân gãy TLC theo dõi, chăm sóc, phục hồi chức năng tại cộng đồng trong và sau thời gian bó bột.	1		6, 12
	Bài 15: Khám phát hiện bệnh nhân gãy xương	1		6, 12

	1. Khai thác bệnh sử của bệnh nhân gãy xương 2. Khám và phát hiện được các triệu chứng của gãy xương 3. Khám và phát hiện được biến chứng của gãy xương 4. Đọc được tổn thương gãy xương trên phim Xquang 5. Theo dõi, chăm sóc bệnh nhân gãy xương sau bó bột, phẫu thuật, kéo liên tục 6. Thực hiện được các bước sơ cứu và vận chuyển bệnh nhân gãy xương			
	Bài 16: Khám phát hiện bệnh nhân sai khớp 1. Khai thác bệnh sử của bệnh nhân sai khớp 2. Khám và phát hiện được các triệu chứng của sai khớp 3. Đọc được tổn thương sai khớp trên phim 4. Thực hiện được các bước sơ cứu và vận chuyển bệnh nhân sai khớp 5. Tuyên truyền phòng chống tai nạn sai khớp và sơ cứu đúng cho cộng đồng.	1		6, 12
	Bài 17: Khám xác định gãy thân hai xương cẳng chân 1. Khai thác bệnh sử, tiền sử, sơ cứu và diễn biến của bệnh nhân gãy thân xương cẳng chân 2. Khám, phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của gãy thân xương cẳng chân 3. Đọc được tổn thương xương trên phim Xquang chụp cẳng chân 2 tư thế thẳng nghiêng 4. Theo dõi và phát hiện kịp thời biến chứng chèn ép khoang của gãy thân xương cẳng chân	1		6, 12

	5. Thực hiện được các bước sơ cứu gãy thân xương cẳng chân 6. Phát hiện và xử trí được biến chứng chèn ép bột khi bó bột điều trị gãy thân xương cẳng chân 7. Hướng dẫn cho bệnh nhân và gia đình theo dõi, chăm sóc, phục hồi chức năng tại cộng đồng.			
	Bài 18: Khám xác định bệnh nhân gãy xương hở 1. Khai thác bệnh sử, tiền sử, sơ cứu và diễn biến của bệnh nhân gãy xương hở. 2. Khám và phát hiện được triệu chứng sốc trong gãy xương hở. 3. Khám, phát hiện được các triệu chứng tại chỗ và phân loại được gãy xương hở 4. Thực hiện được các bước sơ cứu cầm máu và đảm bảo vô trùng vết thương trong gãy xương hở. 5. Thực hiện garo cầm máu và theo dõi đúng nguyên tắc 6. Thực hiện được bất động tạm thời gãy xương hở và vận chuyển bệnh nhân theo đúng nguyên tắc 7. Hướng dẫn cho bệnh nhân gãy xương hở theo dõi, chăm sóc, phục hồi chức năng tại cộng đồng.	1		6, 12
	Bài 19: Khám xác định sai khớp vai 1. Khai thác bệnh sử, tiền sử của bệnh nhân sai khớp vai 2. Khám và phát hiện được các triệu chứng của SKV trước trong dưới mỏm quạ 3. Đọc được tổn thương sai khớp và xác định thể sai khớp vai trên phim Xquang	1		6, 12

	4. Thực hiện được các bước sơ cứu và vận chuyển đúng bệnh nhân sai khớp vai 5. Thực hiện được các bước kéo nắn sai khớp vai mới theo phương pháp Hyppocrat và bất động 6. Hướng dẫn cho bệnh nhân tập vận động khớp vai phục hồi chức năng sau thời gian bất động			
	Bài 20: Khám xác định sai khớp khuỷu 1. Khai thác bệnh sử, tiền sử của bệnh nhân sai khớp khuỷu 2. Khám và phát hiện được các triệu chứng của sai khớp khuỷu ra sau 3. Đọc được tổn thương sai khớp khuỷu và xác định thể sai khớp trên phim Xquang 4. Thực hiện được các bước sơ cứu và vận chuyển đúng bệnh nhân sai khớp khuỷu 5. Thực hiện được các bước kéo nắn sai khớp khuỷu mới ra sau và bất động 6. Hướng dẫn cho bệnh nhân tập vận động khớp khuỷu phục hồi chức năng sau thời gian bất động	1		6, 12
	Bài 21: Khám xác định sai khớp háng 1. Khai thác bệnh sử, tiền sử của bệnh nhân sai khớp háng 2. Khám và phát hiện được các triệu chứng của sai khớp háng 3. Đọc được tổn thương sai khớp háng và xác định kiểu sai khớp trên phim Xquang 4. Thực hiện được các bước sơ cứu và vận chuyển đúng bệnh nhân sai khớp háng 5. Hướng dẫn cho bệnh nhân tập vận động khớp háng, phục hồi chức năng sau thời gian bất động	1		6, 12
	Bài 22: Khám xác định tổn thương bồng	1		6, 12

	1. Khai thác bệnh sử, tiền sử và diễn biến của bệnh nhân bỏng 2. Khám, phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của bỏng 3. Xác định được tổn thương bỏng 4. Theo dõi và phát hiện kịp thời biến chứng bỏng 5. Hướng dẫn cho bệnh nhân và gia đình theo dõi, chăm sóc, phục hồi chức năng tại cộng đồng.			
--	---	--	--	--

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết

Thuyết trình

Thảo luận nhóm

Nghiên cứu trường hợp

2. Lâm sàng

- Thảo luận nhóm
- Dạy - học theo nghiên cứu từng ca bệnh
- Kiến tập, thực tập trên bệnh nhân
- Thực tập trên mô hình
- Đi buồng
- Giảng đầu giường
- Bình bệnh án

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Bài giảng của bộ môn
2. Lâm sàng: Ca bệnh

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

1. Lý thuyết

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	5%	1. Điểm danh có mặt trên lớp	Điểm danh	Rubic R1		10
	5%	2. Phát biểu, thảo luận trên lớp	Vấn đáp	Rubic R2	1,2	
		3. Hoàn thành nhiệm vụ được giao	Kiểm tra, chấm điểm	Rubic R3	1,2	
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	20%	Bài kiểm tra 1 tiết	Test (45 phút)	Theo đáp án và thang chấm	1,2	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	70%	Bài thi kết thúc học phần	Thi viết câu hỏi ngắn (60 phút)	Theo đáp án và thang chấm	1,2	10

Công thức tính điểm lý thuyết: Điểm = ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

2. Lâm sàng

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
	5%	1. Điểm danh có	Điểm danh	Rubic R1		10

Đánh giá chuyên cần (ĐCC)		mặt trên lớp				
	5%	2. Phát biểu, thảo luận trên lớp	Vấn đáp	Rubic R2	1,2,6	
		3. Hoàn thành nhiệm vụ được giao	Kiểm tra, chấm điểm	Rubic R3	1,2,6	
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	20%	Bài kiểm tra 1 tiết	Thao tác khám bệnh nhân	Theo đáp án và thang chấm	1,2,6	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	70%	Bài thi kết thúc học phần	Thao tác khám bệnh nhân + viết bệnh án	Theo đáp án và thang chấm	1,2,6	10

Công thức tính điểm lý thuyết: Điểm = ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5/2 tiết
Nghỉ học không phép	0,5/1 tiết
Đi muộn	0,5

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Giải chưa hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng

Rubic 3: Bài tập trên lớp hoặc bài tập về nhà

Mức độ đạt chuẩn quy định						Trọng số
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)	
Số lượng bài tập	Số lượng bài tập nộp <30%	Số lượng bài tập nộp <50%	Số lượng bài tập nộp <70%	Số lượng bài tập nộp <90%	Số lượng bài tập nộp <100%	50%
Nội dung bài tập	Không giải được	Giải chưa hết các bài tập	Giải đầy đủ các bài tập nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng tất cả các bài tập nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ và đúng tất cả các bài tập và trình bày rõ ràng	50%

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

- Bài giảng Chấn thương chỉnh hình trường Đại học Y Dược Thái Bình. NXB Y học, 2003.

- Tài liệu phát tay

2. Tài liệu tham khảo

- Bỏn những kiến thức chuyên ngành. Lê Thế Trung. Nhà xuất bản Y học, 2003

- Bài giảng bệnh học Ngoại khoa tập 1. Trường Đại học Y Hà Nội. Nhà xuất bản y học, 2006
- Bài giảng bệnh học Ngoại khoa tập 2. Trường Đại học Y Hà Nội. Nhà xuất bản y học, 2006
- Bệnh học Chấn thương chỉnh hình. Học viện Quân Y. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2006
- Chấn thương sọ não. Nguyễn Thường Xuân, NXB Y học, 2006
- Cấp cứu Ngoại khoa Chấn thương. NXB Y học, 2006
- Cấp cứu Ngoại khoa tập 2. Đặng Hanh Đệ, NXB giáo dục Việt Nam, 2010
- Giáo trình Bỏng. Học viện Quân Y. NXB Y học, 2006
- Phẫu thuật thần kinh. Học viện Quân Y. NXB quân đội nhân dân, 2003

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đại diện sinh viên (Ban cán sự lớp) liên hệ với Giáo vụ Bộ môn để nhận kế hoạch học tập và được phổ biến về các quy định của bộ môn về học phần cũng như sự hướng dẫn học tập (có thể qua E-mail) sau đó phổ biến lại cho lớp.
- Sinh viên phải có trách nhiệm phân nhóm học tập (có danh sách, sơ đồ kèm theo) để giảng viên kiểm soát lớp công khai, thuận lợi và công bằng.
- Nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ học lý thuyết (theo quy chế). Cụ thể, điều kiện để sinh viên được thi kết thúc học phần khi:
 - + Lý thuyết: phải nghe giảng $\geq 80\%$ số buổi (nghỉ phải có phép).
 - + Bài tập, thảo luận tham gia đầy đủ.
 - + Điểm ĐGHP $\geq 4,0$.
- Sinh viên phải chuẩn bị và hoàn thành bài tập (cá nhân, nhóm) theo quy định.

- Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được bộ môn xét giải quyết).
- Mỗi lớp có một địa chỉ e-mail để giảng viên gửi các tình huống, bài tập về nhà cho sinh viên. Sinh viên phải thường xuyên kiểm tra email của lớp để nhận các thông tin cần thiết để thực hiện

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN CHẤN THƯƠNG

PGS.TS. VŨ MINH HẢI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH
BỘ MÔN: PHỤ SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NĂM 2021

Tên học phần

Tên tiếng Việt: Sản phụ khoa

Tên tiếng Anh: Obstetrics and gynecology

Mã học phần: 3130OBSGYN0T, 3130OBSGYN0P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.

1. Thông tin chung

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	2LT, 3LS
Số tiết Lý thuyết:	44
Thảo luận :	4
Số giờ tự học:	52
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	90
Thảo luận:	10
Số giờ tự học:	50

Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	
Giữa học phần:	1 bài test 30 câu -1 bài thực hành
Kết thúc học phần:	1 bài test 60 câu -1 bài thi lâm sàng
Học phần học trước:	Nội khoa, Ngoại khoa
Học phần tiên quyết:	Sinh lý, Giải phẫu
Học phần song hành:	Nhi Khoa, chấn Thương
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Phụ Sản

2. Mô tả chung về học phần:

2.1. Lý thuyết

Đối tượng sinh viên YHDP chỉ học một vòng Sản phụ khoa nên học phần lý thuyết sinh viên được học 44 tiết lý thuyết gồm 3 phần cơ bản:

- Sản cơ sở: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về sinh lý sinh dục nữ và thai nghén sinh đẻ.
- Sản thường: bao gồm những kiến thức về thai nghén và sinh đẻ bình thường.
- Sản bệnh lý: cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về các bệnh lý của bà mẹ liên quan đến quá trình thai nghén và sinh đẻ bao gồm cả các bệnh lý của thai nhi và sơ sinh.
- Xen kẽ với những nội dung về lý thuyết sinh viên có những buổi thảo luận ca bệnh (bài tập tình huống) để làm sáng tỏ phần lý thuyết.
- Bài thi cuối học phần lý thuyết vào ngày thứ 5 của tuần thứ 4 sinh viên làm bài thi trắc nghiệm khách quan 60 câu trong 60 phút.

2.2. Lâm sàng

- Sinh viên được học cách làm các loại bệnh án của chuyên ngành Sản Phụ khoa.
- Thực hiện được hỏi bệnh, khám bệnh để phát hiện triệu chứng chẩn đoán bệnh, điều trị, theo dõi và phòng bệnh một số bệnh lý cơ bản chuyên ngành Sản phụ khoa.
- Thực hiện được việc tư vấn cho sản phụ và gia đình về cách chăm sóc phụ nữ có thai
- Đối tượng học bác sỹ Y học dự phòng tham gia học phần Sản phụ khoa là một khóa học 4 tuần được chia thành 2 giai đoạn bao gồm:
 - + Giai đoạn đầu 1 tuần, sinh viên sẽ được đi học tại phòng tiền lâm sàng (skill-lab) cả ngày để học các kỹ năng khám sản phụ khoa và các thủ thuật trên mô hình.
 - + Giai đoạn 2 gồm 3 tuần học lâm sàng tại bệnh viện. Sinh viên sẽ tham gia trực tại bệnh viện 1 buổi/tuần tại 3 khoa sau: khoa Đẻ - Cấp cứu, khoa Sản, khoa Phụ.

- Phần thi cuối học phần lâm sàng vào ngày thứ 6 của tuần thứ 4. Sinh viên thực hiện các kỹ năng hỏi bệnh, báo cáo ca bệnh, thao tác khám bệnh trên bệnh nhân.
- Địa điểm học lâm sàng là tại bệnh viện Phụ Sản tỉnh Thái Bình
- Kế hoạch học được phân bổ như sau:
 - + Tuần thứ 1: cả lớp học tập trung tại skill-lab các buổi sáng
 - + Từ tuần thứ 2 đến tuần 4: sinh viên học tại bệnh viện các buổi sáng, mỗi lớp chia thành 3 nhóm học tập, mỗi nhóm học 1 tuần một khoa, tại 3 khoa sau: khoa Đẻ - Cấp cứu, khoa Sản, khoa Phụ. Tại viện sinh viên được học các kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám, chăm sóc và điều trị bệnh nhân sản phụ khoa qua các buổi học tại buồng bệnh, các buổi bình bệnh án và tại các đêm trực.
 - Các nhóm sinh viên được phân công đi lâm sàng tại các địa điểm theo kế hoạch sau:

Địa điểm học lâm sàng	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	
Skillslab	Cả lớp				
Khoa đẻ-cấp cứu		Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Lượng giá
Khoa sản		Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 1	
Khoa Phụ		Nhóm 3	Nhóm 1	Nhóm 2	

* Khi kết thúc học phần Sản phụ khoa, sinh viên năm thứ 4 ngành Y học dự phòng có khả năng tiếp cận, chẩn đoán và chăm sóc thai phụ và các bệnh nhân mắc bệnh sản phụ khoa thông thường cũng như tư vấn quản lý thai nghén.

- Hình thành và rèn luyện kỹ năng giao tiếp, thăm khám bệnh nhân đảm bảo sự tôn trọng, tế nhị, kín đáo và tạo sự tin tưởng, đồng thời làm quen với các công việc và môi trường làm việc đặc thù của chuyên ngành sản phụ khoa.

- Sinh viên cần áp dụng các kiến thức và kỹ năng lâm sàng đã được học ở những năm trước đó vào việc học tập với mỗi bệnh nhân sản phụ khoa cụ thể cả ở nội trú và ngoại trú để xây dựng và tích lũy kinh nghiệm lâm sàng sản khoa để áp dụng khi hoạt động chuyên ngành Y học dự phòng sau này.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

TT	Họ và tên	Học hàm Học vị	Số DT	Email	Ghi chú
1	Bùi Minh Tiến	Tiến sĩ	0904102798	tienbm@tbmc.edu.vn	Trưởng BM
2	Hoàng Tiến Nam	BSCCKII	0912762448	namhoangytb@gmail.com	Phó BM
3	Ninh Văn Minh	PGS	0903284560	ninhvanminhydtb@gmail.com	Tham gia
4	Lê Hải Dương	BSCCKII	0912464549	dlehai@yahoo.com	Tham gia
5	Nguyễn Thị Tuyết	BSCCKII	0968135209	Nguyenthituyetdhytb@gmail.com	Tham gia
6	Đinh Văn Hoàn	Thạc sỹ	0975346768	dinhvanhoanhtb@gmail.com	Tham gia
7	Nguyễn Trung Kiên	Tiến sỹ	0989281982	kiennt@tbump.edu.vn	Tham gia
8	Nguyễn Văn Hiền	Thạc sỹ	0989600299	bsnguyenhienart@gmail.com	Tham gia
9	Trần Thị Len	Thạc sỹ	0913011185	tranlenytb@gmail.com	Tham gia
10	Bùi Thị Thanh Tuyền	Thạc sỹ	0983184125	thanhtuyendhytb@gmail.com	Tham gia
11	Nguyễn Thị Hiền	Bác sỹ	0936932568	phimanhhien@gmail.com	Tham gia
12	Phạm Thị Quỳnh Như	Thạc sỹ	0987715560	quynhnhuthanhhoa@gmail.com	Tham gia
13	Đặng Thị Việt Hằng	Thạc sỹ	0384111986	drviet.hang2212@gmail.com	Tham gia
14	Phạm Thị Bích	Thạc sỹ	0984509111	bichphamytb@gmail.com	Tham gia

15	Vũ Thị Huyền Nga	Thạc sỹ	0396815122	Bsvuhuyennga@gmail.com	Tham gia
16	Nguyễn Đăng Kiên	Bác sỹ	0349802554	nguyendangkien5191@gmail.com	Tham gia
17	Phạm Thị Thùy Dương	Thạc sỹ	088839888	thuyduong.ydtb@gmail.com	Tham gia
18	Trần Thị Huệ	Bác sỹ	0987872391	tranthihue93ytk41@gmail.com.vn	Tham gia
19	Bùi Thanh Ngân	NHS	0982864370	btngantb2018@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	MT 1: Áp dụng các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở để giải thích cơ chế bệnh sinh của các bệnh lý sản khoa thông thường	PEO 1, 2, 3, 4, 5
2	MT 2: Giải thích được các dấu hiệu lâm sàng, cận lâm sàng của một số hiện tượng sinh lý và bệnh lý sản khoa dựa vào cơ chế bệnh sinh	PEO 1, 2, 3, 4, 5
3	MT 3: Áp dụng các kiến thức về lâm sàng, cận lâm sàng để đưa ra các chẩn đoán tiềm năng một số bệnh lý sản khoa thông thường	PEO 1, 2, 3, 4, 5
4	MT 4: Lựa chọn được nguyên tắc điều trị và chăm sóc bệnh nhân phù hợp với một số bệnh sản phụ khoa thông thường.	PEO 1, 2, 3, 4, 5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
----	--------------	--------------------------------------

1	Áp dụng được cơ sở lý luận của sinh lý nội tiết sinh sản, di truyền, giải phẫu để giải thích được các triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng của các bệnh lý sản phụ khoa thông thường.	S: PLO 2, 3, 5, 12, 13 H: PLO 1, 6, 8, 11, 14
2	Khai thác tiền sử, bệnh sử của người bệnh chính xác, đầy đủ, rõ ràng, đưa ra hướng điều trị và chăm sóc toàn diện cho người bệnh.	S: PLO 2, 3, 5, 12, 13 H: PLO 1, 6, 8, 11, 14
3	Giao tiếp và tư vấn thành thạo với bệnh nhân sản phụ khoa về cách phòng bệnh, cách chăm sóc và theo dõi sau điều trị các bệnh lý sản phụ khoa thông thường.	S: PLO 2, 3, 5, 12, 13 H: PLO 1, 6, 8, 11, 14

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1: Sinh lý phụ khoa Section 1.02 1. Hệ thống dưới đồi – tuyến yên – buồng trứng Section 1.03 2. Tác dụng của các hormon sinh dục nữ 3. Sinh lý chu kỳ kinh nguyệt 4. Các thời kỳ hoạt động sinh dục ở phụ nữ	2	1	1,2
2	Bài 2: Chẩn đoán: Ngôi, Thế, Kiểu thế, Độ lọt 1. Định nghĩa: Ngôi, Móc của ngôi, thế, kiểu thế: 2. Chẩn đoán ngôi, thế, kiểu thế 3. Chẩn đoán độ lọt	1	2	1,2
3	Bài 3: Ngôi chỏm: chẩn đoán, cách đỡ đẻ CCTT 1. Đại cương 2. Sự bình chỉnh ngôi 3. Chẩn đoán ngôi 4. Chẩn đoán độ cúi và độ lọt của ngôi chỏm 5. Cơ chế đẻ trong ngôi chỏm 6. Cách đỡ đẻ ngôi chỏm	1	4	1,2
4	Bài 4: Chẩn đoán thai nghén 1. Dấu hiệu hướng tới có thai. 2. Dấu hiệu có thể có thai. 3. Dấu hiệu chắc chắn có thai.	1	3	1,2

5	Bài 5: Sổ rau thường 1. Khái niệm sổ rau thường 2. Các hiện tượng lâm sàng thời kỳ sổ rau 3. Các dấu hiệu bong rau. 4. Xử trí trong thời kỳ sổ rau	1	2	1,2
6	Bài 6: Hậu sản thường 1. Định nghĩa hậu sản thường 2. Những thay đổi giải phẫu, sinh lý cơ quan sinh dục thời kỳ hậu sản 3. Chăm sóc hậu sản thường 4. Một số bất thường trong thời kì hậu sản	1	2	1,2
7	Bài 7: Tính chất thai và phần phụ của thai đủ tháng 1. Tính chất thai nhi đủ tháng 2. Tính chất phần phụ đủ tháng	2	1	1,2
8	Bài 8: Thay đổi giải phẫu, sinh lý khi có thai 1. Thay đổi về nội tiết 2. Những thay đổi ở cơ quan sinh dục khi mang thai 3. Thay đổi ở các cơ quan bộ phận khác	1	1	1,2
9	Bài 9: Giải phẫu khung chậu người phụ nữ 1. Cấu tạo và hình thể 2. Đại khung 3. Tiểu khung 4. Phân loại khung chậu 5. Thủ thuật đo khung chậu 6. Đáy chậu	2	2	1,2

10	Bài 10: Các phương pháp thăm dò trong sản khoa 1. Soi ối 2. Chọc ối 3. Xét nghiệm sinh hóa 4. Sinh thiết gai rau 5. Siêu âm 6. Monitoring	1	2	1,2
11	Bài 11: Thai ngoài tử cung 1. Đại cương 2. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và các yếu tố nguy cơ 3. Phân loại 4. Giải phẫu bệnh – sinh lý bệnh 5. Lâm sàng 6. Xử trí 7. Dự phòng	1	4	1, 2
12	Bài 12: Thai chết trong tử cung 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Giải phẫu bệnh 4. Lâm sàng 5. Tiến triển 6. Xử trí 7. Dự phòng	1	4	1, 2

13	Bài 13: Sảy thai, dọa sảy thai 1. Đại cương 2. Nguyên nhân sảy thai 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị	1	4	1, 2
14	Bài 14: Nhiễm khuẩn hậu sản 1. Đại cương 2. Các hình thái nhiễm khuẩn hậu sản 3. Phòng bệnh	2	4	1, 2
15	Bài 15: Ngôi mông 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Xử trí trong ngôi mông	1	3	1, 2
16	Bài 16: Song thai 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Xử trí	1	3	1, 2
17	Bài 17: U buồng trứng 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Triệu chứng 4. Chẩn đoán 5. Biến chứng 6. Điều trị	1	4	1, 2

18	Bài 18: U xơ tử cung 1. Đại cương 2. Giải phẫu bệnh 3. Phân loại 4. Triệu chứng 5. Chẩn đoán 6. Tiến triển và biến chứng 7. Điều trị	1	4	1, 2
19	Bài 18: Các tổn thương lành tính ở CTC 1. Đại cương 2. Cổ tử cung bình thường 3. Các tổn thương lành tính cổ tử cung 4. Khám phát hiện tổn thương lành tính ở cổ tử cung 5. Dự phòng	1	2	1, 2
20	Bài 20: Thai trứng 1. Đại cương 2. Giải phẫu bệnh 3. Triệu chứng và chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	3	1, 2
21	Bài 21: Chảy máu sau sinh (Băng huyết sau đẻ) 1. Đại cương 2. Bệnh lý thời kỳ sổ rau 3. Chấn thương sinh dục 4. Bệnh lý rối loạn đông máu 5. Đề phòng chảy máu sau sinh.	2	3	1, 2
22	Bài 22: Rau tiền đạo	1	3	1, 2

	1. Đại cương 2. Phân loại 3. Triệu chứng và chẩn đoán 4. Xử trí 5. Phòng bệnh			
23	Bài 23: Rau bong non 1. Đại cương 2. Nguyên nhân và yếu tố nguy cơ 3. Giải phẫu bệnh 4. Sinh lý bệnh 5. Triệu chứng và Chẩn đoán 6. Xử trí 7. Phòng bệnh 8. Biến chứng	1	3	1, 2
24	Bài 24: Võ tử cung <i>1. Đại cương</i> Section 1.04 2. Võ tử cung trong thai kỳ 3. Võ tử cung trong chuyển dạ 4. Tiên lượng 5. Điều trị 6. Dự phòng	1	3	1, 2
25	Bài 25: Sinh lý chuyển dạ 1. Đại cương 2. Nguyên nhân gây chuyển dạ 3. Động lực của cuộc chuyển dạ 4. Thay đổi về phía mẹ, thai nhi và phần phụ của thai do tác dụng của cơn co tử cung	2	1	1, 2
26	Bài 26: Rối loạn kinh nguyệt	2	1	1, 2

	1. Đại cương 2. Vòng kinh không phóng noãn 3. Vô kinh 4. Thống kinh 5. Rong kinh và rong huyết 6. Các rối loạn kinh nguyệt khác			
--	--	--	--	--

2. Thực hành – Lâm sàng

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài 1: Cách làm bệnh án tiền sản 1. Hành chính 2. Lý do vào viện 3. Bệnh sử 4. Tiền sử 5. Thăm khám 6. Chẩn đoán sơ bộ 7. Cận lâm sàng 8. Tóm tắt bệnh án 9. Chẩn đoán xác định 10. Điều trị 11. Tiên lượng 12. Phòng bệnh	02	2,3	1, 2,3
2	Bài 2: Cách làm bệnh án hậu sản 1. Hành chính 2. Lý do vào viện 3. Bệnh sử 4. Tiền sử 5. Thăm khám 6. Chẩn đoán sơ bộ	02	2,3	1, 2,3

	7. Cận lâm sàng 8. Tóm tắt bệnh án 9. Chẩn đoán xác định 10. Điều trị 11. Tiên lượng 12. Phòng bệnh			
3	Bài 3: Cách làm bệnh án hậu phẫu 1. Hành chính 2. Lý do vào viện 3. Bệnh sử 4. Tiền sử 5. Thăm khám 6. Chẩn đoán sơ bộ 7. Cận lâm sàng 8. Tóm tắt bệnh án 9. Chẩn đoán xác định 10. Điều trị 11. Tiên lượng 12. Phòng bệnh	02	2,3	1, 2,3
4	Bài 4: Cách làm bệnh án phụ khoa 1. Hành chính 2. Lý do vào viện 3. Bệnh sử 4. Tiền sử 5. Thăm khám 6. Chẩn đoán sơ bộ 7. Cận lâm sàng 8. Tóm tắt bệnh án 9. Chẩn đoán xác định 10. Điều trị 11. Tiên lượng	02	2,3	1, 2,3

	12. Phòng bệnh			
5	Bài 5: Cách khám tiền sản 1. Khám mẹ - Khám toàn trạng - Khám các cơ quan bộ phận - Khám khung chậu 2. Khám thai - Ước tính tuổi thai - Tình trọng lượng thai - Nghe tim thai 3. Khám các yếu tố chuyển dạ - Khám cơn co tử cung - Khám độ xóa mở cổ tử cung - Khám đầu ối - Khám ngôi thế - kiểu thế - Khám độ lọt	02	2,3,4	1, 2,3
6	Bài 6: Cách khám hậu sản – hậu phẫu 1. Khám mẹ - Toàn thân - Khám các yếu tố hậu sản - Khám tình trạng ổ bụng - Khám vết mổ, vết khâu TSM 2. Khám sơ sinh	02	2,3,4	1, 2,3
7	Bài 7: Cách khám phụ khoa – khám vú 1. Khám vú 2. Cách đặt mỏ vịt 3. Khám tử cung, khám phần phụ	02	2,3,4	1, 2,3

8	Bài 8: Chỉ định và kỹ thuật bấm ối 1. Các chỉ định bấm ối 2. Chống chỉ định bấm ối 3. Chuẩn bị cụ thể 4. Các bước tiến hành 5. Theo dõi	02	2,3,4	1, 2,3
9	Bài 9: Chỉ định và kỹ thuật cắt, khâu TSM 1. Chỉ định 2. Chuẩn bị cụ thể 3. Các bước tiến hành 4. Theo dõi	02	2,3,4	1, 2,3
10	Bài 10: Chỉ định và kỹ thuật bóc rau – kiểm soát tử cung 1. Bóc rau nhân tạo 1.1. Chỉ định 1.2. Chuẩn bị 1.3. Thực hiện kỹ thuật 1.4. Theo dõi 2. Kiểm soát tử cung 2.1. Chỉ định 2.2. Chuẩn bị 2.3. Thực hiện kỹ thuật 2.4. Theo dõi	02	2,3,4	1, 2,3
11	Bài 11: Đỡ và kiểm tra rau 1. Chỉ định 2. Chuẩn bị cụ thể 3. Các bước tiến hành 4. Theo dõi	02	2,3,4	1, 2,3
12	Bài 12: Theo dõi chuyển dạ và đỡ đẻ ngôi chỏm 1. Đại cương	02	2,3	1, 2,3

	2. Các yếu tố cần theo dõi trong quá trình theo dõi chuyển dạ 3. Hướng dẫn ghi và phân tích biểu đồ chuyển dạ 4. Kỹ thuật đỡ đẻ ngôi chỏm - Thời điểm đỡ đẻ - Chuẩn bị đỡ đẻ - Đỡ đẻ qua các thì + Đỡ đầu + Đỡ vai + Đỡ mông 5. Theo dõi			
13	Bài 13: Giảng tại buồng bệnh 1. Kỹ năng báo cáo ca bệnh 2. Kỹ năng hỏi bệnh 3. Kỹ năng khám bệnh 4. Kỹ năng lập luận chẩn đoán và điều trị bệnh	01	2,3,4	1, 2,3
14	Bài 14: Bình bệnh án 1. Hành chính 2. Lý do vào viện 3. Bệnh sử 4. Tiền sử 5. Thăm khám 6. Chẩn đoán sơ bộ 7. Cận lâm sàng 8. Tóm tắt bệnh án 9. Chẩn đoán xác định 10. Điều trị 11. Tiên lượng 12. Phòng bệnh	02	2,3	1, 2,3

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết

1.1. Phương pháp dạy

- Thuyết trình có hình ảnh minh họa.
- Đặt câu hỏi ngắn cho sinh viên trả lời.
- Thảo luận nhóm
- Sử dụng các đoạn phim video ngắn để minh họa.
- Hướng dẫn sinh viên viết và báo cáo chuyên đề

1.2. Phương pháp học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên theo dõi, đánh dấu từng mục tự học tương ứng với từng bài giảng trong chương trình để áp dụng làm bài tập hoặc viết bài thảo luận.
- Tham khảo tài liệu, chia nhóm thảo luận và viết chuyên đề theo chủ đề (chủ đề do cán bộ giảng phụ trách gợi ý viết, số chuyên đề phụ thuộc vào số lượng sinh viên của từng khóa học). Mỗi nhóm nộp lại cho Bộ môn quyền chuyên đề sau khi đã thống nhất về nội dung và hình thức trình bày. Giảng viên kiểm tra đánh giá quá trình tự học của sinh viên thông qua các bài tập và bài tham luận giao cho sinh viên trong quá trình học

2. Thực hành lâm sàng

2.1. Phương pháp dạy

- Thuyết trình có hình ảnh minh họa.
- Đặt câu hỏi ngắn cho sinh viên trả lời.
- Thảo luận nhóm
- Sử dụng các đoạn phim video ngắn để minh họa.
- Sử dụng các mô hình học tập
- Xây dựng các tình huống lâm sàng
- Bệnh nhân cụ thể tại bệnh viện

2.2. Phương pháp học

- Quan sát và thảo luận
- Thực hành trên mô hình
- Báo cáo ca bệnh

- Khám trên bệnh nhân thật có sự giám sát và hướng dẫn của giảng viên và nhân viên y tế

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

Bảng, phấn, máy tính, projector, ảnh, video, mô hình, câu hỏi phát vấn

2. Thực hành:

- Bảng, phấn, ảnh, video, mô hình, bệnh nhân thật.
- Câu hỏi phát vấn, tình huống lâm sàng.

V. Phương pháp lượng giá

1. Lý thuyết: Trắc nghiệm khách quan Số bài kiểm tra giữa học phần: 01

2. Thực hành: Vấn đáp Số bài kiểm tra giữa học phần: 01

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0.1	Điểm danh có mặt trên lớp	Điểm danh	- Vắng có phép hợp lệ: Trừ 0,5 điểm/tiết học - Đi học muộn Trừ 0,5 điểm//lần (Nếu muộn > 15 phút sẽ tính vắng không lý do	1, 2, 3	10
Điểm giữa học phần lý thuyết (ĐGHPLT)	0.2	Bài thi 30 phút bao gồm 30 câu (10 câu mức nhớ, 12 câu mức hiểu, 8 câu mức áp dụng).	Trắc nghiệm khách quan	Theo đáp án và thang điểm thống nhất chung	1, 2	10

		Nội dung được giới hạn 50% học phần lý thuyết)				
Điểm giữa học phần lâm sàng (ĐGHPLS)	0.2	Bài kiểm tra 30 phút 1-2 kỹ năng lâm sàng	- Báo cáo ca bệnh - Thực hiện kỹ năng - Vấn đáp	Theo đáp án và thang điểm thống nhất chung	1, 2, 3	10
Điểm kết thúc học phần lý thuyết (ĐKTHPLT)	0.7	Bài thi 60 phút bao gồm 60 câu (20 câu mức nhớ, 25 câu mức hiểu, 15 câu mức áp dụng).	Trắc nghiệm khách quan	Theo đáp án và thang điểm thống nhất chung	1, 2, 3	10
Điểm kết thúc học phần lâm sàng (ĐKTHPLS)	0.7	Bài thi 120 phút tại bệnh viện trên bệnh nhân thật.	- Làm BA - Báo cáo ca bệnh	Theo đáp án và thang điểm thống nhất chung	1, 2, 3	10

			- Thực hiện kỹ năng - Vấn đáp			
--	--	--	--	--	--	--

Công thức tính điểm:

Điểm học phần lý thuyết = ĐCC x 0,1 + ĐGHPLT x 0,2 + ĐKTHPLT x 0,7

Điểm học phần lâm sàng = ĐCC x 0,1 + ĐGHPLS x 0,2 + ĐKTHPLS x 0,7

VI. Tài liệu học tập và tham khảo (*Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có*)**1. Tài liệu học tập chính:**

- Bộ môn Phụ sản - Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2021), *Bài giảng sản phụ khoa*, lưu hành nội bộ.

2. Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn Phụ sản - Trường Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh (2021), *Bài giảng Sản khoa*, Nhà xuất bản Y Học.
- Bộ môn Phụ sản - Trường Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh (2017), *Bài giảng phụ khoa*, Nhà xuất bản Y Học.
- Bộ môn Phụ sản - Trường Đại học Y Hà Nội (2020), *Bài giảng sản phụ khoa Tập 1*, Nhà xuất bản Y Học.
- Bộ môn Phụ sản - Trường Đại học Y Hà Nội (2020), *Bài giảng sản phụ khoa Tập 2*, Nhà xuất bản Y Học.
- Bộ môn Phụ sản - Trường Đại học Y Hà Nội (2020), *Thủ thuật sản phụ khoa*, Nhà xuất bản Y Học.
- Phạm Văn Linh, Cao Ngọc Thành (2007), *Bài giảng sản phụ khoa*, Nhà xuất bản Y Học.
- Phạm Thị Thanh Hiền (2020), *Sổ tay cấp cứu sản phụ khoa*, Nhà xuất bản Y Học.
- Cập nhật những thông tin mới nhất về lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản sinh viên có thể truy cập trên trang web: [WHO | World Health Organization](http://www.who.int) hoặc <http://www.moh.gov.vn>

VII. Lịch học: Theo lịch giảng dạy/học tập với thứ tự nội dung như trên**VIII. Quy định đối với sinh viên**

8.1. Nhiệm vụ của sinh viên

Ban cán sự lớp liên hệ với Giáo vụ Bộ môn để nhận kế hoạch học tập và các quy định của bộ môn về học phần, hướng dẫn học tập sau đó phổ biến lại cho lớp.

Sinh viên thực hiện nghiêm túc quy chế và quy định của Nhà trường.

Sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ tư trang cần thiết cho việc học thực hành (Tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, áo blouse, thẻ sinh viên).

Sinh viên phải nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị nội dung cho mỗi buổi học theo hướng dẫn tự học trước khi dự lớp, hoàn thành các bài tập được giao.

Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được Bộ môn xét giải quyết).

Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, lâm sàng, các buổi trực tại bệnh viện được phân công.

8.2. Quy định về điều kiện dự thi

Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành, giờ học lý thuyết (theo quy chế của Nhà trường). Cụ thể, điều kiện để sinh viên được dự kiểm tra/thi kết thúc học phần khi: Tham dự trên 80% số tiết học lý thuyết, 100% số tiết học thực hành, có giấy xin phép nghỉ học (nếu có), có điểm thực hành và kiểm tra giữa học phần đạt ≥ 4 điểm.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1	Lần 1	08/2017	Ninh Văn Minh
2	Lần 2	08/2019	Hoàng Tiến Nam
3	Lần 3	06/2021	Bùi Minh Tiến
4	Dự kiến	2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BỘ MÔN: NHI

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****NĂM 2021**

Tên học phần: Pediatric

Tên tiếng Việt: Nhi khoa

Tên tiếng Anh: **Pediatric**

Mã học phần: 3130PEDIAT0T, 3130PEDIAT0P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.**Thông tin chung:**

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên YHDP
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): - Số tín chỉ lý thuyết : Số tiết Lý thuyết : Thảo luận : Số giờ tự học : - Số tín chỉ thực hành: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng : Thảo luận : Số giờ tự học :	2 28 6 66 2 60 0 40

Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	2/2
Giữa học phần:	Câu hỏi ngắn- bài thực hành lâm sàng
Kết thúc học phần:	Test 60 câu- bài thực hành lâm sàng
Học phần học trước:	Nội khoa, Ngoại khoa
Học phần tiên quyết:	Sinh lý, Giải phẫu
Học phần song hành:	Sản phụ khoa, Chấn Thương
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Nhi

II. Mô tả chung về học phần:

2.1. Lý thuyết

Học phần lý thuyết gồm 3 phần cơ bản:

Nhi cơ sở: Sinh viên tiếp tục được cung cấp và hoàn thiện những kiến thức cơ sở về sinh lý nhi khoa, các giai đoạn phát triển của trẻ em, vấn đề chăm sóc một trẻ nhỏ khỏe mạnh, tầm soát, chiến lược phòng bệnh

Nhi bệnh lý: Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về các bệnh lý của trẻ nhỏ liên quan đến các bệnh lý chuyên khoa như Hô hấp, Tiêu hóa, Tuần hoàn, Thần kinh...

Các bệnh lý Nhi khoa thường gặp trong thực hành lâm sàng.

Xen kẽ với những nội dung về lý thuyết sinh viên có những buổi thảo luận ca bệnh, viết chuyên đề để làm sáng tỏ phần lý thuyết.

Bài thi lý thuyết giữa học phần dạng câu hỏi ngắn, mỗi đề thi 3 câu

Bài thi cuối học phần lý thuyết vào tuần thứ 4 – thi Test 60 câu

2.2. Lâm sàng

Đối tượng học sinh viên Y học dự phòng tham gia học phần Nhi khoa là một khóa học 4 tuần học lâm sàng tại bệnh viện. Sinh viên sẽ tham gia trực tại bệnh viện 1 buổi/tuần tại 4 khoa sau: Hô hấp, Tiêu hóa, Máu thận, Truyền nhiễm. Trong mỗi tuần học, sinh viên được đi buồng và giảng dạy tại buồng bệnh và giao ban hàng ngày, bình 1 – 2 bệnh án một tuần và có ít nhất 4 giờ thảo luận các ca lâm sàng để làm sáng tỏ học phần lý thuyết và hoàn thiện các kỹ năng lâm sàng cho sinh viên.

Sinh viên được bình các loại bệnh án của chuyên ngành Nhi khoa đã được học vào năm thứ 2. Giảng viên sẽ giúp sinh viên hoàn thiện các kỹ năng biện luận lâm sàng trong chẩn đoán, đưa ra hướng điều trị cũng như hướng xử trí tình huống cho các bệnh lý nhi khoa.

Thực hiện được hỏi bệnh, khám bệnh để phát hiện triệu chứng chẩn đoán bệnh, điều trị, theo dõi và phòng bệnh một số bệnh lý cơ bản chuyên ngành Nhi khoa.

Thực hiện được việc tư vấn cho bà mẹ về cách chăm sóc trẻ nhỏ khi bị ốm

Làm phụ hoặc làm dưới sự giám sát của giảng viên một số thủ thuật, kỹ thuật Nhi khoa cơ bản.

Phần thi lâm sàng giữa học phần vào cuối tuần thứ 2: sinh viên làm một kỹ năng lâm sàng và báo cáo 1 bệnh án.

Phần thi cuối học phần lâm sàng vào tuần thứ 4. Sinh viên thực hiện các kỹ năng hỏi bệnh, báo cáo ca bệnh, thao tác khám bệnh trên bệnh nhân, làm bệnh án và vấn đáp biện luận lâm sàng trên bệnh nhân cụ thể.

Địa điểm học lâm sàng là tại bệnh viện Nhi tỉnh Thái Bình

Kế hoạch học được phân bổ như sau: Sinh viên học tại bệnh viện các buổi sáng, mỗi lớp chia thành 3 - 4 nhóm học tập (tùy theo số lượng sinh viên), mỗi nhóm học 1 tuần một khoa, tại 4 khoa sau: khoa Hô Hấp, khoa Tiêu hóa, khoa Máu thận, khoa Truyền nhiễm. Tại bệnh viện, sinh viên được học các kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám, chăm sóc và điều trị bệnh nhân sản phụ khoa qua các buổi học tại buồng bệnh cùng với giảng viên và giảng viên thỉnh giảng, các buổi bình bệnh án và học tập tại các buổi trực.

- Các nhóm sinh viên được phân công đi lâm sàng tại các địa điểm theo kế hoạch sau:

Địa điểm học lâm sàng	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Lượng giá
Khoa Truyền nhiễm	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	
Khoa Hô hấp	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 1	
Khoa Máu thận	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 1	Nhóm 2	
Khoa Tiêu hóa	Nhóm 4	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	

* Khi kết thúc học phần Nhi khoa, sinh viên Y học dự phòng có khả năng chẩn đoán và chăm sóc trẻ bệnh cấp tính cũng như tư vấn quản lý các bệnh lý mạn tính

- Hình thành và rèn luyện kỹ năng giao tiếp, thăm khám bệnh nhân đảm bảo sự linh hoạt, nhẹ nhàng và tạo sự tin tưởng, đồng thời làm quen với các công việc và môi trường làm việc đặc thù của chuyên ngành Nhi khoa.

- Sinh viên cần áp dụng các kiến thức và kỹ năng lâm sàng đã được học ở những năm trước đó vào việc học tập với mỗi bệnh nhân nhi khoa cụ thể cả ở nội trú và ngoại trú để xây dựng và tích lũy kinh nghiệm lâm sàng nhi khoa để tiếp tục học chuyên khoa và công việc sau khi tốt nghiệp ra trường.

8. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

Stt	Họ và tên	Học hàm	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Phí Đức Long	Tiến sỹ	0912.617.274	longtbump@gmail.com	Phó trưởng Phụ trách
2.	Nguyễn Minh Nguyệt	Bs CKII	0947.864.566	nguyetnhi77tb@gmail.com	Giảng viên
3.	Khúc Văn Lập	BSCKII	0915.146.182	lapdhytb@gmail.com	Giảng viên
4.	Nguyễn Thị Thùy	Thạc sỹ	0987.626.191	Nguyenthuytb84@gmail.com	Giảng viên
5.	Nguyễn Thị Thùy Dương	Thạc sỹ	0382.282.969	nguyenthithuyduongdhytb@gmail.com	Giảng viên
6.	Trương Thị Phương Mai	Thạc sỹ	0974.073.088	bsmaiytb@gmail.com	Giảng viên
7.	Tô Minh Mạnh	Thạc sỹ	0914.251.184 0382.683.162	minhmanhytb@gmail.com	Giảng viên
8.	Nguyễn Đức Tâm	Thạc sỹ	0976.714.408	Nguyenductam234@gmail.com	Giảng viên
9.	Lưu Thị Hoa	Thạc sỹ	0919.812.386	Luuhoa225@gmail.com	Giảng viên

10.	Nguyễn Thị Thuyết	Thạc sĩ	0976.872.687	Luongthuyetbmnyt@gmail.com	Giảng viên
11.	Đoàn Thị Ngọc Hoa	Thạc sĩ	0942.092.902	ngochoaytb@gmail.com	Giảng viên
12.	Vũ Thị Thu Trang	Thạc sĩ	0974961927	thutrangvupham@gmail.com	Giảng viên
13.	Nguyễn Tuấn Minh	Bác sĩ	0372176845 0869677297	Nguyentuanminh9945@gmail.com	Trợ giảng
14.	Bùi Thành Trung	Bác sĩ	0399305198	Buithanhtrung2707@gmail.com	Trợ giảng

4. Mục tiêu học phần

TT		Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	MT1: Áp dụng các bằng chứng về lâm sàng, cận lâm sàng để chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt các bệnh lý Nhi khoa thông thường.	PEO 1, 2, 3, 5	
2	MT 2: Phân tích và lựa chọn đúng phác đồ điều trị và chăm sóc trong một số bệnh lý thường gặp trong Nhi khoa	PEO 1, 2, 3, 5	
3	MT3: Phân tích được các yếu tố nguy cơ trong điều trị và dự phòng các biến chứng của một số bệnh bệnh lý Nhi khoa thông thường.	PEO 1, 2, 3, 5	

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
1	Khai thác tiền sử, bệnh sử của người bệnh đầy đủ. Thực hiện được kỹ năng thăm khám, chỉ định cận lâm sàng và thăm dò chức năng phù hợp để đưa ra các chẩn đoán các bệnh lý Nhi khoa.	S: PLO 2, 3, 5, 12, 13 H: PLO 1, 6, 8, 11, 14
2	Giải thích được các triệu chứng cận lâm sàng để đưa ra các chẩn đoán các bệnh lý nhi khoa thông thường	S: PLO 2, 3, 5, 12, 13 H: PLO 1, 6, 8, 11, 14
3	Liên hệ, áp dụng được nguyên tắc điều trị các bệnh lý nhi khoa thông thường	S: PLO 2, 3, 5, 12, 13 H: PLO 1, 6, 8, 11, 14

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra

II. Nội dung

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài 1: Các thời kỳ phát triển của trẻ em 1.Liệt kê các thời kỳ của trẻ em 2. Đặc điểm sinh học và bệnh lý từng thời kỳ: 2.1. Thời kì trong tử cung	1	1. Liệt kê được các thời kỳ của trẻ em 2. Trình bày được đặc điểm sinh học và bệnh lý của từng thời kỳ	1,2

	2.2. Thời kì sơ sinh 2.3. Thời kì bú mẹ 2.4. Thời kì răng sữa 2.5. Thời kì thiếu niên 2.6. Thời kì dậy thì			
2	Bài 2: Sự phát triển thể chất ở trẻ em 1. Trình bày sự phát triển chiều cao, cân nặng và các vòng, các tỷ lệ của cơ thể trẻ em 2. Liệt kê được các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất của trẻ em	1	1. Trình bày sự phát triển chiều cao, cân nặng, các vòng, các tỷ lệ của cơ thể trẻ em 2. Liệt kê được các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất của trẻ em	1,2
3	Bài 3: Sự phát triển tâm thần và vận động của trẻ em	1	1. Nêu được nguyên tắc chung của quá trình phát triển tâm thần và vận động ở trẻ em 2. Nêu những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển tâm thần và vận động ở trẻ em 3. Trình bày được sự phát triển tâm thần và vận động ở trẻ em qua từng lứa tuổi	1,2
4	Bài 4: Nguyên tắc sử dụng thuốc 1. Các đường đưa thuốc vào cơ thể trẻ em 2. Chuyển hoá thuốc trong cơ thể trẻ em và ảnh hưởng của tuổi đến dược động học của thuốc	1	Trình bày được các đường đưa thuốc vào cơ thể trẻ em Trình bày được chuyển hoá thuốc và những ảnh hưởng của tuổi tới động dược học của thuốc trong cơ thể trẻ em Trình bày được 4 cách tính liều lượng thuốc cho trẻ em	1,2,3

	3. Chuyển hoá thuốc trong cơ thể trẻ em và ảnh hưởng của tuổi đến dược động học của thuốc 4. Một số vấn đề thực hành khi dùng thuốc cho trẻ em:		Kể tên 6 loại điều trị ở trẻ em và 5 nguyên tắc điều trị kháng sinh trong Nhi khoa	
5	Bài 5: Đặc điểm hệ hô hấp trẻ em 1. Mở đầu 2. Đặc điểm giải phẫu 3. Đặc điểm sinh lý	1	1. Mô tả được đặc điểm giải phẫu cấu tạo bộ máy hô hấp trẻ em. 2. Trình bày được đặc điểm sinh lý bộ máy hô hấp trẻ em. 3. Giải thích được sự liên quan giữa những đặc điểm giải phẫu sinh lý và bệnh lý hệ hô hấp.	1,2,3
6	Bài 6: Viêm phổi trẻ em 1. Dịch tễ học bệnh viêm phế quản phổi trẻ em 2. Nguyên nhân gây bệnh 3. Yếu tố nguy cơ 4. Triệu chứng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị và phòng bệnh	1	1. Mô tả được đặc điểm dịch tễ học bệnh viêm phổi trẻ em. 2. Nêu được các nguyên nhân chính gây bệnh và yếu tố nguy cơ. 3. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng và chẩn đoán bệnh. 4. Trình bày phác đồ điều trị và phòng bệnh	2,2,3
7	Bài 7: Viêm tiểu phế quản cấp ở trẻ em 1. Nguyên nhân và yếu tố thuận lợi 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán	2	1. Nêu được các nguyên nhân và yếu tố thuận lợi gây viêm tiểu phế quản (VTPQ) 2. Trình bày được đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của VTPQ.	1,2,3

	4. Điều trị và phòng bệnh		3. Chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt được VTPQ. 4. Trình bày phác đồ điều trị và phòng bệnh VTPQ.	
8	Bài 8: Đặc điểm hệ tiêu hóa ở trẻ em 1. Đặc điểm giải phẫu, sinh lý của hệ tiêu hóa 2. Một số bệnh lý liên quan	2	1. Trình bày đặc điểm giải phẫu, sinh lý hệ tiêu hóa trẻ em 2. Giải thích được một số bệnh lý hay gặp ở trẻ em liên quan đến cấu tạo và chức năng hệ tiêu hóa	1,2,3
9	Bài 9: Tiêu chảy cấp ở trẻ em 1. Định nghĩa, đặc điểm dịch tễ học 1.1. Định nghĩa 1.2. Dịch tễ học 2. TC lâm sàng, CLS và hậu quả 2.1. TC lâm sàng 2.2. TC CLS 2.3. Hậu quả 3. Điều trị và cách phòng bệnh 3.1. Điều trị 3.2. Phòng bệnh	2	1. Trình bày được định nghĩa, đặc điểm dịch tễ học TCC 2. Trình bày triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và hậu quả của TCC 3. Trình bày phác đồ điều trị và cách phòng bệnh TCC	1,2,3
11	Bài 11: Sữa mẹ và nuôi dưỡng trẻ dưới 5 tuổi 1. Tầm quan trọng của nuôi dưỡng đúng và tình trạng dinh dưỡng trẻ em hiện nay 2. Nuôi dưỡng trẻ dưới 12 tháng mẹ đủ sữa 3. Nuôi dưỡng trẻ từ 0-12 tháng mẹ thiếu hoặc không có sữa	2	1. Trình bày được tính ưu việt của sữa mẹ. 2. Trình bày được cách nuôi trẻ từ 0-12 tháng mẹ đủ sữa. 3. Trình bày được cách nuôi trẻ từ 0-12 tháng mẹ thiếu hoặc không có sữa.	1,2,3

	4.Chế độ ăn cho trẻ từ 2-5 tuổi 5.Chế độ nuôi dưỡng và phòng bệnh thừa cân béo phì ở trẻ em		4. Trình bày được cách nuôi trẻ từ 13 tháng đến 5 tuổi mẹ đủ sữa. 5. Trình bày được cách nuôi trẻ phòng bệnh thừa cân béo phì.	
12	Bài 12: Suy dinh dưỡng protein – Năng lượng trẻ em 1.Định nghĩa và nguyên nhân gây SDD. 2.Triệu chứng lâm sàng SDD 3.Xét nghiệm 4.Phân loại SDD 5.Điều trị SDD 6.Phòng SDD		1. Trình bày được những nguyên nhân gây SDD 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và xét nghiệm SDD trẻ em. 3. Trình bày được cách phân loại SDD theo WHO và Welcome 4. Trình bày được cách điều trị và phòng bệnh SDD trẻ em.	1,2,3
13	Bài 13: Đặc điểm hệ tiết niệu trẻ em 1. Đặc điểm giải phẫu hệ tiết niệu 2. Đặc điểm sinh lý hệ tiết niệu	2	1. Nêu được đặc điểm giải phẫu hệ tiết niệu ở trẻ em. 2. Nêu được đặc điểm sinh lý hệ tiết niệu ở trẻ em.	12,3
14	Bài 14: Nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ em 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân gây NKTN 3. Triệu chứng lâm sàng NKTN. 4. Triệu chứng CLS của NKTN. 5. Phương pháp điều trị NKTN. 6. Phòng bệnh NKTN	2	1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân gây NKTN ở trẻ em. 2. Nêu được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng NKTN ở trẻ em. 3.Trình bày được phương pháp điều trị, phòng bệnh NKTN ở trẻ em.	1,2,3

15	Bài 15: Đặc điểm hệ thần kinh trẻ em 1. Sự phát triển hệ thần kinh thời kỳ trong tử cung 2. Đặc điểm cấu tạo hệ thần kinh trẻ em 3. Đặc điểm sinh lý 4. Đặc điểm bệnh lý	2	1. Trình bày được đặc điểm cấu tạo hệ thần kinh trẻ em. 2. Trình bày được đặc điểm sinh lý hệ thần kinh trẻ em. 3. Trình bày được đặc điểm bệnh lý hệ thần kinh trẻ em.	1,2,3
16	Bài 16: Viêm màng não nhiễm khuẩn trẻ em 1. Đại cương 2. Nguyên nhân gây bệnh 3. Lâm sàng 4. Cận lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Biến chứng, di chứng 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	2	1. Liệt kê được các nhóm nguyên nhân gây bệnh VMNNK trẻ em 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng bệnh VMNNK trẻ em 3. Trình bày được chẩn đoán bệnh VMNNK trẻ em 4. Trình bày được phương pháp điều trị bệnh VMNNK trẻ em 5. Nêu được các biện pháp phòng bệnh VMNNK trẻ em	1,2,3
17	Bài 17: Đặc điểm máu và sự tạo máu trẻ em 1. Đặc điểm tạo máu trẻ em 2. Đặc điểm máu ngoại biên, máu tủy xương trẻ em	1	1. Trình bày được đặc điểm tạo máu trong bào thai và sau khi sinh ở trẻ em 2. Trình bày được đặc điểm máu ngoại biên, máu tủy xương ở trẻ em.	1,2,3
18	Bài 18: Hội chứng thiếu máu 1. Hội chứng thiếu máu 2. Thiếu máu dinh dưỡng (Thiếu máu thiếu sắt) 3. Thiếu máu tan máu	1	1. Nêu được định nghĩa thiếu máu theo Tổ chức Y tế thế giới 1985 2. Trình bày được cách phân loại thiếu máu	1,2,3

			3. Trình bày được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và phác đồ điều trị thiếu máu dinh dưỡng (thiếu máu do thiếu sắt) 4. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân và triệu chứng của thiếu máu tan máu	
19	Bài 19: Hội chứng xuất huyết ở trẻ em 1. Cách phân loại xuất huyết ở trẻ em 2. Một số bệnh máu xuất huyết thường gặp ở trẻ em	2	1. Trình bày được cách phân loại xuất huyết ở trẻ em. 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng, phác đồ điều trị và phòng một số bệnh xuất huyết thường gặp ở trẻ em.	1,2,3

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Khám sơ sinh 1. Hỏi bệnh 2. Khám bệnh 2.1. Khám toàn thân 2.2. Da, niêm mạc, lông, tóc, móng 2.3. Đầu 2.4. Hô hấp 2.5. Tim mạch 2.6. Tiêu hóa 2.7. Khám sinh dục ngoài 2.8. Thần kinh - Phản xạ nguyên thủy - Tăng trương lực cơ sinh lý	4	1. Thực hiện đúng các bước chuẩn bị và tiến hành thăm khám 2. Sử dụng được bảng kiểm thăm khám một bệnh nhân nhi khoa để tự lượng giá và lượng giá theo nhóm	1,2,3

	2.9. Đánh giá tuổi thai			
2	Cách làm bệnh án 1. Phần hành chính 2. Lý do vào viện 3. Bệnh sử 4. Tiền sử 5. Tóm tắt bệnh án và chẩn đoán sơ bộ 6. Cận lâm sàng: - Yêu cầu - Đã có 7. Chẩn đoán: 7.1.Chẩn đoán xác định 7.2.Chẩn đoán phân biệt 7.3.Chẩn đoán nguyên nhân 8. Điều trị: - Hướng điều trị - Điều trị cụ thể 9. Tiên lượng: - Tiên lượng gần - Tiên lượng xa 10. Phòng bệnh	4	Làm được một bệnh án nhi khoa đúng các bước	1,2,3
3	Khám da cơ xương trẻ em 1. Khám da và tổ chức dưới da 1.1. Nhìn 1.2. Sờ da 1.3. Khám các bộ phận phụ thuộc da 1.4. Khám niêm mạc 2. Khám hệ cơ trẻ em	4	1. Thực hiện đúng các bước chuẩn bị và tiến hành khám da cơ xương trẻ em 2. Sử dụng được bảng kiểm khám da cơ xương trẻ em để tự lượng giá và lượng giá theo nhóm	1,2,3

	2.1. Khám độ lớn của cơ - Cách khám - Các triệu chứng bệnh lý 2.2. Khám trương lực cơ - Cách khám - Các triệu chứng bệnh lý 2.3. Khám cơ lực - Cách khám - Các triệu chứng bệnh lý 2.4. Các tổn thương đặc biệt của hệ cơ 3. Khám hệ xương trẻ em 3.1. Xương đầu - Hình thể - Khám thóp - Khám khớp xương sọ - Khám độ cứng của xương sọ - Đo vòng đầu 3.2. Khám xương lồng ngực - Nhìn - Đo vòng ngực - Xquang 3.3. Khám xương chi - Nhìn - Sờ - Xquang 3.4. Khám cột sống			
4	Khám lâm sàng bộ máy tiêu hóa trẻ em 1. Hỏi bệnh 1.1. Tiêu chảy	4	1. Thực hiện đúng các bước chuẩn bị và tiến hành khám bộ máy tiêu hóa trẻ em	1,2,3

1.2. Táo bón 1.3. Nôn trớ 1.4. Đau bụng 1.5. Bỏ bú 1.6. Ợ 1.7. Nuốt 1.8. Cách nuôi dưỡng 1.9. Tiền sử 2. Khám miệng họng 2.1. Nguyên tắc 2.2. Khám môi 2.3. Hố miệng- lưỡi 2.4. Khám họng 3. Khám bụng 3.1. Nguyên tắc 3.2. Phân khu ở bụng 3.3. Cách khám - Tư thế bệnh nhân - Nhìn bụng - Sờ, nắn bụng: + Tìm điểm đau + Tìm các dấu hiệu - Gõ bụng - Nghe bụng - Khám gan - Khám lách 4. Khám hậu môn- trực tràng 4.1. Khám hậu môn 4.2. Thăm trực tràng 5. Khám phân trẻ em 6. Khám các bộ phận liên quan		2. Sử dụng được bảng kiểm khám bộ máy tiêu hóa trẻ em để tự lượng giá và lượng giá theo nhóm.	
---	--	--	--

	7. Chỉ định thăm dò cận lâm sàng			
5	Khám hệ hô hấp trẻ em 1. Hỏi bệnh 1.1. Sốt 1.2. Ho 1.3. Khó thở - Đối với trẻ lớn - Đối với trẻ bú mẹ 1.4. Tím 1.5. Các triệu chứng khác có liên quan 1.6. Tiền sử - Tiền sử cá nhân - Tiền sử gia đình - Dịch tễ 2. Khám bệnh 2.1. Khám toàn thân - Tinh thần - Thân nhiệt - Thở trạng 2.2. Khám hô hấp - Khám phát hiện + Triệu chứng tím + Triệu chứng khó thở + Dấu hiệu rút lõm lồng ngực + Phân độ suy hô hấp - Khám tai mũi miệng họng - Khám phổi + Tư thế bệnh nhân và thầy thuốc + Quan sát + Sờ	4	1. Thực hiện đúng các bước chuẩn bị và tiến hành khám hô hấp trẻ em 2. Sử dụng được bảng kiểm khám hô hấp trẻ em để tự lượng giá và lượng giá theo nhóm.	1,2,3

	+ Gõ phổi + Nghe phổi - Khám các chất thải 2.3. Khám các cơ quan khác 2.4. Một số xét nghiệm và thăm dò trong bệnh lý hô hấp			
6	Khám tim mạch ở trẻ em 1. Hỏi bệnh 1.1. Bệnh sử - Khó thở - Tím - Đau khớp - Phù - Ho - Các triệu chứng khác 1.2. Tiền sử 2. Khám thực thể 2.1. Khám toàn thân - Toàn trạng - Da và niêm mạc - Mạch và huyết áp 2.2. Khám tim - Nhìn - Sờ - Gõ - Nghe - Một số nghiệm pháp trong khám tim mạch - Khám một số các cơ quan liên qua 3. Một số thăm dò 3.1. Xét nghiệm máu	4	1. Thực hiện đúng các bước chuẩn bị và tiến hành khám tim mạch trẻ em 2. Sử dụng được bảng kiểm khám tim mạch trẻ em để tự lượng giá và lượng giá theo nhóm	1,2,3

	3.2. Xquang 3.3. Điện tâm đồ 3.4. Siêu âm 3.5. Thông tim			
7	Khám hệ thần kinh trẻ em 1. Khám và đánh giá sự phát triển tinh thần vận động 1.1. Về tinh thần 1.2. Về vận động 2. Khám thần kinh trẻ em 2.1. Hỏi bệnh sử 2.2. Tiền sử 2.3. Thăm khám - Quan sát tư thế bệnh nhân và thăm khám toàn thân phát hiện các dấu hiệu bất thường - Khám cảm giác - Khám vận động - Khám 1 số phản xạ 3. Hội chứng não màng não 3.1. Hội chứng màng não 3.2. Hội chứng não 4. Một số thăm dò trong các bệnh thần kinh 4.1. Chọc dò dịch não tủy 4.2. Các xét nghiệm khác	4	1. Thực hiện đúng các bước chuẩn bị và tiến hành khám hệ thần kinh trẻ em 2. Sử dụng được bảng kiểm khám hệ thần kinh trẻ em để tự lượng giá và lượng giá theo nhóm	1,2,3
8	Khám thiếu máu và xuất huyết 1. Hỏi bệnh 1.1. Các triệu chứng chính - Thiếu máu - Xuất huyết	4	1. Thực hiện đúng các bước chuẩn bị và tiến hành khám thiếu máu và xuất huyết trẻ em	1,2,3

	1.2. Hỏi các triệu chứng kèm theo 1.3. Hỏi tiền sử 2. Khám 2.1. Toàn trạng 2.2. Các triệu chứng chính - Thiếu máu - Xuất huyết - Khám phát hiện gan lách hạch to + Khám hạch + Khám lách + Khám gan - Khám các bộ phận có liên quan 3. Xét nghiệm 3.1. Đánh giá tình trạng máu ngoại biên 3.2. Đánh giá tình trạng các cơ quan tạo máu 3.3. Sinh hóa máu và các xét nghiệm huyết học khác 3.4. Các xét nghiệm khác		2. Sử dụng được bảng kiểm khám thiếu máu và xuất huyết trẻ em để tự lượng giá và lượng giá theo nhóm	
9	Khám hệ tiết niệu trẻ em 1. Hỏi bệnh 1.1. Phù 1.2. Tiểu tiện - Số lần đi tiểu - Số lượng - Màu sắc - Liên quan khi đi tiểu 1.3. Tim mạch 1.4. Thần kinh 1.5. Tiêu hóa	4	1. Thực hiện đúng các bước chuẩn bị và tiến hành khám hệ tiết niệu trẻ em 2. Sử dụng được bảng kiểm khám hệ tiết niệu trẻ em để tự lượng giá và lượng giá theo nhóm	1,2,3

	1.6. Các triệu chứng khác 1.7. Tiền sử - Cá nhân - Gia đình 2. Khám thực thể 2.1. Toàn thân 2.2. Phù 2.3. Tim mạch 2.4. Thần kinh 2.5. Thận và tiết niệu - Nhìn - Sờ 2.6. Khám các chuyên khoa có liên quan 3. Chỉ định xét nghiệm 3.1. Nước tiểu - Lấy bệnh phẩm - Các xét nghiệm protein - Xét nghiệm cặn - Cấy 3.2. Máu 3.3. Các xét nghiệm khác			
10	Giao ban 1. Sinh viên báo cáo bệnh nhân giao ban 2. Sinh viên đưa ra ý kiến thảo luận 3. Giảng viên nhận xét, phân tích các dấu hiệu lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và hướng điều trị trên ca bệnh	20	1. Khai thác được đầy đủ triệu chứng, bệnh sử của bệnh nhân 2. Chẩn đoán xác định, phân biệt, nguyên nhân của bệnh 3. Từ 2 mục tiêu trên đưa ra được hướng điều trị cho người bệnh	1,2,3

11	Bình bệnh án 1. Sinh viên trình bày bệnh án 2. Ý kiến thảo luận của sinh viên trong, nhóm, lớp 3. Giảng viên nhận xét, phân tích các dấu hiệu lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh	14	1. Khai thác được đầy đủ các bước một bệnh án nhi khoa 2. Đưa ra được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh tình huống bệnh nhân bình bệnh án	1,2,3
12	Giảng đầu giường Dạy học theo phương pháp nghiên cứu từng ca bệnh: Hướng dẫn, làm mẫu và yêu cầu sinh viên làm, thảo luận nhóm, đánh giá và nhận xét.	20	1. Thực hiện được các thao tác khám bệnh ca bệnh nhi khoa 2. Đưa ra được chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân của ca bệnh 3. Đưa ra được hướng điều trị, điều trị cụ thể cho ca bệnh 4. Tiên lượng và phòng bệnh của ca bệnh	1,2,3
	Tổng số	90		1,2,3

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết

1.1. Phương pháp dạy

- Thuyết trình có hình ảnh minh họa.
- Đặt câu hỏi ngắn cho sinh viên trả lời.
- Thảo luận nhóm, liên hệ lâm sàng
- Sử dụng các đoạn phim video ngắn để minh họa.
- Hướng dẫn sinh viên viết và báo cáo chuyên đề

1.2. Phương pháp học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm.
- Sinh viên theo dõi, đánh dấu từng mục tự học tương ứng với từng bài giảng trong chương trình để áp dụng làm bài tập hoặc viết bài thảo luận.
- Tham khảo tài liệu, chia nhóm thảo luận và viết chuyên đề theo chủ đề (chủ đề do cán bộ giảng phụ trách gợi ý viết, số chuyên đề phụ thuộc vào số lượng sinh viên của từng khóa học).
- Mỗi nhóm nộp lại cho Bộ môn quyền chuyên đề sau khi đã thống nhất về nội dung và hình thức trình bày.
- Giảng viên kiểm tra đánh giá quá trình tự học của sinh viên thông qua các bài tập và bài tham luận giao cho sinh viên trong quá trình học

2. Thực hành lâm sàng

2.1. Phương pháp dạy

- Thuyết trình có hình ảnh minh họa.
- Đặt câu hỏi ngắn cho sinh viên trả lời.
- Thảo luận nhóm.
- Sử dụng các đoạn phim video ngắn để minh họa.
- Sử dụng các mô hình học tập
- Xây dựng các tình huống lâm sàng
- Bệnh nhân cụ thể tại bệnh viện

2.2. Phương pháp học

- Quan sát và thảo luận
- Thực hành trên mô hình

- Báo cáo ca bệnh
- Khám trên bệnh nhân thật có sự giám sát và hướng dẫn của giảng viên và nhân viên y tế

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

Bảng, phấn, máy tính, projector, ảnh, video, mô hình, câu hỏi phát vấn

2. Thực hành:

- Bảng, phấn, ảnh, video, mô hình, bệnh nhân thật.
- Câu hỏi phát vấn, tình huống lâm sàng.

V. Phương pháp lượng giá

V. Phương pháp lượng giá

1. Lý thuyết: Câu hỏi ngắn và thi test MCQs Số bài kiểm tra giữa học phần: 01

2. Thực hành: Vấn đáp Số bài kiểm tra giữa học phần: 01

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0.1	Điểm danh có mặt trên lớp	Điểm danh	- Vắng có phép hợp lệ: Trừ 0,5 điểm/2 tiết học - Đi học muộn Trừ 0,5 điểm//lần (Nếu muộn > 15 phút sẽ tính vắng không lý do)	1, 2, 3

Điểm giữa học phần lý thuyết (ĐGHPLT)	0.2	Bài thi 60 phút bao gồm 3 câu hỏi ngắn	Câu hỏi ngắn cải tiến	Theo đáp án và thang điểm thống nhất chung	1, 2,3	10
Điểm giữa học phần lâm sàng (ĐGHPLS)	0.2	Bài kiểm tra 30 phút 1-2 kỹ năng lâm sàng Báo cáo 1 bệnh án	- Báo cáo ca bệnh - Thực hiện kỹ năng - Vấn đáp	Theo đáp án và thang điểm thống nhất chung	1, 2, 3	10
Điểm kết thúc học phần lý thuyết (ĐKTHPLT)	0.7	Bài thi 60 phút bao gồm 60 câu (20 câu mức nhớ, 25 câu mức hiểu, 15 câu mức áp dụng).	Trắc nghiệm khách quan	Theo đáp án và thang điểm thống nhất chung	1, 2, 3	10
Điểm kết thúc học phần lâm sàng (ĐKTHPLS)	0.7	Bài thi 120 phút tại bệnh viện trên bệnh nhân thật.	- Làm BA - Báo cáo ca bệnh - Thực hiện kỹ năng - Vấn đáp	Theo đáp án và thang điểm thống nhất chung	1, 2, 3	10

Công thức tính điểm:

Điểm học phần lý thuyết = ĐCC x 0,1 + ĐGHPLT x 0,2+ ĐKTHPLT x 0,7

Điểm học phần lâm sàng = ĐCC x 0,1 + ĐGHPLS x 0,2+ ĐKTHPLS x 0,7

1. Lý thuyết: thi test MCQ 4 lựa chọn

2. Thực hành: Thao tác lâm sàng, vấn đáp, bệnh án

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Điểm kết thúc học phần lý thuyết (ĐKTHPLT)	1	Bài thi test gồm 60 tests 4 lựa chọn	Chấm điểm theo bazem	Theo đáp án và thang điểm thống nhất	1, 2, 3	10
Điểm kết thúc học phần lâm sàng (ĐKTHPLS)	1	Bài thi 120 phút tại bệnh viện trên bệnh nhân thật.	- Làm BA - Thực hiện kỹ năng lâm sàng - Vấn đáp	Theo đáp án và thang điểm thống nhất chung	1, 2, 3	10

Công thức tính điểm:

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập chủ yếu:

Trường Đại học Y dược Thái Bình (2007), “*Bài giảng Nhi khoa*”, Nhà xuất bản Y học

2. Tài liệu tham khảo:

1. Bệnh viện Nhi đồng 1 (2013). Phác đồ điều trị Nhi khoa. NXB Y học.
2. Bệnh viện Nhi đồng 2 (2013), Phác đồ điều trị Nhi khoa, NXB Y học
3. Bộ môn Nhi, Đại học Y Hà Nội (2009), “*Bài giảng Nhi khoa*”, tập 1, Nhà xuất bản Y học

4. Bộ môn Nhi, Đại học Y Hà Nội (2009), “Bài giảng Nhi khoa”, tập 2, Nhà xuất bản Y học.
5. Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà (2015), “Sách giáo khoa Nhi khoa”, Nhà xuất bản Y học Hà Nội
6. Trần Văn Quang, Đại học Y Hà Nội (2009) “Bài giảng nhi khoa phần tiêu hóa” , Nhà xuất bản Y học.
7. Nguyễn Công Khanh (2009), “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em ”. Nhà xuất bản Y học
8. Nguyễn Công Khanh (2008), “Huyết học lâm sàng Nhi khoa”.
9. Trần Văn Sáng (2002), “ Bệnh lao trẻ em”, Nhà xuất bản y học.
10. Nguyễn Công Khanh (2005), “Tiếp cận chẩn đoán Nhi khoa”. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
11. Trần Đình Long (2003), “ Bệnh lý học sơ sinh”. Nhà xuất bản y học.
12. Bộ môn Ngoại, Đại học Y Hà Nội, (2005), “ Cấp cứu Ngoại khoa nhi khoa”, Nhà xuất bản Y học.
13. Đặng Phương Kiệt (2010) "Hồi sức cấp cứu và gây mê trẻ em", tập 1. Nhà xuất bản Y học.
14. Nguyễn Văn Bằng (2006) "Hồi sức cấp cứu và gây mê trẻ em", tập 2. Nhà xuất bản Y học.
15. Nguyễn Thanh Liêm (2002), “ Phẫu thuật tiết niệu trẻ em”. Nhà xuất bản Y học
16. Nguyễn Khắc Viện (2008), “Tâm lí lâm sàng trẻ em Việt Nam”. Nhà xuất bản Y học
17. Lê Đức Hình, Nguyễn Chương (2001), “ Thần kinh học trẻ em”. Nhà xuất bản Y học
18. Bộ môn Nhi- Học viện Quân y (2002). “ Giáo trình giảng dạy đại học của học viện Quân y” Nhà xuất bản quân đội.
19. Trần Quy (2001) “Hen phế quản” Bài giảng Nhi khoa tập II, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, trang 308 - 321.
20. Bộ môn Nhi, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (2011), “ Thực hành lâm sàng chuyên khoa Nhi” nhà xuất bản Y học

21. Bộ y tế (2015), “ Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em”. Nhà xuất bản Hồng đức
22. Nguyễn Thị Liên (2006), “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh trẻ em”. NXB Y học.
23. Viện dinh dưỡng (2005), “Nuôi dưỡng và phòng bệnh ở trẻ dưới 5 tuổi”. Nhà xuất bản Y học.
24. Đoàn Minh Tuấn (2014), “Nhi khoa những điều cần biết”. Nhà xuất bản Thanh niên.
25. Phạm Ngọc Khải (1999), “ Dinh dưỡng sức khỏe trẻ em cộng đồng”. Nhà xuất bản Y học.

VII. Lịch học:

Theo lịch giảng dạy

- Học lý thuyết: Sinh viên sẽ học 7 buổi lý thuyết vào 3 tuần đầu tiên của khóa học. Sinh viên được hướng dẫn đọc bài trước các buổi học.
- Học lâm sàng: Sinh viên sẽ được học cách biện luận tình huống lâm sàng trên bệnh án và các ca lâm sàng cụ thể để hoàn thiện các kỹ năng lâm sàng như: kỹ năng hỏi bệnh, kỹ năng khám bệnh, một số các thủ thuật tại trung tâm đào tạo kỹ năng y khoa, tại phòng bệnh và tại các buổi trực.

VIII. Quy định đối với sinh viên

8.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Ban cán sự lớp liên hệ với Giáo vụ Bộ môn để nhận kế hoạch học tập và các quy định của bộ môn về học phần, hướng dẫn học tập sau đó phổ biến lại cho lớp.
- Sinh viên thực hiện nghiêm túc quy chế và quy định của Nhà trường, quy chế và quy định của Bệnh viện thực hành.
- Sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ tư trang cần thiết cho việc học thực hành (Tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, quần áo blouse, thẻ sinh viên).
- Sinh viên phải nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị nội dung cho mỗi buổi học theo hướng dẫn tự học trước khi dự lớp, hoàn thành các bài tập được giao.
- Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được Bộ môn xét giải quyết).

- Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, lâm sàng, các buổi trực tại bệnh viện được phân công.

8.2. Quy định về điều kiện dự thi

Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành, giờ học lý thuyết (theo quy chế của Nhà trường). Cụ thể, điều kiện để sinh viên được dự kiểm tra/thi kết thúc học phần khi: Tham dự trên 80% số tiết học lý thuyết, 100% số tiết học thực hành lâm sàng, có giấy xin phép nghỉ học và đã trực bù đầy đủ (nếu có).

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	06/2017	Phí Đức Long
2.	Lần 2	08/2019	Phí Đức Long
3.	Lần 3	08/2021	Phí Đức Long
4.	Dự kiến	2023	

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT ĐẠI HỌC

TRƯỞNG BỘ MÔN

PGS.TS. NGÔ THANH BÌNH

TS. PHÍ ĐỨC LONG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN/KHOA: PHỔI

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NĂM 2021**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Lao

Tên tiếng Anh: Tuberculosis

Mã học phần: 3130PHTHIS0P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I.Hành chính.

1.Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	1LT/ 1LS
Số tiết Lý thuyết:	16
Thảo luận :	
Số giờ tự học:	34
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	30
Thảo luận:	20
Số giờ tự học:	
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	
Giữa học phần:	0
Kết thúc học phần:	1LT/1LS

Học phần học trước:	Chẩn đoán hình ảnh, Vi-ký sinh trùng, Sinh hóa, Sinh lý, Giải phẫu, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh, Nội triệu chứng và bệnh học.
Học phần tiên quyết:	Không
Học phần song hành:	Không
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Phổi

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Lao là một trong những môn y học lâm sàng cơ bản trong chương trình đào tạo bác sỹ đa khoa. Học phần lý thuyết sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và phòng những thể bệnh lao thường gặp. Học phần lâm sàng cung cấp cho sinh viên các kỹ năng khai thác bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ quan trọng, thăm khám phát hiện triệu chứng thực thể, từ đó đề xuất chỉ định cận lâm sàng phù hợp nhằm đưa ra chẩn đoán xác định cho người bệnh và đề xuất kế hoạch điều trị, theo dõi. Hướng dẫn và tư vấn người bệnh cùng người nhà biết cách phòng bệnh cho gia đình và cộng đồng.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Nguyễn Thị Hạnh	Thạc sỹ	0961738666	hanhnt7878@gmail.com	Phụ trách
2.	Bùi Thị Hân	Thạc sỹ	0945321118	buihanytb@gmail.com	Giáo vụ
3.	Bùi Khắc Hiệp	Thạc sỹ	0983614787	hiepydtb@gmail.com	
4.	Phạm Thị Thắm	Thạc sỹ	0968393187	thamkhanh2012@gmail.com	
5.	Đào Thị Lợi	Tiến sĩ	0965693776	daoloitb@gmail.com	

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Vận dụng được các kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị bệnh lao trong khám, phát hiện, điều trị, quản lý một trường hợp bệnh nhân lao cụ thể	PEO 1, 2,
2.	Thực hiện kỹ năng khai thác bệnh sử, tiền sử và yếu tố dịch tễ quan trọng liên quan đến các chẩn đoán tiềm năng và ra quyết định cận lâm sàng trong từng bệnh cảnh bệnh lao cụ thể; Thực hiện kỹ năng thăm khám hô hấp, thực thể các cơ quan để phát hiện được các triệu chứng lâm sàng và hội chứng cơ bản trong bệnh lao.	PEO 2
3.	Thực hiện được một số thủ thuật, phối hợp xử trí một số bệnh lao thường gặp; Tham gia quản lý, theo dõi người bệnh, phát hiện sớm những tai biến, tác dụng phụ của thuốc lao.	PEO 2, 4
4.	Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục việc dự phòng lây nhiễm lao trong gia đình, cộng đồng người bệnh.	PEO 2,4
5.	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và phối hợp được với các bên liên quan trong các hoạt động thực hành tại khoa, phòng bệnh viện; Có khả năng bảo vệ được quan điểm cá nhân trong lập luận chẩn đoán và xử trí một trường hợp bệnh lao cụ thể.	PEO 3,4,5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	- Vận dụng được các kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng trong khám, phát hiện một trường hợp bệnh nhân lao cụ thể. - Lập được kế hoạch theo dõi trường hợp bệnh lao thường gặp. - Đề xuất được các biện pháp phòng bệnh lao cho phù hợp với từng trường hợp cụ thể.	H: PLO 1, 6, 8, 11, 12, 13, 14
2.	- Khai thác tiền sử, bệnh sử của người bệnh chính xác, đầy đủ, rõ ràng; khám, chẩn đoán, chỉ định cận lâm sàng và thăm dò chức năng phù hợp; tiên lượng, tham gia điều trị được các thể bệnh lao thường gặp. - Chẩn đoán được một số trường hợp cấp cứu thường gặp trong thực hành bệnh lao và đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp. Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm. - Thực hiện được một số thủ thuật trong thực hành bệnh lao. - Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử, tạo sự yên tâm, hợp tác trước, trong quá trình thăm khám và điều trị. - Giao tiếp với người bệnh và gia đình có hiệu quả trên cơ sở đồng cảm, có sự xem xét các yếu tố văn hóa tín ngưỡng và mức độ hiểu biết về y tế của người bệnh, đảm bảo an toàn người bệnh, lấy người bệnh làm trung tâm. - Thực hiện giao tiếp và cộng tác hợp lý với lãnh đạo, đồng nghiệp trong việc điều trị, chăm sóc người bệnh.	H: PLO 1, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14

3.	- Tuân thủ đúng các quy định Khoa, phòng bệnh viện và chịu trách nhiệm cá nhân về những hành vi, ứng xử và hoạt động thực hành. - Chủ động, tích cực học tập để hoàn thiện các kỹ năng chuyên ngành nhằm nâng cao năng lực tự định hướng, đưa ra kết luận, xử trí chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân trong thực hành bệnh lao. - Ứng xử theo đạo đức nghề nghiệp trong việc đảm bảo công bằng, trung thực, tôn trọng, cảm thông, chia sẻ với người bệnh và gia đình. - Phối hợp, ứng xử chuyên nghiệp với bạn bè, đồng nghiệp và cộng đồng để triển khai các hoạt động thực hành.	H: PLO 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14
----	---	---------------------------------

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1 : Đặc điểm tình hình bệnh lao và chương trình chống lao quốc gia. 1. Đặc điểm tình hình bệnh lao 1.1. Đại cương 1.2. Vi khuẩn lao 1.3. Đặc điểm bệnh lao 1.4. Tình hình dịch tễ bệnh lao hiện nay 2. Chương trình chống lao quốc gia	2	1. Phân tích được các đặc điểm của bệnh lao. 2. Trình bày được mục tiêu cơ bản, đường lối chiến lược của Chương trình chống lao quốc gia (CTCLQG)	1

	2.1. Chiến lược phòng chống lao toàn cầu 2.2. Chương trình phòng chống lao Việt Nam			
2	Bài 2 : chẩn đoán lao phổi I. Tầm quan trọng của bệnh lao phổi trong bệnh học lao. II. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh. III. Giải phẫu bệnh IV. Triệu chứng lâm sàng của lao phổi. V. Triệu chứng cận lâm sàng VI. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt VII. Tiến triển và biến chứng của bệnh lao phổi VIII. Điều trị IX. Phòng bệnh	4	1. Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, giải phẫu bệnh của lao phổi 2. Phân tích các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của lao phổi. 3. Vận dụng các đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của các bệnh lao phổi trong chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt. 4. Trình bày các phương pháp điều trị và phòng bệnh lao phổi.	1,2
3	Bài 3. Phát hiện và chẩn đoán ngoài phổi 1. Nguyên lý tiếp cận 2. Triệu chứng lâm sàng (lao màng phổi, lao màng não, hạch) 3. Triệu chứng cận lâm sàng (lao màng phổi, lao màng não, lao hạch)	4	1. Trình bày được nguyên lý tiếp cận lao ngoài phổi 2. Trình bày triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán xác định một số lao ngoài phổi thường gặp (Lao màng phổi, lao màng não, lao hạch)	1,2

	4. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 6. Phòng bệnh		phổi, lao màng não, lao hạch). 3. Trình bày các tiêu chuẩn chẩn đoán lao ngoài phổi một số thể thường gặp lao màng phổi, lao màng não, lao hạch) 4. Trình bày được các nguyên tắc đồ điều trị một số thể lao ngoài phổi thường gặp.	
4	Bài 4. Điều trị bệnh lao 1. Đại cương 2. Nguyên tắc điều trị lao 3. Các thuốc điều trị lao 4. Các phác đồ điều trị lao 5. Điều trị các trường hợp đặc biệt 6. Quản lý điều trị bệnh nhân lao	4	1. Trình bày các nguyên tắc điều trị bệnh lao. 2. Trình bày được các công thức và chỉ định của từng công thức điều trị bệnh lao theo Chương trình chống lao quốc gia 3. Trình bày các phương pháp xử trí ban đầu một số tác dụng không mong muốn của các thuốc chống lao.	1,2,3
5	Bài 5. Dự phòng bệnh lao 1. Đại cương 2. Phòng chống lây nhiễm 3. Vaccin BCG 4. Phát hiện và điều trị lao tiềm ẩn 5. Các biện pháp phòng bệnh lao khác	2	1. Trình bày các biện pháp giảm nguy cơ lây nhiễm lao 2. Trình bày các phương pháp xác định lao tiềm ẩn và phân biệt lao tiềm ẩn với lao hoạt động. 3. Trình bày được các phác đồ điều trị lao tiềm ẩn	1,2,3

2. Lâm sàng (mỗi lớp chia làm 3-4 nhóm tùy theo số lượng sv cụ thể)

ST T	Tên bài	Số tiết/ nhóm	Mục tiêu học tập	CĐR
1	Bài 1: Hướng dẫn đọc x quang lao phổi 1. Tiêu chuẩn chất lượng phim x quang ngực thẳng 2. Các bước đọc phim 3. Các thể lao phổi trên phim x quang 4. Thực hành đọc phim	4	- Phân tích được các tiêu chuẩn của một phim x-quang ngực thẳng đạt chất lượng. - Thực hiện được các bước nhận định tổn thương nghi lao trên phim ngực thẳng. - Phân biệt được các thể x- quang lao phổi trên phim chụp thẳng.	1
2	Bài 2: Tiếp cận chẩn đoán và điều trị người bệnh lao phổi 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng	4	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố nguy cơ và triệu chứng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng của người bệnh lao phổi. - Chẩn đoán được người bệnh lao phổi và đưa ra kế hoạch điều trị, theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn	1,2,3

	9. Phòng bệnh		biện pháp phòng bệnh cho bệnh nhân và người xung quanh	
3	Bài 3: Tiếp cận chẩn đoán và điều trị người bệnh lao ngoài phổi 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh	4	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố nguy cơ và triệu chứng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng của người mắc 1 thể lao ngoài phổi. - Chẩn đoán được người bệnh lao ngoài phổi và đưa ra kế hoạch điều trị, theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn biện pháp phòng bệnh.	1,2,3
4	Bài 4: Hướng dẫn chọc hút dịch màng phổi 1. Chỉ định 2. Các bước thực hiện chọc hút dịch màng phổi 3. Phân tích kết quả xét nghiệm dịch màng phổi 4. Tai biến, biến chứng và cách xử trí	2	- Nêu được ý nghĩa của kỹ thuật chọc hút dịch màng phổi. - Kiến tập hoặc thực hiện được một trường hợp chọc hút dịch màng phổi. - Phân tích được ý nghĩa của các kết quả xét nghiệm dịch màng phổi. - Nhận biết được các tai biến của kỹ thuật chọc	1,2

			hút dịch màng phổi và cách xử trí	
5	Bài 5: Hướng dẫn làm thủ thuật dẫn lưu khí màng phổi 1. Chỉ định 2. Các bước thực hiện dẫn lưu màng phổi 3. Tai biến, biến chứng và cách xử trí	2	- Nêu được ý nghĩa của kỹ thuật dẫn lưu khí màng phổi. - Kiến tập hoặc thực hiện được một trường hợp dẫn lưu khí màng phổi. - Nhận biết được các tai biến của kỹ thuật dẫn lưu khí màng phổi và cách xử trí	1,2
6	Bài 6: Xử trí cấp cứu ho ra máu 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Chẩn đoán mức độ 4. Nguyên tắc xử trí 5. Các thuốc điều trị ho ra máu	2	- Chẩn đoán xác định ho ra máu và phân loại mức độ ho ra máu. - Trình bày được nguyên tắc xử trí ho ra máu. - Nêu được các nhóm thuốc sử dụng trong xử trí ho ra máu. - Dự phòng ho ra máu	1,2,3
7	Bài 7: hướng dẫn điều trị và phòng bệnh lao 1. Tư vấn điều trị và theo dõi trong quá trình điều trị lao 2. Tư vấn phòng bệnh cho bản thân bệnh nhân và cộng đồng.	2	- Thực hiện tư vấn điều trị và các vấn đề cần theo dõi trong quá trình điều trị một trường hợp bệnh lao. - Thực hiện tư vấn cho bệnh nhân lao (đặc biệt là bệnh nhân lao phổi) các biện pháp phòng lây nhiễm cho cộng đồng.	1,2,3

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm

2. Lâm sàng:

- Thảo luận nhóm
- Dạy và học tại buồng bệnh, giao ban, bình bệnh án
- Hướng dẫn đọc phim x quang ngực

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Phấn, bảng, projector, máy tính, clicker

2. Lâm sàng:

- Trên người bệnh
- Phim x quang ngực

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%	Mặc định điểm chuyên cần cho mỗi sinh viên là 10	Trừ dần điểm theo mỗi lần vi phạm	Ý thức học tập của mỗi sinh viên	1,2,3	10
Điểm thực hành (Điểm)	50%	Làm bệnh án	Thi vấn đáp hoặc	Kết quả từ câu	1,2,3	10

lâm sàng (ĐTH)		người bệnh tại bệnh viện Phổi hoặc phân tích case lâm sàng	thi tại buồng bệnh	trả lời của sinh viên		
Điểm lý thuyết (ĐLT)	40%	Thi trắc nghiệm khách quan	Thi test	Kết quả bài thi trên phần mềm thi trắc nghiệm khách quan	1,2,3	10

Công thức tính điểm: ĐHP= ĐCC x 0,1 + ĐTH x 0,5 + ĐLT x 0,4

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0.5 điểm/ 2 tiết
Nghỉ học không phép	0.5 điểm/ 1 tiết
Đi muộn 15 phút	0,5 điểm/ lần
Đi muộn 30 phút	0.5 điểm/ 1 tiết

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định

Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Kém	Trung bình yếu	Trung bình	Khá	Giỏi

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

Tài liệu học tập:

Tài liệu phát tay của Bộ môn.

Tài liệu tham khảo

(Sách giáo trình đã được xuất bản, có tại thư viện hoặc trên internet sinh viên truy cập được)

1. Hoàng Minh (2000), *Cấp cứu ho ra máu, tràn khí màng phổi, tràn dịch màng phổi*, NXB Y học.
2. Trần Văn Sáng (2002), *Bệnh lao trẻ em*, NXB Y học.
3. Trần Văn Sáng (2007), *Bệnh học lao*, Nhà xuất bản Y học
4. Bộ môn Nội hô hấp, Học viện Quân y (2012), *Bệnh hô hấp*, NXBQĐND.
5. Bộ môn Lao - trường Đại học Y Hà Nội (2014), *Bệnh học Lao*, NXB Y học .
6. Bộ Y tế (2020), *Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh lao*, NXB Y học.
7. Nguyễn Văn Thành (2021), *Thực hành x-quang ngực*, NXB Y học.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

1. Ts. Đào Thị Lợi
 - Tiếp cận bệnh nhân lao phổi
2. Bs. Phạm Thị Thắm
 - Tiếp cận bệnh nhân lao màng phổi
3. Ths Bùi Thị Hân:
 - Tiếp cận bệnh lao trẻ em
4. Ths Bùi Khắc Hiệp
 - Tiếp cận bệnh nhân lao hạch bạch huyết ngoại vi
5. Ths Nguyễn Thị Hạnh:

- Tiếp cận thực hành xử trí tốt điều trị và phòng bệnh lao tại cộng đồng

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lý thuyết trên lớp (20% nghỉ phải có lý do) và 100 % số buổi học lâm sàng.
- Đi học đúng và đủ giờ, tham gia tích cực và đầy đủ buổi học lâm sàng hoặc lý thuyết, có ý thức xây dựng bài, chăm chú nghe giảng
- Khi đi lâm sàng tại Bệnh viện Phổi: có mặt tại buồng bệnh đúng giờ, quan sát và thực hành theo sự chỉ dẫn và phân công của bác sỹ phụ trách buồng bệnh và thầy cô bộ môn.

2. Quy định điều kiện dự thi:

*** Dự thi lâm sàng:**

- Sinh viên phải tham gia 100% buổi học lâm sàng
- Điểm chuyên cần $\geq 5,0$ điểm

*** Dự thi lý thuyết:**

- Sinh viên phải tham gia ít nhất 80% số buổi lý thuyết (20% nghỉ phải có lý do)
- Điểm lâm sàng $\geq 4,0$ điểm

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	11/2019	Ths Nguyễn Thị Hạnh
2.	Lần 2	11/2021	Ths Nguyễn Thị Hạnh
3.	Dự kiến	Năm 2023	Ths Nguyễn Thị Hạnh

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

THÁI BÌNH

BỘ MÔN/KHOA: DA LIỄU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****NĂM 2021**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Da liễu

Tên tiếng Anh: Dermatology

Mã học phần: 3130DERMAT0T, 3130DERMAT0P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720201

II. Hành chính.**9. Thông tin chung:**

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	02 (1 LT; 1 LS)
Số tiết Lý thuyết:	16
Thảo luận :	0
Số giờ tự học:	34
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	36
Thảo luận:	0
Số giờ tự học:	14
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	02
Giữa học phần:	0

Kết thúc học phần:	02
Học phần học trước:	Nội khoa, ngoại khoa
Học phần tiên quyết:	Không
Học phần song hành:	Không
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Da liễu

10. Mô tả chung về học phần:

Học phần Da liễu là một trong các môn y học lâm sàng khối chuyên khoa trong chương trình đào tạo bác sỹ Y học dự phòng. Học phần Da liễu sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về căn nguyên, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và điều trị một số bệnh ngoài da thường gặp, bệnh lây truyền qua đường tình dục và bệnh phong. Từ đó, sinh viên có kiến thức cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp để xác định đề xuất, tham gia tổ chức, giải quyết các vấn đề cơ bản của sức khỏe cộng đồng; có khả năng nghiên cứu khoa học; tự học nâng cao trình độ; bì mục tiêu chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, phòng bệnh cho nhân dân.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email
1	Nguyễn Thị Kim Dung	Thạc sĩ	0982.457.922	dunghungdl79@gmail.com
2	Nguyễn Thị Thương Hoài	Thạc sĩ	0949.709.656	hoaidlytb@gmail.com
3	Nguyễn Thị Tài Linh	Bác sĩ	0906.053.336	tailinhnd@gmail.com
4	Nguyễn Thu Nga	Bác sĩ	0981.609.866	nguyenthungaytb@gmail.com

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Có kiến thức cơ bản về căn nguyên bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và điều trị của một số bệnh da liễu thường gặp.	PEO 1

	- Tham gia giám sát, phát hiện sớm các bệnh dịch phổ biến và phòng chống dịch	PLO 7
3.	Mức tự chủ và trách nhiệm - Tuân thủ đúng các quy định của ngành, pháp luật Nhà nước và chịu trách nhiệm cá nhân về những hành vi, ứng xử, hoạt động nghề nghiệp - Chủ động, tích cực học tập để hoàn thiện kỹ năng học tập suốt đời - Đảm bảo công bằng, trung thực, tôn trọng, cảm thông, chia sẻ với người bệnh, gia đình và cộng đồng - Phối hợp, ứng xử, chuyên nghiệp với đồng nghiệp và cộng đồng - Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân	PLO 10 PLO 11 PLO 12 PLO 13 PLO 14

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

ST T	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Bài 1 : Tổn thương cơ bản 1. Khái niệm 2. Phân loại tổn thương theo hình thái 3. Phân loại tổn thương theo tiến triển	0.5	1. Mô tả được các loại tổn thương cơ bản trong bệnh da liễu 2. Trình bày được cơ chế hình thành của từng loại tổn thương cơ bản	PLO 1

			3. Liệt kê được tổn thương cơ bản trong các bệnh da liễu.	
2	Bài 2 : Điều trị tại chỗ 1. Điều trị tại chỗ bằng thuốc bôi 2. Vật lý trị liệu trong các bệnh da liễu	0.5	1. Trình bày được nguyên tắc sử dụng thuốc bôi ngoài da 2. Trình bày được dạng thuốc và tác dụng của một số thuốc bôi ngoài da thông thường. 3. Liệt kê được các phương pháp điều trị tại chỗ trong bệnh da liễu	PLO 1
3	Bài 3 : Bệnh Chàm 1. Đại cương 2. Căn nguyên và sinh bệnh học 3. Lâm sàng 4. Tiến triển, biến chứng 5. Mô bệnh học 6. Các thể lâm sàng 7. Chẩn đoán 8. Điều trị và phòng bệnh	1	1. Trình bày được căn nguyên và sinh bệnh học của bệnh chàm 2. Phân tích được triệu chứng lâm sàng của bệnh chàm 3. Phân biệt được các thể lâm sàng của bệnh chàm 4. Biện luận chẩn đoán và điều trị bệnh chàm	PLO 1, 2, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14

4	Bài 4 : Nhiễm độc da dị ứng thuốc 1. Dịch tễ 2. Căn nguyên bệnh sinh 3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng 4. Các thể lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Tiến triển 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	1	1. Phân tích được triệu chứng lâm sàng dựa vào cơ chế bệnh sinh của nhiễm độc da dị ứng thuốc. 2. Trình bày được các thể lâm sàng của nhiễm độc da dị ứng thuốc. 3. Trình bày được chẩn đoán và nguyên tắc điều trị của nhiễm độc da dị ứng thuốc.	PLO 1, 2, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14
5	Bài 5 : Bệnh Trứng cá 1. Đại cương 2. Đặc điểm của nang lông 3. Căn nguyên và sinh bệnh học 4. Lâm sàng 5. Các thể lâm sàng khác 6. Tiến triển 7. Chẩn đoán 8. Điều trị 9. Phòng bệnh	1	1. Phân tích được căn nguyên và sinh bệnh học của trứng cá. 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và các thể lâm sàng bệnh trứng cá 3. Biện luận được chẩn đoán và điều trị bệnh trứng cá	PLO 1, 2, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14
6	Bài 6 : Bệnh Viêm da dầu 1. Đại cương 2. Căn nguyên và các yếu tố liên quan 3. Triệu chứng 4. Chẩn đoán 5. Tiến triển và biến chứng 6. Điều trị	0.5	1. Trình bày được căn nguyên, bệnh sinh của viêm da dầu. 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và tiến triển của viêm da dầu	PLO 1, 2, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14

	7. Phòng bệnh		3. Biện luận được chẩn đoán và điều trị bệnh viêm da dầu	
7	Bài 7 : Bệnh Chốc 1. Đại cương 2. Lâm sàng 3. Các thể lâm sàng 4. Tiến triển và biến chứng 5. Cận lâm sàng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	1	1. Trình bày được căn nguyên bệnh học của bệnh chốc 2. Phân tích được triệu chứng lâm sàng và biến chứng của bệnh chốc 3. Trình bày được chẩn đoán và điều trị bệnh chốc	PLO 1, 2, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14
8	Bài 8 : Bệnh Herpes 1. Đại cương 2. Dịch tễ, căn nguyên và lây truyền 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Cận lâm sàng 5. Tiến triển 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	0.5	1. Trình bày được dịch tễ, căn nguyên của bệnh Herpes 2. Phân tích được triệu chứng lâm sàng và tiến triển của bệnh Herpes 3. Trình bày được chẩn đoán và điều trị bệnh Herpes	PLO 1, 2, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14

9	Bài 9 : Bệnh Zona 1. Dịch tễ học 2. Căn nguyên bệnh sinh 3. Triệu chứng 4. Các thể lâm sàng 5. Tiến triển, biến chứng và di chứng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	1	1. Trình bày được căn nguyên bệnh học của bệnh zona 2. Phân tích được triệu chứng lâm sàng và biến chứng của bệnh zona 3. Trình bày được chẩn đoán và điều trị bệnh zona	PLO 1, 2, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14
10	Bài 10: Bệnh Thủy đậu 1. Đại cương 2. Yếu tố dịch tễ 3. Căn nguyên và sinh bệnh học 4. Lây truyền 5. Lâm sàng 6. Tiến triển và biến chứng 7. Cận lâm sàng 8. Chẩn đoán 9. Điều trị 10. Phòng bệnh	0.5	1. Trình bày được căn nguyên đường lây bệnh thủy đậu 2. Phân tích được triệu chứng lâm sàng và biến chứng bệnh thủy đậu 3. Biện luận được chẩn đoán và điều trị bệnh thủy đậu	PLO 1, 2, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14
11	Bài 11 : Bệnh Nấm ngoài da 1. Dịch tễ 2. Căn nguyên và sinh bệnh học 3. Cận lâm sàng 4. Lâm sàng một số bệnh nấm ngoài da thường gặp	1	1. Trình bày được căn nguyên và sinh bệnh học của bệnh nấm ngoài da 2. Phân tích được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nấm ngoài da 3. Biện luận được chẩn	PLO 1, 2, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14

	5. Tiến triển, biến chứng 6. Điều trị và phòng bệnh		đoán và điều trị bệnh nấm ngoài da	
12	Bài 12 : Bệnh Vảy nến 1. Đại cương 2. Căn nguyên và sinh bệnh học 3. Lâm sàng 4. Tiến triển, biến chứng 5. Mô bệnh học 6. Chẩn đoán 7. Điều trị và phòng bệnh	1	1. Giải thích được cơ chế bệnh sinh của bệnh vảy nến 2. Phân tích được triệu chứng lâm sàng của bệnh vảy nến 3. Phân biệt được các thể lâm sàng của bệnh vảy nến 4. Biện luận được chẩn đoán và điều trị bệnh vảy nến	PLO 1, 2, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14
13	Bài 13 : Bệnh Ghẻ 1. Đại cương 2. Căn nguyên và cách lây truyền 3. Triệu chứng 4. Tiến triển và biến chứng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	0.5	1. Trình bày được nguyên nhân, cách lây truyền của bệnh ghẻ 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và biến chứng của bệnh ghẻ 3. Biện luận được chẩn đoán và điều trị bệnh ghẻ	PLO 1, 2, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14

14	Bài 14 : Bệnh Giang mai 1. Đại cương 2. Căn nguyên và cách lây truyền 3. Các giai đoạn bệnh 4. Triệu chứng lâm sàng 5. Cận lâm sàng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	1	1. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng của bệnh giang mai. 2. Nhận định được các xét nghiệm chẩn đoán giang mai 3. Chẩn đoán được giang mai mắc phải và giang mai bẩm sinh 4. Nêu phác đồ điều trị và phòng bệnh giang mai	PLO 1, 2, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14
15	Bài 15 : Bệnh Lậu 1. Đại cương 2. Căn nguyên và lây truyền 3. Đặc điểm giải phẫu bộ phận sinh dục nam, nữ 4. Triệu chứng lâm sàng 5. Biến chứng 6. Xét nghiệm 7. Chẩn đoán 8. Điều trị 9. Phòng bệnh	1	1. Trình bày được căn nguyên và đường lây truyền bệnh lậu 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và biến chứng bệnh lậu 3. Biện luận được chẩn đoán và điều trị bệnh lậu	PLO 1, 2, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14
16	Bài 16: Viêm da tiếp xúc 1. Khái niệm 2. Căn nguyên bệnh sinh 3. Đặc điểm lâm sàng 4. Cận lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị và phòng bệnh	1	1. Phân tích căn nguyên bệnh sinh bệnh viêm da tiếp xúc 2. Trình bày được đặc điểm lâm sàng, chẩn đoán và điều trị viêm da tiếp xúc	PLO 1, 2, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14

			3. Phân biệt được viêm da tiếp xúc kích ứng và viêm da tiếp xúc dị ứng	
17	Bài 17 : Sẩn ngứa 1. Đại cương 2. Căn sinh bệnh học 3. Triệu chứng 4. Phân loại 5. Mô bệnh học 6. Tiến triển và biến chứng 7. Chẩn đoán 8. Điều trị 9. Phòng bệnh	1	1. Trình bày được căn nguyên bệnh sinh của bệnh sẩn ngứa 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và phân loại bệnh sẩn ngứa 3. Biện luận được chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh sẩn ngứa	PLO 1, 2, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14
18	Bài 18 : Bệnh mày đay 1. Đại cương 2. Cơ chế bệnh sinh 3. Phân loại 4. Triệu chứng lâm sàng 5. Cận lâm sàng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	1	1. Giải thích được cơ chế bệnh sinh và phân loại bệnh mày đay 2. Phân tích được triệu chứng lâm sàng và điều trị bệnh mày đay	PLO 1, 2, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14

19	Bài 19: Bệnh Phong 1. Dịch tễ 2. Căn nguyên 3. Cách lây truyền 4. Triệu chứng lâm sàng 5. Cận lâm sàng 6. Phân loại 7. Đặc điểm của các thể phong 8. Chẩn đoán 9. Điều trị 10. Phòng bệnh	1	1. Trình bày được dịch tễ, căn nguyên và cách lây truyền bệnh phong 2. Phân tích được phân loại bệnh phong theo Madrid 3. Trình bày được chẩn đoán, mục tiêu điều trị và biện pháp phòng bệnh phong	PLO 1, 5, 6, 10, 11, 12, 13,14
----	---	---	---	--

2. Lâm sàng

ST T	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài 1: Phương pháp khám bệnh da liễu 1. Nguyên tắc khám da liễu 2. Các bước tiến hành khám da liễu - Hỏi bệnh - Khám bệnh - Xét nghiệm	1	1. Trình bày được nguyên tắc khám bệnh da liễu. 2. Áp dụng được cách hỏi bệnh và khám bệnh nhân da liễu trên lâm sàng.	PLO 1, 10, 11, 12, 13, 14
2	Bài 2: Khám phát hiện, xác định và mô tả tổn thương cơ bản 1. Tìm và xác định tổn thương cơ bản. 2. Phân tích tính chất của tổn thương cơ bản. 3. Mô tả tổn thương cơ bản	1	1. Phát hiện, xác định và mô tả được các tổn thương cơ bản. 2. Phân biệt được tổn thương tiên phát và thứ phát.	PLO 1, 10, 11, 12, 13, 14

Bài 3: Điều trị tại chỗ bằng thuốc bôi 1. Nguyên tắc sử dụng thuốc bôi 2. Cơ chế của thuốc bôi 3. Các dạng thuốc bôi	1	1. Phân tích được nguyên tắc sử dụng thuốc bôi. 2. Áp dụng được sử dụng thuốc trên lâm sàng.	PLO 1, 10, 11, 12, 13, 14
Bài 4: Khám, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân có mụn nước trên da 1. Khám phát hiện, xác định và mô tả tổn thương cơ bản 2. Phát hiện, xác định và mô tả tổn thương mụn nước tiên phát. 3. Định hướng nguyên nhân 4. Thu thập thêm thông tin 5. Biện luận chẩn đoán	8	1. Phát hiện, xác định và mô tả được tổn thương mụn nước tiên phát. 2. Định hướng được các nguyên nhân gây mụn nước. 3. Biện luận chẩn đoán và điều trị được một số bệnh da có mụn nước thường gặp.	PLO 1, 2, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14
Bài 5: Khám, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân có bóng nước trên da 1. Khám và mô tả tổn thương bóng nước và các tổn thương khác kèm theo 2. Làm một số khám nghiệm trên tổn thương (Nicolsky) 3. Định hướng chẩn đoán và điều trị.	4	1. Nhận định được tổn thương bóng nước. 2. Phân biệt được tổn thương bóng nước trong một số bệnh lý thường gặp: Chốc, viêm da tiếp xúc cấp tính, dị ứng thuốc thể bóng nước, pemphigus, viêm da dạng herpes của Duhning-Brocq. 3. Chẩn đoán được một số bệnh có tổn thương bóng nước thường gặp như: chốc, viêm da tiếp xúc cấp	PLO 1, 2, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14

			tính, dị ứng thuốc thể bệnh nước. 4. Định hướng được điều trị trên một số bệnh nhân bị bệnh da bệnh nước thường gặp: chốc, viêm da tiếp xúc cấp tính, dị ứng thuốc thể bệnh nước.	
	Bài 6: Khám, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân dát đỏ có vảy trên da 1. Khám phát hiện tổn thương dát đỏ, vảy da và các tổn thương khác kèm theo 2. Mô tả đặc điểm của từng tổn thương dát đỏ có vảy trên từng bệnh cụ thể 3. Làm một số khám nghiệm trên tổn thương 4. Định hướng chẩn đoán và điều trị	8	1. Khám và phát hiện được tổn thương dát đỏ, vảy da. 2. Phân biệt được tổn thương dát đỏ có vảy trong một số bệnh lý thường gặp: vảy nến, viêm da dầu, vảy phấn hồng Gibert, đỏ da toàn thân. 3. Chẩn đoán được một số bệnh dát đỏ có vảy thường gặp: vảy nến, viêm da dầu, vảy phấn hồng Gibert, đỏ da toàn thân. 4. Định hướng được điều trị trên bệnh nhân dát đỏ có vảy thường gặp: vảy nến, viêm da dầu, vảy phấn	PLO 1, 2, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14

			hồng Gibert, đỏ da toàn thân.	
	Bài 7: Khám, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân có sẩn trên da 1. Khám phát hiện tổn thương sẩn và các tổn thương khác kèm theo 2. Mô tả đặc điểm của từng tổn thương sẩn trên từng bệnh cụ thể 3. Định hướng chẩn đoán và điều trị	4	1. Khám và phát hiện được tổn thương sẩn 2. Phân biệt được tổn thương sẩn trong một số bệnh lý thường gặp 3. Chẩn đoán được một số bệnh sẩn thường gặp: sẩn ngứa, mề đay, trứng cá 4. Định hướng được điều trị trên bệnh nhân có sẩn thường gặp: sẩn ngứa, mề đay, trứng cá	PLO 1, 2, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Học tại giảng đường
 - Thuyết trình
 - Thảo luận nhóm
2. Lâm sàng: Học Tại Khoa Da liễu – Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình
 - Giao ban
 - Bình bệnh án
 - Dạy và học tại buồng bệnh
 - Case lâm sàng

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:
 - Máy tính

- Máy chiếu Projector

- Phấn bảng

2. Lâm sàng:

- Trên người bệnh

- Phân tích các case lâm sàng

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%	Mặc định điểm chuyên cần cho mỗi sinh viên là 10	Trừ dần điểm theo mỗi lần vi phạm	Ý thức học tập của mỗi sinh viên	PLO 10, 11, 12, 13, 14	10
Điểm thực hành (ĐTH)	50%	Làm bệnh án người bệnh tại khoa da liễu hoặc phân tích ca lâm sàng	Thi vấn đáp hoặc thi tại buổi bệnh	Kết quả từ câu trả lời của sinh viên	PLO 1, 2, 5, 6, 7	10

Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	40%	Bài kiểm tra trắc nghiệm 45 phút, tổ hợp từ ngân hàng đề	Trắc nghiệm	Theo đáp án	PLO 1, 2, 5, 6, 7	10
--------------------------------	-----	--	-------------	-------------	-------------------	----

Công thức tính điểm: ĐHP= ĐCC x 0,1 + ĐTH x 0,5 + ĐLT x 0,4

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/2 tiết
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/1 tiết
Đi muộn (<15 phút)	0,5 điểm/1 lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Kém	Trung bình yếu	Trung bình	Khá	Giỏi

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập:

Vũ Đình Thám (2015), Giáo trình Da liễu, Nhà xuất bản Giáo dục.

2. Tài liệu tham khảo:

- + Nguyễn Thị Xuyên (2015), *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh Da liễu*, Nhà xuất bản Y học.
- + Trần Hậu Khang (2017), *Bệnh học da liễu tập 1*, Nhà xuất bản Y học.
- + Nguyễn Văn Thường (2017), *Bệnh học da liễu tập 2*, Nhà xuất bản Y học.

- + Nguyễn Văn Thường (2019), *Hình ảnh lâm sàng, chẩn đoán và điều trị trong chuyên ngành da liễu tập 1*, Nhà xuất bản Y học.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lý thuyết trên lớp (20% nghỉ phải có lý do) và 100 % số buổi học lâm sàng.
- Đi học đúng và đủ giờ, tham gia tích cực và đầy đủ buổi học lâm sàng hoặc lý thuyết, có ý thức xây dựng bài, chăm chú nghe giảng
- Khi đi lâm sàng tại khoa Da liễu bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình: có mặt tại buồng bệnh đúng giờ, quan sát và thực hành theo sự chỉ dẫn và phân công của bác sỹ phụ trách buồng bệnh và thầy cô bộ môn.

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Dự thi lâm sàng:
 - + Sinh viên phải tham gia 100% buổi học lâm sàng
 - + Điểm chuyên cần $\geq 5,0$ điểm
- Dự thi lý thuyết:
 - + Sinh viên phải tham gia ít nhất 80% số buổi lý thuyết (20% nghỉ phải có lý do)
 - + Điểm lâm sàng $\geq 4,0$ điểm

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	06/2021	Ths Nguyễn Thị Kim Dung
2.	Dự kiến	2023	Ths Nguyễn Thị Kim Dung

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÁI BÌNH Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN: Phục hồi chức năng

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NĂM 2021**

Tên học phần: **Phục hồi chức năng**

Tên tiếng Việt: **Phục hồi chức năng**

Tên tiếng Anh: Rehabilitation

Mã học phần: 3130REHABLOT, 3130REHABLOP

Ngành: **Bác sỹ Y học dự phòng**

Mã ngành: **7720110**

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên Y học dự phòng năm 5
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: 18 Thảo luận : 02 Số giờ tự học: 03 Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: 36 Thảo luận: 4 Số giờ tự học: 6	
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: 02 Kết thúc học phần: 02	

Học phần học trước:	Giải phẫu học, Chấn thương, Nội khoa
Học phần tiên quyết:	Giải phẫu học, Chấn thương
Học phần song hành:	Thần kinh, Y học cổ truyền
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Phục hồi chức năng

2. Mô tả chung về học phần:

2.1. Lý thuyết

Học phần Phục hồi chức năng là một trong các học phần y học lâm sàng thuộc khối chuyên khoa trong chương trình đào tạo Bác sỹ Y học dự phòng. Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về phòng ngừa tàn tật, trang bị các kiến thức giúp sinh viên chẩn đoán và phục hồi chức năng cho một số bệnh lý thuộc các chuyên khoa như chấn thương, nội khoa, thần kinh, nhi khoa...

2.2. Lâm sàng

- Thực hiện được một số phương pháp vật lý trị liệu cơ bản như: hồng ngoại, điện một chiều đều, điện xung, xoa bóp, vận động.
- Hỏi bệnh, phát hiện được các triệu chứng, chẩn đoán, điều trị phục hồi chức năng cho một số bệnh lý thuộc các chuyên khoa như chấn thương, nội khoa, thần kinh, nhi khoa....

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Bùi Thị Thao	Thạc sỹ	0904644299	thaopcn@tbmc.edu.vn	Phụ trách
2.	Phạm Thị Tinh	Tiến sỹ	0912141880	pham tinh ytb@yahoo.com	Tham gia
3.	Phạm Thị Duyên	Thạc sỹ	0987337663	duyenpt@tbump.edu.vn	Tham gia
4.	Trần Tuấn Minh	Bác sỹ	0369449868	Ttminhphcn@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Vận dụng được kiến thức cơ bản về phục hồi chức năng phát hiện một số dạng tàn tật.	PEO 2,4

2.	Trình bày được tác dụng chung của các phương pháp vật lý trị liệu, PHCN: Nhiệt, ánh sáng, điện, vận động, xoa bóp.	PEO 2,4
3.	Thực hiện được một số quy trình như điều trị bằng hồng ngoại, tử ngoại, điện và kỹ thuật như: thử cơ, đo tầm VĐ của khớp, xoa bóp	PEO 2,4
4.	Ứng dụng kiến thức của PHCN để phát hiện các thương tật thứ cấp thường gặp và điều trị PHCN cho một số bệnh lý thuộc các chuyên khoa như chấn thương, nội khoa, thần kinh, nhi khoa....	PEO 2,4

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT
1.	Kiến thức: 1. Vận dụng được kiến thức cơ bản về phục hồi chức năng để phát hiện và phòng một số dạng tàn tật, thương tật thứ cấp 2. Vận dụng được kiến thức vật lý trị liệu, PHCN: Nhiệt, ánh sáng, điện, vận động, xoa bóp trong việc điều trị một số bệnh lý thuộc các chuyên khoa như chấn thương chỉnh hình, nội khoa, thần kinh, nhi khoa...	PLO 1
2.	Kỹ năng 3. Thực hiện được một số quy trình điều trị: Nhiệt, điện, hồng ngoại, tử ngoại, vận động, xoa bóp. 4. Phát hiện và phòng ngừa được một số thương tật thứ cấp thường gặp. 5. Điều trị PHCN cho một số bệnh lý thuộc các chuyên khoa như chấn thương, nội khoa, thần kinh, nhi khoa....	PLO 6,7,8

3.	Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm 6. Trung thực khách quan, có tinh thần học tập vươn lên 7. Tôn trọng, chân thành hợp tác với đồng nghiệp 8. Tự định hướng, đưa ra kết luận, xử lý chuyên môn và bảo vệ quan điểm của mình	PLO 10,11,12,13
----	---	-----------------

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu HT	CĐR HP
1	Bài 1: Quá trình tàn tật và các biện pháp phòng ngừa 1. Đại cương về tàn tật 2. Nguyên nhân tàn tật và các biện pháp phòng ngừa	2	1. Phân biệt được các mức độ trong quá trình tàn tật. 2. Phân tích được nguyên nhân tàn tật và các biện pháp phòng ngừa	PLO 1
2	Bài 2: Phục hồi chức năng 1. Đại cương về phục hồi chức năng 2. Các hình thức PHCN	1	1. Phân tích được các mục đích của phục hồi chức năng 2. So sánh được các hình thức phục hồi chức năng	PLO 1
3	Bài 3: Nhiệt trị liệu 1. Tác dụng, chỉ định, chống chỉ định của nhiệt nóng. 2. Tác dụng, chỉ định, chống chỉ định của nhiệt lạnh.	1	1. Phân tích được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định của nhiệt nóng. 2. Phân tích được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định của nhiệt lạnh.	PLO 1
4	Bài 4: Ánh sáng trị liệu	1	1. Phân tích được tác dụng, chỉ định chống chỉ định của tia hồng ngoại.	PLO 1

	1. Khái niệm, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định của tia hồng ngoại, tử ngoại. 2. Khái niệm, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định của tia tử ngoại.		2. Phân tích được tác dụng, chỉ định chống chỉ định của tia tử ngoại.	
5	Bài 5: Điện trị liệu 1. Khái niệm, tác dụng của dòng điện một chiều đều. 2. Chỉ định, chống chỉ định của dòng điện một chiều đều.	1	1. Phân tích được tác dụng của dòng điện một chiều đều. 2. Phân tích được chỉ định, chống chỉ định của dòng điện một chiều đều.	PLO 1
6	Bài 6: Vận động trị liệu 1. Đại cương về vận động trị liệu. 2. Phân loại, các hình thức cơ cơ. 3. Các hình thức vận động trị liệu.	2	1. Trình bày được mục đích của vận động trị liệu. 2. Trình bày được cách phân loại cơ – phân loại cơ cơ. 3. So sánh được các hình thức vận động trị liệu	PLO 1
7	Bài 7: Xoa bóp trị liệu 1. Đại cương về xoa bóp trị liệu. 2. Các kỹ thuật của xoa bóp. 3. Các chỉ định, chống chỉ định của xoa bóp.	1	1. Trình bày được tác dụng chung của xoa bóp. 2. Phân tích được chỉ định, chống chỉ định của xoa bóp.	PLO 1
8	Bài 8: Các thương tật thứ cấp thường gặp 1. Đại cương về các thương tật thứ cấp 2. Nguyên nhân và hậu quả, cách phòng và điều trị của các thương tật thứ cấp thường gặp	2	1. Trình bày khái niệm, nguyên nhân, hậu quả, phòng và điều trị 7 thương tật thứ cấp thường gặp: teo cơ, co rút cơ, loét đè ép, viêm phổi ứ đọng, loãng xương, viêm sỏi tiết niệu, táo bón.	PLO 1

9	Bài 9: Phục hồi chức năng sau gãy xương 1. Đại cương về gãy xương 2. Quá trình liền xương và các yếu tố ảnh hưởng 3. Mục đích và phương pháp PHCN sau gãy xương.	2	1. Phân tích được các di chứng thường gặp sau gãy xương và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình liền xương. 2. Phân tích được mục đích và các phương pháp phục hồi chức năng sau gãy xương	PLO 1
10	Bài 10: Phục hồi chức năng cho bệnh nhân liệt nửa người sau TBMMN 1. Đại cương về PHCN liệt nửa người 2. Các rối loạn thường gặp ở BN liệt nửa người. 3. Mục đích và phương pháp PHCN liệt nửa người.	1	1. Trình bày được mục đích và nguyên tắc của phục hồi chức năng cho bệnh nhân liệt nửa người 2. Giải thích được mẫu co cứng của bệnh nhân liệt nửa người.	PLO 1
11	Bài 11: PHCN bệnh khớp 1. Đại cương về bệnh khớp. 2. Các di chứng thường gặp do bệnh khớp 3. Mục đích và phương pháp PHCN bệnh khớp.	1	1. Trình bày được mục đích của phục hồi chức năng bệnh khớp. 2. Phân tích tác dụng của các phương pháp phục hồi chức năng bệnh khớp.	PLO 1
12	Bài 12: Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng 1. Khái niệm và mục đích của phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.	1	1. Trình bày được khái niệm và mục đích của phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng. 2. Phân tích được các ưu điểm của phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.	PLO 1

	2. Các nguyên lý cơ bản và các ưu điểm của phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng			
Tổng		16		

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu HT	CDR
1	Bài 1: Quy trình điều trị tia hồng ngoại 1. Nhắc lại tác dụng, CD, chống CD của tia hồng ngoại 2. Giới thiệu về đèn hồng ngoại và nguyên tắc điều trị 3. Quy trình điều trị	2	1. Trình bày được quy trình điều trị tia hồng ngoại. 2. Thực hiện được một quy trình chiếu tia hồng ngoại.	PLO 4,6,8
2	Bài 2: Quy trình điều trị bằng tia tử ngoại 1. Nhắc lại tác dụng, chỉ định, chống CD của tia tử ngoại 2. Giới thiệu về đèn tử ngoại và phương pháp đo liều sinh lý 3. Quy trình điều trị	2	1. Trình bày được quy trình điều trị tia tử ngoại. 2. Thực hiện được một quy trình chiếu tia tử ngoại.	PLO 4,6,8
3	Bài 3: Quy trình điều trị bằng dòng điện một chiều đều. 1. Nhắc lại tác dụng của dòng điện một chiều đều Galvanic 2. Giới thiệu về máy Galvanic 3. Quy trình điều trị	2	1. Trình bày được quy trình điều trị dòng điện một chiều đều. 2. Thực hiện được một quy trình điều trị dòng điện một chiều đều.	PLO 4,6,8
4	Bài 4: Quy trình điều trị bằng dòng điện xung. 1. Giới thiệu về máy điện xung 2. Quy trình điều trị	2	1. Trình bày được quy trình điều trị dòng điện xung.	PLO 4,6,8

			2. Thực hiện được một quy trình điều trị dòng điện xung	
5	Bài 5: Quy trình điều trị bằng Parafine. 1. Bản chất và tác dụng của parafine 2. Quy trình điều trị	2	1. Trình bày được quy trình điều trị bằng parafine 2. Thực hiện được một quy trình điều trị bằng parafine	PLO 4,6,8
6	Bài 6: Quy trình thử cơ bằng tay 1. Các nguyên tắc thử cơ bằng tay. 2. Phân loại lực cơ và các nguyên nhân gây yếu cơ 3. Quy trình thử cơ bằng tay.	2	1. Trình bày được các nguyên tắc và quy trình thử cơ bằng tay 2. Thực hiện được một quy trình thử cơ bằng tay.	PLO 4,6,8
7	Bài 7: Quy trình đo tầm VĐ khớp 1. Các nguyên tắc trong đo TVĐ khớp. 2. Phân loại các nguyên nhân gây hạn chế tầm vận động khớp 3. Quy trình đo tầm vận động khớp.	2	1. Trình bày được các nguyên tắc và quy trình đo tầm vận động khớp 2. Thực hiện được một quy trình đo tầm vận động khớp.	PLO 4,6,8
8	Bài 8: Thực hành xoa bóp trị liệu 1. Các nguyên tắc trong xoa bóp trị liệu 2. Quy trình xoa bóp trị liệu	2	1. Trình bày được các nguyên tắc và quy trình xoa bóp trị liệu. 2. Thực hiện được một quy trình xoa bóp trị liệu.	PLO 4,6,8

9	Bài 9: Thực hành vận động trị liệu 1. Các nguyên tắc trong tập theo tầm vận động của khớp 2. Quy trình tập theo tầm vận động khớp vai, khớp gối, khớp khuỷu	2	1. Trình bày được các nguyên tắc và quy trình vận động trị liệu. 2. Thực hiện được một quy trình vận động trị liệu.	PLO 4,6,8
	Tổng		18	

3. Lâm sàng

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu HT	CĐR
1	Bài 1: Phát hiện, phòng và ĐT các thương tật thứ cấp 1. Loét do đè ép. 2. Teo cơ 3. Co rút cơ. 4. Viêm phổi ứ đọng 5. Viêm, sỏi tiết niệu 6. Táo bón	2	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng 6 thương tật thứ cấp thường gặp. - Lập được kế hoạch điều trị, dự phòng 6 thương tật thứ cấp.	PLO 4,6,8, 13,14
2	Bài 2: Cách khám người tàn tật 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chỉ định cận lâm sàng 5. Chẩn đoán	2	Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, triệu chứng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng phù hợp.	PLO 4,6,8, 13,14
3	Bài 3: PHCN sau gãy xương 1. Các biến chứng sau gãy xương 2. Nguyên nhân gây nên các biến chứng	4	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện các biến chứng sau gãy xương. - Lập được kế hoạch phục hồi chức năng sau gãy xương.	PLO 4,6,8, 13,14

	3. Mục đích và phương pháp PHCN sau gãy xương			
4	Bài 4: PHCN cho BN liệt nửa người 1. Chẩn đoán liệt nửa người 2. Mục tiêu và phương pháp PHCN cho BN liệt nửa người.	4	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện các rối loạn ở bệnh nhân liệt nửa người. - Lập được kế hoạch phục hồi chức năng cho bệnh nhân liệt nửa người.	PLO 4,6,8, 13,14
5	Bài 5: PHCN cho bệnh nhân mắc bệnh khớp 1. Các thương tật thứ cấp. 2. Mục tiêu và phương pháp PHCN cho BN bệnh khớp.	2	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện thương tật thứ cấp ở bệnh nhân bệnh khớp. - Lập được kế hoạch phục hồi chức năng cho bệnh nhân mắc bệnh khớp.	PLO 4,6,8, 13,14
6	Bài 6: PHCN cho bệnh nhân đau lưng, đau thần kinh tọa 1. Nguyên nhân gây đau lưng, đau thần kinh tọa 2. Hội chứng cột sống và hội chứng rễ. 3. Mục đích và phương pháp PHCN cho bệnh nhân đau lưng, đau thần kinh tọa.	4	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện nguyên nhân gây đau lưng, đau thần kinh tọa. - Lập được kế hoạch phục hồi chức năng cho bệnh nhân đau lưng, đau thần kinh tọa.	PLO 4,6,8, 13,14
Tổng			18	

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình có hình ảnh minh họa.
- Đặt câu hỏi ngắn cho sinh viên trả lời.
- Thảo luận nhóm
- Sinh viên nghe, nhìn, ghi, trả lời

2. Thực hành:

- Làm mẫu
- Bảng kiểm
- Sinh viên nghe, nhìn, ghi, trả lời và thực hành

3. Lâm sàng:

- Nghiên cứu từng ca.
- Sinh viên nghe, nhìn, ghi, trả lời và thực hiện

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Tài liệu phát tay, máy chiếu Projector, bảng phấn, câu hỏi phát vấn.
2. Thực hành: Đèn hồng ngoại, tử ngoại. Máy điện một chiều, máy điện xung
3. Lâm sàng: Ca bệnh.

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần:

1. Lý thuyết

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0.1	-Mặc định điểm chuyên cần cho mỗi sinh viên là 10	Trừ dần điểm theo mỗi lần vi phạm	- Ý thức học tập của mỗi sinh viên	PLO 10	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0.2	Bài kiểm tra trắc nghiệm 15 phút	Trắc nghiệm	Theo đáp án	PLO 1	10
Điểm kết thúc học	0.7	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Trắc nghiệm	Theo đáp án	PLO 1	10

phần (ĐKTHP)		nghiệm 45 phút, tổ hợp từ ngân hàng đề				
-----------------	--	--	--	--	--	--

Công thức tính điểm: ĐHP= ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

2. Điểm lâm sàng

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%	Mặc định điểm chuyên cần cho mỗi sinh viên là 10	Trừ dần điểm theo mỗi lần vi phạm	Ý thức học tập của mỗi sinh viên	PLO 10	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	20%	Làm bệnh án người bệnh tại khoa phục hồi chức năng hoặc phân tích ca lâm sàng	Thi vấn đáp hoặc thi tại buồng bệnh	Kết quả từ câu trả lời của sinh viên	PLO 6, 8,13,14	10

Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	70%	Làm bệnh án người bệnh tại khoa phục hồi chức năng hoặc phân tích ca lâm sàng	Thi vấn đáp hoặc thi tại buồng bệnh	Kết quả từ câu trả lời của sinh viên	PLO 6, 8,13,14	10
--------------------------------	-----	---	-------------------------------------	--------------------------------------	----------------	----

Công thức tính điểm: ĐHP= ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0
Nghỉ học không phép	3
Đi muộn 15 phút	1
Đi muộn 30 phút = Nghỉ học không phép	3

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)

Nội dung câu hỏi	Không đạt	Đạt	Trung bình	Khá	Giỏi
------------------------	-----------	-----	------------	-----	------

VI. Tài liệu học tập

1. Tài liệu học tập

1. Nguyễn Xuân Nghiên, Cao Minh Châu, Trần Văn Chương, Vũ Thị Bích Hạnh, (2010), *Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng*, NXB Y học.
2. Bộ môn phục hồi chức năng Trường Đại học Y Hà Nội (2003), *Bài giảng Vật lý trị liệu phục hồi chức năng*, NXB Y học
3. Tài liệu học tập của bộ môn: Vật lý trị liệu- Phục hồi chức năng (Lưu hành nội bộ)

VII. Tài liệu tham khảo

1. Lê Quang Khanh (2010), *Các phương thức điều trị bằng vật lý*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2. Nguyễn Thị Thanh Bình, Lê Quang Khanh (2010), *Vận động trị liệu*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

VIII. Lịch học: Theo lịch giảng dạy/học tập với thứ tự nội dung như trên

IX. Quy định đối với sinh viên

9.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Ban cán sự lớp liên hệ với Giáo vụ Bộ môn để nhận kế hoạch học tập và các quy định của bộ môn về học phần, hướng dẫn học tập sau đó phổ biến lại cho lớp.
- Sinh viên thực hiện nghiêm túc quy chế và quy định của Nhà trường.
- Sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ tư trang cần thiết cho việc học thực hành (Tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, áo blouse, thẻ sinh viên).
- Sinh viên phải nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị nội dung cho mỗi buổi học theo hướng dẫn tự học trước khi dự lớp, hoàn thành các bài tập được giao.
- Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được Bộ môn xét giải quyết).

9.2. Quy định về điều kiện dự thi

Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành, giờ thảo luận, giờ học lý thuyết (theo quy chế của Nhà trường). Cụ thể, điều kiện để sinh viên được dự kiểm tra/thi kết thúc học

phần khi: Tham dự trên 80% số tiết học lý thuyết, 100% số tiết học thực hành, có giấy xin phép nghỉ học (nếu có), có điểm thực hành và kiểm tra giữa học phần đạt ≥ 4 điểm.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2019	Phạm Thị Tĩnh
2.	Lần 2	5/2021	Bùi Thị Thao
3.			
4.			
5.			

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN: Thần kinh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NĂM 2021**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Thần kinh học

Tên tiếng Anh: Neurology

Mã học phần: 3130NEUROL0P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	02 (01 LT, 01 LS)
Số tiết Lý thuyết:	16
Thảo luận :	
Số giờ tự học:	34
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	36
Thảo luận:	
Số giờ tự học:	14
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	
Giữa học phần:	0
Kết thúc học phần:	1 bài lý thuyết – 1 bài thực hành

Học phần học trước:	Sinh lý, Sinh lý bệnh, Hóa sinh
Học phần tiên quyết:	Giải phẫu định khu thần kinh
Học phần song hành:	Tâm thần
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Thần kinh

2. Mô tả chung về học phần:

Sinh viên cần áp dụng các kiến thức, kỹ năng đã học tiền lâm sàng thực hành y khoa và trong khi học tập tại các bộ môn lâm sàng trước đó vào công việc với mỗi bệnh nhân cụ thể, để xây dựng và tích lũy kinh nghiệm khám lâm sàng Thần kinh của bản thân, chú trọng tới việc xác định và khai thác các yếu tố bệnh sử quan trọng, liên quan đến các chẩn đoán tiềm năng và ra quyết định lâm sàng đối với bệnh nhân chuyên khoa thần kinh.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Dương Huy Hoàng	PGS.TS.	0912675919	hoangdh@tbmc.edu.vn	Phụ trách
2.	Trần Thị Hải Yến	Ths.		tranhaiyenneurotb@gmail.com	Tham gia
3.	Nguyễn Thị Hòa	Ths.		nguyenhoaneuro@yahoo.com	Tham gia
4.	Phan Thị Liên	Ths.		lienphanytb@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Khai thác được bệnh sử bệnh lý thần kinh	PEO1, PEO2
2.	Khám thực thể để phục vụ cho biện luận lâm sàng	PEO2
3.	Chẩn đoán và nguyên tắc xử trí một số hội chứng cơ bản trong thần kinh	PEO2

4.	Phối hợp thực hiện được các thủ thuật kỹ thuật nội Thần kinh thông thường	PEO2
5.	Dự phòng được bệnh lý thần kinh thông thường	PEO3

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Tập trung vào việc phát triển các kỹ năng khai thác bệnh sử bệnh lý thần kinh	S: PLO 1, 3 H: PLO 6
2.	Tập trung xây dựng kỹ năng khám thực thể	S: PLO 1, 3 H: PLO 8
3.	Sử dụng được các dụng cụ khám thần kinh thông thường	S: PLO 1, 3 H: PLO 8
4.	Tham gia thực hiện được các thủ thuật, kỹ thuật nội thần kinh thông thường	S: PLO 1, 3 H: PLO 8
5.	Phòng bệnh bệnh lý thần kinh thông thường	S: PLO 1 H: PLO 3, 8

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1 : Đột quy não 1. Đại cương.....	4	1, 2, 3	1,5

	2. Nguyên nhân, cơ chế 3. Phân loại 4. Phòng bệnh			
2	Bài 2 : Động kinh 1. Đại cương..... 2. Nguyên nhân, cơ chế 3. Phân loại 4. Nguyên tắc điều trị	4	1, 2, 3	1,5
3	Bài 3: Hội chứng thất lưng hông 1. Đại cương..... 2. Nguyên nhân, cơ chế 3. Triệu chứng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị	2	1, 2, 3	1,5
4	Bài 4: Hội chứng tăng áp lực nội sọ 1. Đại cương..... 2. Nguyên nhân, cơ chế 3. Triệu chứng 4. Biến chứng 5. Điều trị	1	1, 2, 3	1,5
5	Bài 5: Viêm đa rễ và dây thần kinh 1. Đại cương..... 2. Nguyên nhân, cơ chế 3. Triệu chứng LS, CLS 4. Nguyên tắc điều trị	1	1, 2, 3	1,5
6	Bài 6: Liệt dây số VII 1. Đại cương..... 2. Nguyên nhân, cơ chế 3. Triệu chứng TW- NB	2	1, 2, 3	1,5

	4. Nguyên tắc điều trị 5. Dự phòng			
7	Bài 7: Hội chứng liệt nửa người 1. Đại cương..... 2. Cơ chế bất chéo tháp 3. Vị trí tổn thương 4. Hội chứng giao bên	4	1, 2, 3	1,5

2. Lâm sàng

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1: Khám phát hiện triệu chứng 1. Vận động..... 2. Phản xạ..... 3. Cảm giác.....	4	3, 4, 5	2,3,4
2	Bài 2: Khám xác định Liệt nửa người 1. Xác định liệt nửa người, liệt hai chân. 2. Định hướng vị trí tổn thương 3. Định hướng nguyên nhân. 4. Khám Phản xạ bệnh lý bó tháp	4	3, 4, 5	2,3,4
3	Bài 3: Khám 12 đôi dây thần kinh sọ não 1. Tên gọi 2. Chức năng..... 3. Cách khám.....	4	3, 4, 5	2,3,4
4	Bài 4: Khám xác định Liệt hai chi dưới 1. Xác định liệt liệt hai chân..... 2. Định hướng vị trí tổn thương 3. Định hướng nguyên nhân.....	4	3, 4, 5	2,3,4
5	Bài 5: 1. Khám hội chứng tiểu não	4	3, 4, 5	2,3,4

	2. Khám hội chứng màng não 3. Khám tư vấn dinh dưỡng – cơ tròn			
6	Bài 6: Thủ thuật- kỹ thuật	4	3, 4, 5	2,3,4

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

Thuyết trình

Thảo luận nhóm.

Cách tiếp cận bệnh nhân theo vấn đề khai thác bệnh sử, tiền sử, đưa ra các chẩn đoán tiềm năng, chỉ định và phân giải các kết quả cận lâm sàng, từ đó thu hẹp chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân. Các chủ đề lý thuyết chính của vòng này bao gồm:

Tiếp cận, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân ĐỘT QUỴ

Tiếp cận, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân tang áp lực nội sọ

Tiếp cận, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân liệt nửa người

Tiếp cận, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân liệt dây VII

Tiếp cận, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân đau dây hông to

Tiếp cận, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân Guillain – Barre

Tiếp cận, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân động kinh

2. Lâm sàng :

- Thuyết trình.

- Quan sát và thực hành kỹ năng.

- Chăm tay chỉ việc.

- Đi buồng, giảng đầu giường, giao ban, bình bệnh án.

Khai thác bệnh sử

Khai thác được bệnh sử chính xác, đầy đủ, theo trình tự hợp lý, tập trung vào việc phát triển các kỹ năng khai thác bệnh sử bệnh lý thần kinh ở mức độ trung bình. Chú trọng tới việc xác định và khai thác các yếu tố bệnh sử quan trọng liên quan đến các chẩn đoán tiềm năng và ra quyết định lâm sàng.

Khám thực thể

Tập trung xây dựng kỹ năng khám thực thể kỹ lưỡng, phiên giải các kết quả khám thực thể để phục vụ cho biện luận lâm sàng. Đặt trọng tâm vào việc khám phát hiện các dấu hiệu thực thể phục vụ cho chẩn đoán tiềm năng và ra quyết định lâm sàng.

Chẩn đoán

Đưa ra các chẩn đoán tiềm năng ưu tiên dựa trên kết quả khai thác bệnh sử và khám thực thể ban đầu. Chẩn đoán liên quan đến các bệnh thần kinh thông thường

Thủ thuật

Thực hiện các thủ thuật nội khoa thông thường

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Tài liệu phát tay, Phần bảng/ máy chiếu/ Video
2. Lâm sàng: Case lâm sàng

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0.1	Điểm danh có mặt	Điểm danh	Thời gian, ý thức học tập	1,2,3,4,5	10
Điểm thực hành (ĐTH)	0.5	Bài kiểm tra	Vấn đáp	Theo thang điểm	1,2,3,4,5	10
Điểm kết thúc học	0.4	Bài kiểm tra	Test	Theo đáp án	1,2,3,4,5	10

phần (ĐKTHP)						
-----------------	--	--	--	--	--	--

Công thức tính điểm:

$$\text{Điểm học phần} = \text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐTH} \times 0,5 + \text{ĐKTHP} \times 0,4$$

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	Học bù
Nghỉ học không phép	Nghỉ thi
Đi muộn	0.5

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không trả lời được	Trả lời không hết các câu hỏi	Trả lời hết các câu hỏi nhưng còn nhiều sai sót	Trả lời hết các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Trả lời hết các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

Tài liệu học tập chủ yếu

1. Bài giảng triện chứng học thần kinh

Bộ môn Thần kinh Trường Đại học Y Thái Bình, xuất bản năm 2016 NXB Y học

2. Bài giảng bệnh học thần kinh

Bộ môn Thần kinh Trường Đại học Y Thái Bình, xuất bản năm 2016 NXB Y học

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

*** Thời gian biểu lâm sàng:**

- Sinh viên có mặt tại bệnh viện từ 7h.
- Từ 7h00 - 7h30: các nhóm giao ban với khoa lâm sàng
- Từ 7h30 – 11h00: thực hiện các nội dung sau:
 - + Khám bệnh nhân
 - + Chăm sóc bệnh nhân: tư vấn, đưa bệnh nhân đi làm xét nghiệm...
 - + Hoàn thành bệnh án
 - + Học lâm sàng theo lịch: đi buồng, giảng đầu giường, bình bệnh án.

*** Thời gian biểu Lý thuyết:**

Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết theo lịch phân công

Thời gian biểu

1. Thời gian	2. Thứ hai	3. Thứ ba	4. Thứ tư	5. Thứ năm	6. Thứ sáu
7. 7:00-7:30	8. Giao ban				
9. 7:30-8:30	10. Khám bệnh cùng bác sỹ				
11. 8:30-10:00	- Chăm sóc bệnh nhân - Hoàn thiện bệnh án - Thực hiện các công việc của khoa/phòng • Cứ 1 tuần 1 lần, sinh viên sẽ được đánh giá và phản hồi bằng mini-CEX do các giảng viên thực hiện • Tại tuần thứ 3, sinh viên sẽ trải qua bài thi cuối khóa				
12. 10:00-11:00	13. Giao ban sinh viên (2 buổi/tuần) 14. Bình bệnh án (1 buổi/tuần) 15. Giảng đầu giường (2 buổi/tuần)				
16. 11:00-13:00	17. Nghỉ trưa				
18. 13:00-17:00	19. Học lý thuyết	20. Thảo luận 21. ca lâm sàng	- Chăm sóc bệnh nhân - Hoàn thiện bệnh án - Thực hiện các công việc của khoa/phòng		

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết- thực hành
- Chấp hành tốt mọi nội quy của bộ môn, Nhà trường, Bệnh viện thực hành

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	2019	
2.	Lần 2	2021	
3.	Dự kiến	2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
BỘ MÔN TAI MŨI HỌNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NĂM 2021**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Tai mũi họng

Tên tiếng Anh: Otorhinolaryngology

Mã học phần: 3130OTORHI0P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	2
Số tiết Lý thuyết:	20
Thảo luận :	4
Số giờ tự học:	26
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	36 (72h thực giảng)
Thảo luận:	
Số giờ tự học:	14
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	

Giữa học phần:	0
Kết thúc học phần:	1 bài lý thuyết – 1 bài thực hành
Học phần học trước:	Giải phẫu, Sinh lý, Sinh lý bệnh, Kỹ năng tiền lâm sàng
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Tai mũi họng

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Tai Mũi Họng là một trong các môn y học lâm sàng khối chuyên khoa trong chương trình đào tạo bác sĩ Y học dự phòng. Học phần Tai Mũi Họng hướng dẫn sinh viên tiếp cận chẩn đoán, tìm hiểu nguyên nhân, cơ chế gây nên các triệu chứng, hướng xử trí các biểu hiện bệnh lý tai, mũi, họng và các cấu trúc liên quan ở vùng đầu cổ bao gồm cả các xoang, thanh quản, khoang miệng và vùng cổ bên.

Vòng luân khoa Tai mũi họng với đối tượng Y học dự phòng là một khóa học 3 tuần, trong đó sinh viên được đi thực hành lâm sàng tại 2 khu vực: khu vực phòng khám Tai mũi họng (bệnh nhân ngoại trú) và khu vực khoa Tai mũi họng khu điều trị nội trú bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình.

Mỗi lớp YHDP chia thành 4 nhóm luân phiên nhau đi lâm sàng tại phòng khám bệnh và đi lâm sàng tại khoa Tai mũi họng Bệnh viện đa khoa tỉnh.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/ học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Ngô Thanh Bình	PGS.TS	0912030800	ngothanhbinh@tbump.edu.vn	Phụ trách
2.	Vũ Trung Kiên	TS	0913019533	vutruengkien_orl@yahoo.com	Tham gia
3.	Khiếu Hữu Thanh	ThS	0983036056	khieuthanh@gmail.com	Tham gia
4.	Chu Thị Hồng	ThS	0833936913	honghaohuy1986	Tham gia

				@gmail.com	
5.	Vũ Thị Loan	ThS	0973694227	vuthiloan @tbump.edu.vn	Tham gia
6.	Tạ Xuân Thành	BS	0949140055	drthanhytb @gmail.com	Tham gia
7.	Đỗ Đức Cảnh	BS	0986377702	drdoduccanhytb @gmail.com	Tham gia
8.	Đặng Xuân Vinh	BS	0987539366	vinhk37d @gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần (CEO)	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	CEO 1. Vận dụng các kiến thức về giải phẫu, sinh lý, sinh bệnh học tai, mũi, họng, cách tiếp cận bệnh nhân theo vấn đề vào việc khai thác bệnh sử, tiền sử, đưa ra các chẩn đoán tiềm năng, chỉ định và phiên giải các kết quả cận lâm sàng, từ đó thu hẹp chẩn đoán.	PEO 2, 3,5
2.	CEO 2. Vận dụng được các kiến thức khái quát về giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh cơ bản để giải thích được cơ chế bệnh sinh một số bệnh lý Tai, mũi, họng thông thường.	PEO 2, 3
3.	CEO 3. Liên hệ, áp dụng được các kiến thức về bệnh học và điều trị để đưa ra hướng xử trí và phòng bệnh.	PEO 2, 3
4.	CEO 4. Nhận biết được một số cấp cứu Tai mũi họng thường gặp.	PEO 2, 3

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần (CLO)	Mức độ đạt
----	--------------------	------------

		(S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1. 1	CLO 1. Giải thích được cơ chế bệnh sinh một số bệnh lý và cấp cứu Tai, mũi, họng thường gặp.	S: PLO 1
2. 2	CLO 2. Vận dụng các kiến thức về giải phẫu, sinh lý, sinh bệnh học tai, mũi, họng, cách tiếp cận bệnh nhân theo vấn đề vào việc khai thác bệnh sử, tiền sử, đưa ra các chẩn đoán tiềm năng, chỉ định và phân tích các kết quả cận lâm sàng, từ đó thu hẹp chẩn đoán một số bệnh lý và cấp cứu Tai mũi họng thường gặp	H: PLO 6
3. 3	CLO 3. Liên hệ, áp dụng được các kiến thức về bệnh học và điều trị để đưa ra hướng xử trí và phòng bệnh thuộc lĩnh vực tai mũi họng.	S: PLO 5, 7 H: PLO 6

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Chủ đề	Số tiết	CEO	CLO
1	<i>Cấp cứu Tai mũi họng</i> - Khó thở thanh quản - Dị vật đường thở - Dị vật đường ăn. - Chảy máu mũi.	04	4	1, 2, 3
2	<i>Chấn thương Tai Mũi Họng</i> - Chấn thương gãy xương chính mũi - Chấn thương vỡ xoang hàm - Chấn thương thanh khí quản	02	4	1, 2, 3

3	<i>Ung thư tai mũi họng</i> - Ung thư vòm mũi họng - Ung thư Thanh quản - Ung thư xoang lê	02	1, 2, 3	2, 3
4	<i>Bệnh lý tai xương chũm</i> - Viêm tai giữa cấp - Viêm tai giữa ứ dịch - Viêm tai giữa mạn tính - Biến chứng của viêm tai giữa	06	1, 2, 3	1, 2, 3
5	<i>Bệnh lý mũi xoang</i> - Viêm mũi cấp, mạn tính - Viêm xoang cấp, mạn tính - Biến chứng của viêm xoang	04	1, 2, 3	1, 2, 3
6	<i>Họng - thanh quản</i> - Viêm họng cấp, mạn tính - Viêm thanh quản cấp, mạn tính	02	1, 2, 3	1, 2, 3
Tổng		20		

2. Lâm sàng

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Khám thực thể các bệnh lý TMH thông thường bằng đèn Clar - Chuẩn bị - Thực hành - Đánh giá kết quả	04 x 2	3, 4, 5	2
2	Đo thính lực giản đơn bằng âm thoa - Chuẩn bị - Thực hành - Đánh giá kết quả	04 x 2	3, 4, 5	1, 2

3	Tiến hành thủ thuật làm thuốc tai			
	- Chuẩn bị	04 x 2	3, 4, 5	2, 3
	- Thực hành			
	- Đánh giá kết quả			
4	Các hội chứng mũi xoang và phương pháp điều trị	02		
	Các hội chứng mũi xoang và phương pháp điều trị	02	1, 2, 5	2, 3
	Các hội chứng mũi xoang và phương pháp điều trị	02		
5	Xử trí chảy máu mũi	02		
	Xử trí dị vật Tai mũi họng	02	3, 4, 5	2, 3
6	Đọc phim Xquang Tai mũi họng	02		
	Nhận định hình ảnh nội soi Tai mũi họng	02 x 8	1, 2, 5	1, 2, 3
7	Cách làm bệnh án	02	1, 2, 5	1, 2, 3
	Bình bệnh án	02		
8	Đi buồng	02 x 8	3, 4, 5	1, 2, 3
Tổng		72		

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình có hình ảnh minh họa.
- Thảo luận nhóm.

2. Lâm sàng:

- Thuyết trình.
- Quan sát và thực hành kỹ năng.
- Chăm tay chỉ việc.
- Đi buồng, giảng đầu giường, giao ban, bình bệnh án.

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Phân bảng
- Máy tính

- Projector
- Câu hỏi phát vấn

2. Lâm sàng:

- Phân bảng
- Mô hình
- Dụng cụ thực hành
- Ca bệnh

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Lý thuyết: thi viết cải tiến
- Lâm sàng: vấn đáp
- Các điểm thành phần:

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0.1	Điểm danh có mặt	Điểm danh	Thời gian ý thức học tập	1, 2, 3	10
Điểm thực hành (ĐTH)	0.5	Bài kiểm tra	Vấn đáp	Theo thang điểm	1, 2, 3	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0.4	Bài kiểm tra	Tự luận	Theo đáp án	1, 2, 3	10

Công thức tính điểm:

$$\text{Điểm học phần} = \text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐTH} \times 0,5 + \text{ĐKTHP} \times 0,4$$

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	Học bù
Nghỉ học không phép	Nghỉ thi

Đi muộn	0.5
---------	-----

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu trả lời	Không trả lời được	Trả lời không hết các câu hỏi	Trả lời hết các câu hỏi nhưng còn nhiều sai sót	Trả lời hết các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Trả lời hết các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo**1. Tài liệu học tập:**

- Giáo trình Tai mũi họng, trường đại học Y Dược Thái Bình, 2019.

2. Tài liệu tham khảo: (Có tại thư viện hoặc trên internet sinh viên truy cập được)

- Bệnh học Tai Mũi Họng, Học viện Quân Y, NXB QĐND, 2007.

- Nguyễn Thị Ngọc Dung biên dịch (2014), Kiến thức cơ bản Tai Mũi Họng, Nhà xuất bản Y học

- Phạm Khánh Hòa, (2012), Tai Mũi Họng, Nhà xuất bản Giáo dục.

- Ngô Ngọc Liễn(2006), Giảm yếu bệnh học Tai Mũi Họng, Nhà xuất bản Y học Hà Tai mũi họng.

- Nhan Trùng Sơn (2017), Tai Mũi Họng Quyển 1, Nhà xuất bản Y học TP. Hồ Chí Minh.

- Nhan Trùng Sơn (2017), Tai Mũi Họng Quyển 2, Nhà xuất bản Y học TP. Hồ Chí Minh.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.**VIII. Quy định với sinh viên:****8.1. Nhiệm vụ của sinh viên:****8.1.1. Lâm sàng***** Thời gian**

- Giờ học lâm sàng: buổi sáng từ 7h00 – 9h30

*** Địa điểm**

Tại các phòng khám Tai mũi họng, Khoa nội trú các bệnh viện thực hành.

*** Quy định về nghỉ học, học bù, thi lại**

Được thực hiện theo nội quy, quy chế hiện hành của nhà trường

Mô tả buổi học và các hình thức học lâm sàng

*** Thời gian biểu:**

- Sinh viên có mặt tại bệnh viện từ 7h.
- Từ 7h00 – 11h00: thực hiện các nội dung sau:
 - + Khám bệnh nhân
 - + Chăm sóc bệnh nhân: tư vấn, đưa bệnh nhân đi làm xét nghiệm...
 - + Hoàn thành bệnh án
 - + Học lâm sàng theo lịch: đi buồng, giảng đầu giường, bình bệnh án.
 - + Giao ban sinh viên: 2 buổi/ tuần theo lịch của bộ môn, từ 9h30-11h.
 - + Bình bệnh án: 1 buổi/tuần theo lịch của bộ môn, từ 9h30-11h.
 - + Giảng đầu giường: 2 buổi/tuần theo lịch của bộ môn, từ 7h-9h30.

8.1.2. Lý thuyết

Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết theo lịch phân công. Nếu nghỉ học phải có đơn xin phép theo mẫu quy định của nhà trường.

Các quy định về nghỉ học, học bù, thi lại được thực hiện theo nội quy, quy chế hiện hành của nhà trường

8.2. Quy định điều kiện dự thi:

- Tham gia đầy đủ các buổi học, nếu nghỉ học có phép phải hoàn thành học bù.
- Điểm thi lâm sàng từ 4 điểm trở lên mới được thi lý thuyết.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
4.	Lần 1	05/2019	Vũ Trung Kiên
5.	Lần 2	05/2021	Ngô Thanh Bình
6.	Dự kiến	2023	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

THÁI BÌNH

BỘ MÔN RĂNG HÀM MẶT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****NĂM 2021**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Răng Hàm Mặt

Tên tiếng Anh: Odonto Stomatology

Mã học phần: 3130ODONTO0P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

III. Hành chính.**3. Thông tin chung:**

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	02 (1 LT; 1 LS)
Số tiết Lý thuyết:	16
Thảo luận :	0
Số giờ tự học:	34
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	36
Thảo luận:	0
Số giờ tự học:	14
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	2

Giữa học phần:	0
Kết thúc học phần:	2
Học phần học trước:	
Học phần tiên quyết:	Các môn khoa học cơ bản, y học cơ sở, nội ngoại khoa cơ sở
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Răng Hàm Mặt

4. Mô tả chung về học phần:

Học phần Răng Hàm Mặt là một trong môn y học lâm sàng khối chuyên khoa trong chương trình đào tạo bác sĩ y học dự phòng. Học phần Răng Hàm Mặt sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để phát hiện được các triệu chứng và hội chứng cơ bản và nguyên tắc xử trí một số bệnh lý răng hàm mặt thường gặp trên lâm sàng.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Vũ Anh Dũng	TS.BSCKII			Phụ trách
2.	Trần Thị Hương	BSCKII			Tham gia
3.	Nguyễn Thị Sen	ThS.BS			Tham gia
4.	Nguyễn Tri Quyết	BSCKII			Tham gia
5.	Bùi Hữu Tuấn	BS			Tham gia
6.	Nguyễn Phương Anh	BS			Tham gia
7.	Nguyễn Ngọc Anh	BS			Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Trình bày được căn nguyên bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và điều trị của một số bệnh Răng Hàm Mặt thường gặp.	PEO 2

2.	Thực hiện được các hoạt động y học dự phòng trong một số bệnh RHM thường gặp (Bệnh sâu răng, viêm tủy răng, bệnh viêm quanh cuống răng,...)	PEO 2
3.	Biện luận được chẩn đoán và phối hợp xử trí một số bệnh Răng Hàm Mặt thường gặp	PEO 2,3
4.	Có kỹ năng năng lực giao tiếp, làm việc nhóm có hiệu quả; Có đạo đức nghề nghiệp, tác phong hành nghề chuyên nghiệp	PEO 4,5

5. Chuẩn đầu ra học phần:

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
1.	Vận dụng được các kiến thức về giải phẫu răng hàm mặt, bệnh học và nguyên tắc điều trị một số bệnh lý thường gặp trong răng hàm mặt; Vận dụng được kiến thức Răng Hàm Mặt trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người dân	H: PLO 1 S: PLO 3
2.	Chẩn đoán được một số bệnh lý thường gặp trong răng hàm mặt; Thực hiện được một số kỹ năng lâm sàng: chọn dụng cụ khám răng hàm mặt, kiểm tra răng.	H: PLO 6
3.	Tuân thủ đúng các quy định của ngành, pháp luật Nhà nước và chịu trách nhiệm cá nhân về những hành vi, ứng xử, hoạt động nghề nghiệp.	S: PLO 10

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1: RĂNG VÀ BỘ RĂNG 1. Đại cương 1.1. Hệ thống nhai 1.2. Chức năng của răng 2. Số lượng răng, cách gọi tên và ký hiệu răng 2.1. Số lượng 2.2. Cách gọi tên răng 2.3. Ký hiệu răng 3. Giải phẫu và cấu tạo tổ chức học của răng 3.1. Giải phẫu răng 3.1.1. Thân răng 3.1.2. Chân răng 3.1.3. Cổ răng 3.1.4. Hốc tủy 3.2. Cấu tạo tổ chức học của răng 3.2.1. Men răng 3.2.2. Ngà răng 3.2.3. Xương răng (Cement) 3.2.4. Tủy răng 4. Thời gian mọc răng và biến chứng hay gặp khi mọc răng	4	1	1

	4.1. Thời gian mọc răng 4.1.1. Thời gian mọc răng sữa 4.1.2. Thời gian mọc răng vĩnh viễn 4.2. Biến chứng hay gặp khi mọc răng 4.2.1. Biến chứng khi mọc răng sữa 4.2.2. Biến chứng khi mọc răng vĩnh viễn 5. Lệnh lạc răng và các phương pháp dự phòng 5.1. Nguyên nhân 5.2. Hàm răng bình thường 5.3. Hàm răng lệch lạc 5.4. Dự phòng lệch lạc răng			
2	Bài 2: LIÊN QUAN GIỮA SỨC KHỎE RĂNG MIỆNG VỚI SỨC KHỎE TOÀN THÂN 1. Đại cương 2. Liên quan giữa chuyên khoa răng hàm mặt và tai mũi họng 2.1. Bệnh lý của răng hàm mặt liên quan đến tai mũi họng 2.2. Bệnh lý của tai mũi họng liên quan đến răng hàm mặt 3. Liên quan giữa chuyên khoa răng hàm mặt và mắt 3.1. Bệnh lý của răng hàm mặt liên quan đến mắt 3.2. Bệnh lý của mắt liên quan đến răng hàm mặt. 4. Liên quan giữa chuyên khoa răng hàm mặt và toàn thân	1	1,2,3	1

	4.1. Liên quan giữa răng miệng và các cơ quan tiêu hóa 4.2. Ảnh hưởng của răng miệng đối với các bệnh tim 4.3. Một số bệnh nhiễm trùng toàn thân biểu hiện ở miệng 4.4. Răng miệng và các bệnh về máu 4.5. Răng miệng và nội tiết 4.6. Ảnh hưởng của vitamin và các chất vi lượng			
3	Bài 3 :BỆNH SÂU RĂNG 1. Định nghĩa và dịch tễ học 1.1. Định nghĩa 1.2. Dịch tễ học 2. Bệnh căn và bệnh sinh 2.1. Bệnh căn 2.1.1. Giải thích bệnh căn theo sơ đồ Key 2.1.2. Giải thích bệnh căn theo sơ đồ White 2.2. Cơ chế bệnh sinh 2.2.1. Sự huỷ khoáng 2.2.2. Sự tái khoáng 2.2.3. Quá trình hình thành tổn thương sâu răng 3. Triệu chứng và chẩn đoán 3.1. Triệu chứng 3.2. Chẩn đoán 3.2.1. Chẩn đoán xác định 3.2.2. Chẩn đoán phân biệt 4. Điều trị 4.1. Nguyên tắc chung 4.2. Điều trị cụ thể	2	1,2,3	1,2

	5. Phòng bệnh 5.1. Hạn chế chất nền 5.2. Loại bỏ mảng bám và thay đổi hệ vi khuẩn 5.3. Tình trạng răng			
4	Bài 4 : BỆNH LÝ TỦY RĂNG 1. Đại cương 2. Một số đặc điểm giải phẫu và chức năng của tủy răng 2.1. Đặc điểm về giải phẫu 2.2. Chức năng của tủy răng 3. Nguyên nhân Người ta chia nguyên nhân gây bệnh của tủy răng thành 3 nhóm chính: 3.1. Nhiễm khuẩn 3.2. Yếu tố vật lý 3.3. Các yếu tố hóa học 4. Triệu chứng và chẩn đoán 4.1. Viêm tủy có phục hồi (tiền tủy viêm) 4.1.1. Triệu chứng 4.1.2. Chẩn đoán 4.2. Viêm tủy răng cấp (viêm tủy không hồi phục) 4.2.1. Triệu chứng 4.2.2. Chẩn đoán 4.3. Tủy hoại tử 4.3.1. Triệu chứng 4.3.2. Chẩn đoán. 5. Điều trị 5.1. Viêm tủy có phục hồi 5.2. Điều trị viêm tủy không hồi phục	2	1,2,3	1,2

	5.2.1. Xử trí cơn đau viêm tủy cấp tính 5.2.2. Điều trị tại tuyến chuyên khoa 5.3. Điều trị tủy hoại tử			
5	Bài 5 : BỆNH VIÊM QUANH CUỐNG RĂNG 1. Đại cương 2. Giải phẫu vùng cuống răng 2.1. Xương răng (cement) 2.2. Lỗ cuống răng 3. Nguyên nhân 3.1. Do nhiễm khuẩn 3.2. Sang chấn răng 3.3. Do sai sót trong điều trị 4. Phân loại bệnh cuống răng 4.1. Phân loại theo triệu chứng lâm sàng 4.2. Phân loại theo giải phẫu bệnh 5. Triệu chứng và chẩn đoán 5.1. Viêm quanh cuống bán cấp 5.1.1. Triệu chứng 5.1.2. Chẩn đoán 5.2. Viêm quanh cuống cấp 5.2.1. Triệu chứng 5.2.2. Chẩn đoán 5.3. Viêm quanh cuống mạn 5.3.1. Triệu chứng 5.3.2. Chẩn đoán 6. Phương pháp điều trị 6.1. Điều trị toàn thân 6.2. Điều trị tại chỗ 6.2.1. Với răng nguyên nhân 6.2.2. Vùng lợi và chóp răng	2	1,2,3	1,2

6	Bài 6 : VIÊM NHIỄM VÙNG HÀM MẶT 1. Đại cương 2. Nguyên nhân gây bệnh 2.1. Nguyên nhân do răng 2.2. Nguyên nhân không do răng 3. Triệu chứng 3.1. Nhiễm khuẩn mô mềm quanh xương hàm (viêm mô tế bào vùng hàm mặt) 3.1.1. Viêm mô tế bào thể viêm tụ 3.1.2. Viêm tấy lan tỏa (Phlegmon) 3.1.3. Các thể lâm sàng thường gặp 3.2. Viêm xương tủy hàm 3.2.1. Viêm xương tủy hàm nguyên nhân do răng 3.2.2. Viêm xương tủy hàm do nguyên nhân toàn thân 4. Phương pháp điều trị 4.1. Nguyên tắc 4.2. Điều trị cụ thể 4.2.1. Toàn thân 4.2.2. Tại chỗ 4.2.3. Điều trị nguyên nhân 5. Phòng bệnh	2	1,2,3	1,2
7	Bài 7 : BỆNH VIÊM NHA CHU 1. Khái niệm và dịch tễ học 1.1. Khái niệm 1.2. Dịch tễ học 2. Giải phẫu và tổ chức học vùng quanh răng 2.1. Lợi 2.2. Dây chằng quanh răng	3	1,2,3	1,2

2.3. Xương ổ răng 2.4. Xương răng (cement) 3. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh 3.1. Nguyên nhân 3.1.1. Vai trò của vi khuẩn và mảng bám răng 3.1.2. Các yếu tố thuận lợi 3.1.3. Nguyên nhân toàn thân 3.2. Cơ chế bệnh sinh 4. Phân loại và triệu chứng 4.1. Phân loại 4.1.1. Viêm lợi 4.1.2. Viêm quanh răng 4.2. Triệu chứng 4.2.1. Viêm lợi cấp tính 4.2.2. Viêm lợi mạn tính 4.2.3. Viêm quanh răng tiến triển nhanh ở người trẻ 4.2.4. Viêm quanh răng mạn tính 5. Biến chứng của viêm lợi và viêm quanh răng 5.1. Biến chứng của viêm lợi 5.2. Biến chứng của viêm quanh răng 6. Điều trị bệnh nha chu 6.1. Điều trị bảo tồn 6.1.1. Hướng dẫn vệ sinh răng miệng 6.1.2. Xóa bỏ kích thích tại chỗ 6.1.3. Điều trị toàn thân 6.2. Điều trị bằng phẫu thuật 6.2.1. Mục đích của phẫu thuật 6.2.2. Các phương pháp phẫu thuật			
---	--	--	--

	6.3. Điều trị duy trì 7. Dự phòng bệnh nha chu			
8	Bài 8 : CHẤN THƯƠNG VÙNG HÀM MẶT 1. Tình hình chấn thương vùng hàm mặt 2. Nguyên nhân gây chấn thương 3. Đặc điểm giải phẫu, sinh lý vùng hàm mặt trong chấn thương 4. Phân loại và triệu chứng 4.1. Chấn thương phần mềm 4.2. Chấn thương xương 4.2.1. Gãy xương hàm trên 4.2.2. Gãy xương hàm dưới 5. Xử trí chấn thương hàm mặt 5.1. Đối với vết thương nhẹ xử trí ban đầu ở tuyến y tế cơ sở 5.2. Xử trí các tình trạng cấp cứu khẩn cấp đe dọa tính mạng nạn nhân 5.2.1. Ngạt thở 5.2.2. Chảy máu 5.2.3. Choáng 5.2. Xử trí chuyên khoa 5.2.1. Vết thương phần mềm 5.2.2. Chấn thương phần xương 6. Đề phòng chấn thương hàm mặt	4	1,2,3	1,2

2. Lâm sàng

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	BÀI 1: PHƯƠNG PHÁP KHÁM BỆNH NHÂN RĂNG HÀM MẶT 1. Giới thiệu trang thiết bị và dụng cụ khám 2. Khám Răng Hàm Mặt 2.1. Khai thác bệnh sử: 2.2. Khám thực thể 2.2.1. Khám ngoài miệng (vùng mặt) 2.2.2. Khám trong miệng 2.3. Cận lâm sàng	2	4,5	1,2,3
2	BÀI 2: PHƯƠNG PHÁP KHÁM VÀ XỬ TRÍ CẤP CỨU CHẤN THƯƠNG VÙNG HÀM MẶT 1. Khám bệnh nhân chấn thương hàm mặt 1.1. Khám toàn thân 1.2. Khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt 1.2.1. Hỏi bệnh 1.2.2. Khám ngoài 1.2.3. Khám trong miệng 1.3. Các thể chụp Xquang thường dùng để chẩn đoán 2. Xử trí cấp cứu khẩn cấp trong chấn thương vùng hàm mặt 2.1. Ngạt thở 2.2. Cấp cứu chảy máu 2.3. Phòng chống choáng (Shock chấn thương) 3. Xử trí chấn thương vùng hàm mặt 3.1. Chấn thương phần mềm	2	4,5	1,2,3

	3.2. Chấn thương gãy xương			
3	BÀI 3: CHỈ ĐỊNH VÀ CHỐNG CHỈ ĐỊNH NHỔ RĂNG 1. Chỉ định nhổ răng 1.1. Răng vĩnh viễn 1.2. Răng sữa 2. Chống chỉ định nhổ răng 2.1. Chống chỉ định tương đối 2.2. Chống chỉ định tuyệt đối	2	4,5	1,2,3
4	BÀI 4: CÁC PHƯƠNG PHÁP GÂY TÊ THƯỜNG DÙNG TRONG PHẪU THUẬT RĂNG MIỆNG 1. Đại cương 1.1. Gây tê tại chỗ 1.2. Gây tê vùng 2. Chuẩn bị 2.1. Dụng cụ 2.2. Thuốc tê 2.3. Bệnh nhân 2.4. Thầy thuốc 3. Các phương pháp gây tê 3.1. Gây tê bề mặt 3.2. Gây tê tiêm tại chỗ 3.2.1. Gây tê dưới niêm mạc 3.2.2. Gây tê cận chóp 3.3.3. Gây tê dây chằng 3.3. Gây tê vùng 3.3.1. Gây tê lồi củ xương hàm trên (thần kinh răng trên sau) 3.3.2. Gây tê lõ dưới ổ mắt (thần kinh răng trên trước)	2	4,5	1,2,3

	3.3.3. Gây tê ở lỗ khâu cái sau (thần kinh khâu cái trước) 3.3.4. Gây tê lỗ khâu cái trước (thần kinh khâu cái sau) 3.3.5. Gây tê lỗ gai Spix (thần kinh ống răng dưới) 3.3.6. Gây tê lỗ cằm (thần kinh cằm)			
5	BÀI 5: DỤNG CỤ NHỎ RĂNG BẰNG KÌM, BẦY VÀ CÁCH SỬ DỤNG 1. Kim nhỏ răng 1.1. Tác dụng 1.2. Chỉ định 1.3. Cấu tạo 1.4. Cách sử dụng 1.4.1. Cách cầm kim 1.4.2. Các bước kỹ thuật nhỏ răng bằng kim 2. Bẫy nhỏ răng 2.1. Tác dụng của bẫy 2.2. Chỉ định 2.3. Cấu tạo 2.3.1. Bẫy thẳng 2.3.2. Bẫy khuỷu 2.4. Cách sử dụng bẫy 3. Kết luận	2	2	1,3
6	BÀI 6: PHƯƠNG PHÁP NHỎ RĂNG THÔNG THƯỜNG BẰNG KÌM VÀ BẦY 1. Khái niệm 2. Quy trình nhỏ răng thông thường Bước 1: Thăm khám Bước 2: Chuẩn bị	2	4,5	1,2,3

	Bước 3: Sát khuẩn vùng miệng và vùng răng định nhổ Bước 4: Gây tê Bước 5: Bóc tách lợi và dây chằng cổ răng Bước 6: Sử dụng kìm, bẫy để nhổ răng Bước 7: Kiểm soát huyết ồ răng Bước 8: Cầm máu Bước 9: Kê đơn và dặn dò bệnh nhân			
7	BÀI 7: TAI BIẾN THƯỜNG GẶP TRƯỚC, TRONG, SAU NHỔ RĂNG 1. Tai biến trước và trong khi nhổ răng 1.1. Dị ứng, ngộ độc với thuốc tê <i>1.1.1. Dị ứng</i> <i>1.1.2. Ngộ độc</i> 1.2. Mất tri giác <i>1.2.1. Xỉu</i> <i>1.2.2. Ngất xanh</i> <i>1.2.3. Ngất trắng</i> 1.3. Tổn thương mô mềm 1.4. Tổn thương xương <i>1.4.1. Tổn thương xương ổ răng, lõi củ xương hàm trên</i> <i>1.4.2. Gãy xương hàm dưới</i> 1.5. Sai khớp thái dương hàm 1.6. Tổn thương xoang hàm 1.7. Tổn thương thần kinh 1.8. Tổn thương răng <i>1.8.1. Gãy thân hay chân răng đang nhổ</i> <i>1.8.2. Lung lay răng bên cạnh</i> <i>1.8.3. Sang chấn răng đối diện</i> <i>1.8.4. Nhổ nhầm răng, bật răng bên cạnh</i>	2	4,5	1,2,3

	1.9. Răng, mảnh vỡ rơi vào khí quản, thực quản 2. Tai biến sau nhổ răng 2.1. Chảy máu 2.2. Viêm ổ răng 2.2.1. Viêm ổ răng ướt 2.2.2. Viêm ổ răng khô 2.3. Viêm mô tế bào vùng hàm mặt 2.4. Đau, tê bì, dị cảm ở vùng dây thần kinh chi phối			
8	BÀI 8: PHƯƠNG PHÁP CỐ ĐỊNH RĂNG VÀ XƯƠNG HÀM TRONG CHÂN THƯƠNG 1. Mở đầu 2. Các phương pháp cố định 2.1. Các phương pháp cố định ngoài miệng 2.1.1. Băng đỉnh cằm 2.1.2. Cố định bằng cách tựa vào sọ 2.2. Các phương pháp cố định trong miệng 2.2.1. Cố định một hàm 2.2. Cố định hai hàm	2	4,5	1,2,3
9	BÀI 9: PHƯƠNG PHÁP KHÁM CHẨN ĐOÁN BỆNH SÂU RĂNG 1. Dụng cụ và vật liệu 2. Phương pháp khám 2.1. Hỏi bệnh 2.2. Khám thực thể 3. Tiêu chuẩn xác định sâu răng 3.1. Răng lành mạnh 3.2. Sâu răng giai đoạn sớm (S1) 3.3. Sâu răng giai đoạn muộn (S2, S3)	2	4,5	1,2,3

	4. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc chung 5.2. Điều trị cụ thể			
10	BÀI 10: PHƯƠNG PHÁP KHÁM CHẨN ĐOÁN BỆNH NHA CHU 1. Phương tiện khám 2. Phương pháp khám 2.1. Hỏi bệnh 2.2. Khám thực thể 2.2.1. Khám ngoài miệng 2.2.2. Khám trong miệng 3. Các tổn thương trên XQuang: 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 5.1. Nguyên tắc chung 5.2. Điều trị cụ thể	2	4,5	1,2,3

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:
 - Thuyết trình
2. Lâm sàng:
 - Thảo luận nhóm
 - Dạy, học nghiên cứu theo ca lâm sàng

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Máy chiếu Projector, tranh ảnh giải phẫu và bệnh lý,...
2. Lâm sàng: Ca bệnh, mô hình răng, xương hàm, bộ khay khám, bộ kim,...

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%	Mặc định điểm chuyên cần cho mỗi sinh viên là 10	Trừ dần điểm theo mỗi lần vi phạm	Ý thức học tập của mỗi sinh viên	1,2,3	10
Điểm thực hành (ĐTH)	50%	Trả lời các câu hỏi về lâm sàng	Thi vấn đáp	Kết quả từ câu trả lời của sinh viên	1,2,3	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	40%	Bài kiểm tra trắc nghiệm 45 phút, tổ hợp từ ngân hàng đề	Trắc nghiệm	Theo đáp án	1,2,3	10

Công thức tính điểm: ĐHP= ĐCC x 0,1 + ĐTH x 0,5 + ĐLT x 0,4

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
-----------------	-----------------

Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/2 tiết
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/1 tiết
Đi muộn (<15 phút)	0,5 điểm/1 lần
Tiêu chí	Điểm trừ

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu trả lời	Không trả lời được	Trả lời không hết các câu hỏi	Trả lời hết các câu hỏi nhưng còn nhiều sai sót	Trả lời hết các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Trả lời hết các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập chủ yếu:

- **Vũ Anh Dũng (2015)**, Giáo trình Răng Hàm Mặt, nxb Giáo dục.
- **Vũ Anh Dũng (2017)**, Tài liệu học lâm sàng Răng Hàm Mặt, Bộ môn Răng Hàm Mặt trường ĐHYD Thái Bình.

2. Tài liệu tham khảo:

- **Bài giảng răng hàm mặt (2006)**, Bộ môn Răng Hàm Mặt, trường ĐHY HN, nxb Y học.
- **Trịnh Đình Hải (2013)**, *Bệnh học quanh răng*, Viện Đào tạo răng hàm mặt, trường ĐHYHN- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- **Nguyễn Thu Phương (2013)**, *Chỉnh hình răng mặt*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- **Lê Đức Lánh (2007)**, *Phẫu thuật miệng, tập 1*, Nhà xuất bản Giáo dục.
- **Hoàng Tử Hùng (2003)**, *Giải phẫu Răng*, Nhà xuất bản Y học.
- **Hoàng Tử Hùng (2003)**, *Mô phôi răng miệng*, Nhà xuất bản Y học.
- **Trịnh Thị Thái Hà (2013)**, *Chữa răng và nội nha*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- **Trần Văn Trường (2002)**, *Nang và u lành tính vùng miệng hàm mặt*- nxb Y học.
- **Trần Văn Trường (2008)**, *Viêm nhiễm miệng hàm mặt*, nxb Y học.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên: Tham gia đầy đủ các buổi học, nếu nghỉ học có phép phải hoàn thành học bù theo quy định.

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Tham gia đầy đủ các buổi học, nếu nghỉ học có phép phải hoàn thành học bù.
- Điểm thi lâm sàng từ 4 điểm trở lên mới được thi lý thuyết.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
6.	Lần 1	05/2019	
7.	Lần 2	05/2021	
8.	Dự kiến	05/2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
BỘ MÔN MẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Năm 2021

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: NHÃN KHOA

Tên tiếng Anh: OPHTHALMOLOGY

Mã học phần: 3130OPHTHA0P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

IV. Hành chính.

5. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	Số tiết Lý thuyết: 16 Thảo luận : Số giờ tự học: 34 Số tiết Tiền lâm sàng, Lâm sàng: 36 (03 tuần) Thảo luận: Số giờ tự học: 14
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	Giữa học phần: 0 Kết thúc học phần: 1LT/1LS
Học phần học trước:	Nội bệnh lý. Ngoại bệnh lý
Học phần tiên quyết:	Giải phẫu, Sinh lý, Sinh lý bệnh

Học phần song hành:	Không
Bộ môn giảng dạy:	Mắt

6. Mô tả chung về học phần:

Học phần Mắt là một trong các môn y học lâm sàng trong chương trình đào tạo bác sĩ Y học Dự phòng. Học phần Mắt có thời gian trong 03 tuần giúp sinh viên có kiến thức, kỹ năng, thái độ về các bệnh học trong nhãn khoa. Sinh viên có kiến thức sâu hơn về giải phẫu và sinh lý mắt để ứng dụng trên lâm sàng (nội dung này đã được giảng dạy trong năm thứ nhất). Học phần trang bị cho sinh viên về các bệnh lý trong nhãn khoa thường gặp ở tất cả các khía cạnh: nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, biến chứng, chẩn đoán, điều trị, dự phòng. Học phần này giúp bác sĩ YHDP có khả năng vận dụng hiệu quả những kiến thức y học về nhãn khoa trong nhiệm vụ của một nhân viên y tế trong mọi thời đại. Sự vận dụng này sẽ tạo ra những linh hoạt, chất lượng trong việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của cộng đồng. Trong khóa học 03 tuần sinh viên trải qua các hoạt động như sau:

- Học lý thuyết trên giảng đường vào các buổi chiều hoặc trực tuyến: cả lớp
- Học thực hành tại tiền lâm sàng và các cơ sở thực hành (bệnh viện): chia thành nhóm nhỏ học lâm sàng tại 03 bệnh viện: bệnh viện Mắt Thái Bình, bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình, bệnh viện Đại học Y Thái Bình.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Hoàng Năng Trọng	Phó Giáo sư-Tiến sĩ	0903288504	hoangnangtrong@yahoo.com	Tham gia
2.	Trần Thị Minh Tân	Thạc sỹ. Bác sỹ CKII	0936215630	tanphuongchau@gmail.com	Phụ trách
3.	Nguyễn Thị Thu Hà	Thạc sỹ	0985385748	thuhaytb@gmail.com	Tham gia

4.	Bùi Thị Quỳnh Anh	Thạc sỹ	0979011185	xiazing@gmail.com	Tham gia
5.	Bùi Đức Lương	Thạc sỹ	0912286399	luongbdvn@gmail.com	Tham gia
6.	Phạm Duy Dũng	Thạc sỹ	0975091089	Đuyung09101989@gmail.com	Tham gia
7.	Nguyễn Thị Thu Trang	Thạc sỹ	0936533151	Trangnguyen.yk@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần (CEO)	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Trình bày được một số kiến thức về nhãn khoa cơ sở: giải phẫu, thị lực, nhãn áp, thị trường, thuốc tra mắt.	PEO 2, 3,5
2.	Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của một số bệnh mắt.	PEO 2, 3
3.	Phân tích được các triệu chứng lâm sàng, biến chứng của một số bệnh mắt	PEO 2, 3
4.	Đưa ra được những tiêu chuẩn để chẩn đoán và nguyên tắc điều trị một số bệnh mắt thường gặp.	PEO 2, 3
5.	Biết cách xử trí một số bệnh cấp cứu trong nhãn khoa.	PEO 2, 3, 5

6.	Biết cách phòng một số bệnh mắt có tính chất lây lan trong cộng đồng.	PEO 2, 3, 5
----	---	-------------

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	CLO 1. Giải thích được cơ chế bệnh sinh một số bệnh lý và cấp cứu nhãn khoa thường gặp.	S: PLO 1
2.	CLO 2. Vận dụng các kiến thức về giải phẫu, sinh lý, sinh bệnh học nhãn khoa, cách tiếp cận bệnh nhân theo vấn đề vào việc khai thác bệnh sử, tiền sử, đưa ra các chẩn đoán tiềm năng, chỉ định và phân tích các kết quả cận lâm sàng, từ đó thu hẹp chẩn đoán một số bệnh lý và cấp cứu nhãn khoa thường gặp	H: PLO 6
3.	CLO 3. Liên hệ, áp dụng được các kiến thức về bệnh học và điều trị để đưa ra hướng xử trí và phòng bệnh thuộc lĩnh vực nhãn khoa.	S: PLO 5, 7 H: PLO 6

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	CEO	CLO
-----	---------	---------	-----	-----

1	Bài 1. Giải phẫu và sinh lý thị giác 1..Cấu tạo giải phẫu, sinh lý phân phụ thuộc 1.1. Hốc mắt 1.2. Mi mắt 1.3. Cơ vận nhãn 1.4. Lệ đạo 2. Cấu tạo giải phẫu, sinh lý nhãn cầu 2.1. Giác mạc 2.2. Mống mắt 2.3. Thể thủy tinh 2.4. Dịch kính 2.5. Võng mạc 3. Sự lưu thông thủy dịch 4. Đường dẫn truyền thần kinh thị giác	2	1, 2	1, 2
2	Bài 2. Thị lực 1. Định nghĩa 2. Yếu tố ảnh hưởng đến thị lực 3. Điều kiện để đo thị lực 4. Các phương pháp đo thị lực 4.1. Bảng thị lực 4.2. Ngón tay 4.3. Bàn tay 4.4. Nguồn sáng	1	1, 2	1, 2
3	Bài 3. Tật khúc xạ 1. Cận thị	1	2, 3, 4, 6	1, 2, 3

	1.1. Định nghĩa 1.2. Phân loại 1.3. Triệu chứng lâm sàng 1.4. Điều trị 2. Viêm thị 2.1. Định nghĩa 2.2. Triệu chứng lâm sàng 2.3. Điều trị 3. Loạn thị 3.1. Định nghĩa 3.2. Triệu chứng lâm sàng 3.3. Điều trị			
4	Bài 4. Viêm kết mạc 1. Nguyên nhân viêm kết mạc 2. Viêm kết mạc do vi khuẩn 2.1. Triệu chứng lâm sàng 2.2. Cận lâm sàng 2.3. Chẩn đoán 2.4. Điều trị 3. Viêm kết mạc do virus 3.1. Triệu chứng lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 3.3. Chẩn đoán 3.4. Điều trị 4. Viêm kết mạc do Chlamydia 4.1. Triệu chứng lâm sàng 4.2. Cận lâm sàng 4.3. Chẩn đoán	1	2, 3, 4, 6	1, 2, 3

	4.4. Điều trị 5. Viêm kết mạc mùa xuân 5.1. Triệu chứng lâm sàng 5.2. Cận lâm sàng 5.3. Chẩn đoán 5.5. Điều trị			
5	Bài 5. Loét giác mạc 1. Các yếu tố thuận lợi 2. Nguyên nhân 3. Loét giác mạc do vi khuẩn 3.1. Triệu chứng lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 3.3. Chẩn đoán 3.4. Điều trị 4. Loét giác mạc do nấm 4.1. Triệu chứng lâm sàng 4.2. Cận lâm sàng 4.3. Chẩn đoán 4.4. Điều trị 5. Loét giác mạc do virus 5.1. Triệu chứng lâm sàng 5.2. Cận lâm sàng 5.3. Chẩn đoán 5.4. Điều trị 6. Loét giác mạc do ký sinh trùng 6.1. Triệu chứng lâm sàng 6.2. Cận lâm sàng 6.3. Chẩn đoán 6.4. Điều trị	2	2, 3, 4, 6	1, 2, 3

6	Bài 6. Viêm màng bồ đào 1. Phân loại 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng 3.1. Triệu chứng cơ năng 3.2. Triệu chứng thực thể 4. Biến chứng 5. Điều trị	2	2, 3, 4	1, 2, 3
7	Bài 7. Nhãn áp 1. Định nghĩa 2. Vai trò của nhãn áp 3. Các yếu tố ảnh hưởng đến nhãn áp 4. Các phương pháp đo nhãn áp	0,5	1, 2	1, 2
8	Bài 8. Thị trường 1. Định nghĩa 2. Giới hạn thị trường 3. Các tổn thương thị trường trong bệnh glôcôm	0,5	1, 2, 3, 4	1, 2, 3
9	Bài 9. Glôcôm 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Glôcôm nguyên phát góc đóng 3.1. Dịch thể 3.2. Cơ chế bệnh sinh 3.3. Triệu chứng lâm sàng 3.4. Điều trị	2	2, 3, 4, 5	1, 2, 3

	4. Glôcôm nguyên phát góc mở 4.1. Dịch thể 4.2. Cơ chế bệnh sinh 4.3. Triệu chứng lâm sàng 4.4. Điều trị 4.5. Phòng bệnh			
10	Bài 10. Bồng mắt 1. Nguyên nhân gây bồng 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ bồng 3. Phân loại độ bồng 4. Bồng mắt do acid 4.1. Triệu chứng lâm sàng 4.2. Xử trí và điều trị 5. Bồng mắt do bazơ 5.1. Triệu chứng lâm sàng 5.2. Xử trí và điều trị	1	5	1, 2, 3
11	Bài 11. Chấn thương 1. Phân loại 2. Các tổn thương trong chấn thương đụng giập 2.1. Phù giác mạc 2.2. Xuất huyết kết mạc 2.3. Xuất huyết tiền phòng 2.4. Rách mống mắt 2.5. Lệch thể thủy tinh 3. Các tổn thương trong chấn thương xuyên nhãn cầu 3.1. Rách giác mạc	1	5	1, 2, 3

	3.2. Rách củng mạc			
12	Bài 12. Độc thể thủy tinh 1. Định nghĩa 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Biến chứng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị	1	2, 3, 4	1, 2, 3
13	Bài 13. Điều trị học trong nhãn khoa (Tự học) 1. Các cách đưa thuốc vào mắt 2. Tiêu chuẩn thuốc tra mắt 3. Các nhóm thuốc hay sử dụng trên lâm sàng 3.1. Sát khuẩn 3.2. Kháng sinh 3.3. Kháng nấm 3.4. Kháng virus 3.5. Chống viêm 3.6. Dinh dưỡng giác mạc	2	2, 3, 4	1, 2, 3

2. Thực hành tiền lâm sàng

STT	Tên bài	Số tiết	CEO	CLO
1	Bài 1. Cách khám mắt chung 1. Khám phần phụ thuộc 2. Khám nhãn cầu	4	3, 4, 5	1, 2

2	Bài 2. Khám một số chức năng 1. Đo thị lực 2. Đo nhãn áp	4	3, 4, 5	1, 2
----------	---	----------	---------	------

3. Lâm sàng

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	Bài 1. Khám phát hiện bệnh nhân viêm kết mạc 1. Xác định triệu chứng cơ năng 2. Xác định triệu chứng thực thể 3. Đưa ra chẩn đoán 4. Quyết định điều trị 5. Tiên lượng 6. Hướng dẫn phòng bệnh	4	3, 4, 6	1, 2
2	Bài 2. Khám phát hiện bệnh nhân có tật khúc xạ 1. Xác định triệu chứng cơ năng 2. Xác định triệu chứng thực thể 3. Đưa ra chẩn đoán 4. Quyết định điều trị	4	3, 4, 6	1, 2
3	Bài 3. Khám phát hiện bệnh nhân loét giác mạc do vi khuẩn	4	3, 4, 5, 6	1, 2

	1. Xác định triệu chứng cơ năng 2. Xác định triệu chứng thực thể 3. Đưa ra chẩn đoán 4. Quyết định điều trị 5. Tiên lượng			
4	Bài 4. Khám phát hiện bệnh nhân loét giác mạc do nấm 1. Xác định triệu chứng cơ năng 2. Xác định triệu chứng thực thể 3. Đưa ra chẩn đoán 4. Quyết định điều trị 5. Tiên lượng	4	3, 4, 5, 6	1, 2
5	Bài 5. Khám phát hiện bệnh nhân loét giác mạc do virus 1. Xác định triệu chứng cơ năng 2. Xác định triệu chứng thực thể 3. Đưa ra chẩn đoán 4. Quyết định điều trị 5. Tiên lượng	4	3, 4, 5, 6	1, 2
6	Bài 6. Khám phát hiện bệnh nhân viêm màng bồ đào	8	3, 4, 5	1, 2

	1. Xác định triệu chứng cơ năng 2. Xác định triệu chứng thực thể 3. Đưa ra chẩn đoán 4. Quyết định điều trị 5. Tiên lượng			
7	Bài 7. Khám phát hiện bệnh nhân Glôcôm 1. Xác định triệu chứng cơ năng 2. Xác định triệu chứng thực thể 3. Đưa ra chẩn đoán 4. Quyết định điều trị 5. Tiên lượng	8	3, 4, 5, 6	1, 2
8	Bài 8. Khám phát hiện bệnh nhân đục thể thủy tinh 1. Xác định triệu chứng cơ năng 2. Xác định triệu chứng thực thể 3. Đưa ra chẩn đoán 4. Quyết định điều trị 5. Tiên lượng	8	3, 4	1, 2
9	Bài 9. Khám phát hiện, xử trí các tổn thương trong chấn thương mắt 1. Phát hiện xuất huyết tiền phòng	4	5, 6	1, 2

	2. Xử trí xuất huyết tiền phòng			
10	Bài 10. Khám phát hiện, xử trí các tổn thương trong chấn thương mắt 1. Xác định vết thương mi mắt 2. Xử trí vết thương mi mắt	4	5, 6	1, 2
11	Bài 11. Khám và xử trí bệnh nhân bỏng mắt do acid 1. Phát hiện các tổn thương của bệnh nhân bỏng mắt do acid 2. Xử trí bệnh nhân bỏng mắt do acid 3. Tiên lượng	4	5, 6	1, 2
12	Bài 12. Khám và xử trí bệnh nhân bỏng mắt do bazơ 1. Phát hiện các tổn thương của bệnh nhân bỏng mắt do bazơ 2. Xử trí bệnh nhân bỏng mắt do bazơ 3. Tiên lượng	4	5, 6	1, 2
13	Bài 13. Quan sát một số phương pháp đưa thuốc vào mắt 1. Tra thuốc 2. Tiêm dưới kết mạc	4	4	1, 2

	3. Tiêm hậu nhãn cầu			
--	----------------------	--	--	--

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết

- Thuyết trình
- Case-study

2. Thực hành tiền lâm sàng

- Thảo luận nhóm
- Tình huống lâm sàng
- Làm mẫu
- Thuyết trình

3. Lâm sàng

- Thảo luận nhóm
- Giảng đầu giường
- Bình bệnh án

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết

- Trực tuyến
- Bảng, phấn
- Máy chiếu Projector
- Tranh giải phẫu, hình ảnh bệnh lý
- Cases
- Câu hỏi
- Tình huống

2. Thực hành tiền lâm sàng

- Bảng, phấn
- Mô hình, băng video, đĩa CD
- Tranh, ảnh
- Dụng cụ khám: đèn, bảng thị lực, nhãn áp kế

3. Lâm sàng

- Bệnh nhân
- Case lâm sàng

- Dụng cụ khám: đèn, bảng thị lực, nhãn áp kế...
- Dụng cụ làm thủ thuật
- Thuốc để khám bệnh
- Hồ sơ, bệnh án.

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Cả quá trình	-Quan sát. -Giám sát. -Điểm danh	-Thời gian tham gia học -Tính chủ động -Tính tích cực	1, 2, 3	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0	0	0	0	1, 2, 3	0
Điểm thực hành (ĐTH)	0,5	Bài thi	Vấn đáp	Trả lời câu hỏi	1, 2, 3	10

Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,4	Bài thi	Trắc nghiệm	Chọn đáp án		10
---	-----	---------	----------------	----------------	--	----

Công thức tính điểm:

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	2
Nghỉ học không phép	10
Đi muộn	0,5

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.5-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	-Không đạt 5/5 -Đạt 1/5 mức độ dễ -Không đạt mức độ TB, khó	-Đạt 2-3/5 mức độ dễ -Không đạt mức độ TB, khó	-Đạt 1-3/5 mức độ dễ -Đạt 1/5 mức độ TB -Không đạt mức độ khó	-Đạt 2-3/5 mức độ dễ -Đạt 1/5 mức độ TB -Không đạt mức độ khó	-Đạt 3/5 mức độ dễ -Đạt 1/5 mức độ TB - Đạt 1/5 hoặc không đạt mức độ khó

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập chủ yếu

- Giáo trình của bộ môn

2. Tài liệu tham khảo

- Đỗ Như Hôn, Nhân khoa tập 1, Nhà xuất bản Y học

- Đỗ Như Hôn, Nhân khoa tập 2, Nhà xuất bản Y học

- Đỗ Như Hôn, Nhân khoa tập 3, Nhà xuất bản Y học
- Phan Dẫn, Nhân khoa giản yếu tập 1, Nhà xuất bản Y học
- Phan Dẫn, Nhân khoa giản yếu tập 2, Nhà xuất bản Y học

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

1.1. Nhiệm vụ khi đi lâm sàng tại phòng khám

- Tiếp cận với các thao tác phần mềm khám chữa bệnh ngoại trú
- Hướng dẫn bệnh nhân thực hiện một số yêu cầu trước khi khám bệnh
- Tiếp cận bệnh nhân, người nhà bệnh nhân để có thông tin về bệnh lý của bệnh nhân
- Khám bệnh cùng bác sỹ
- Thực hiện một số khám nghiệm trong nhân khoa khi cần thiết
- Đề xuất ghi các thăm dò cận lâm sàng
- Hướng dẫn bệnh nhân làm thủ tục hoàn thành xét nghiệm
- Phiên giải các dấu hiệu lâm sàng và kết quả cận lâm sàng
- Đưa ra các chẩn đoán tiềm năng
- Ra được quyết định xử trí, điều trị cho bệnh nhân
- Đề xuất phương án chăm sóc, dự phòng bệnh cho bệnh nhân
- Tham gia hoàn thiện hồ sơ bệnh án

1.2. Nhiệm vụ khi đi lâm sàng tại khoa điều trị nội trú

- Tiếp cận với các thao tác trên phần mềm
- Tiếp cận với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân để nắm bắt được các thông tin cần thiết về bệnh lý mà bệnh nhân đang điều trị
- Khám bệnh và theo dõi diễn biến của người bệnh cùng các bác sỹ
- Thực hiện một số khám nghiệm, thủ thuật khi cần thiết
- Tham gia điều trị và chăm sóc bệnh nhân
- Tham gia hoàn thành hồ sơ bệnh án điều trị nội trú
- Tham gia các buổi giảng lâm sàng
- Tham gia các buổi sinh hoạt khoa học

1.3. Nhiệm vụ trong giờ học lâm sàng hàng ngày

1.3.1. Trách nhiệm với người bệnh

- Sinh viên có trách nhiệm nắm rõ diễn biến bệnh sử, tiền sử bệnh lý của bệnh nhân.
- Sinh viên có trách nhiệm khám, phát hiện các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân.
- Thảo luận để đưa ra chẩn đoán tiềm năng.
- Báo cáo các thông tin về ca bệnh khi giảng đầu giường, bình bệnh án.
- Tham gia điều trị, chăm sóc bệnh nhân cùng các bác sỹ, điều dưỡng.

1.3.2. Trách nhiệm với bản thân

- Tự tìm tòi, trao đổi kiến thức trên lâm sàng dựa trên những kiến thức đã được trang bị.
- Có trách nhiệm đúc kết những kiến thức, kinh nghiệm lâm sàng để sau này trở thành bác sỹ giỏi.
- Hình thành khả năng làm việc độc lập, kết hợp nhóm.
- Tăng cường khả năng tư duy, phán đoán trên lâm sàng.
- Chú trọng đạo đức, an toàn trong nghề nghiệp.

1.3.3. Trách nhiệm với đồng nghiệp

- Có tinh thần cộng tác, học hỏi lẫn nhau.
- Có trách nhiệm bảo vệ và trung thực với đồng nghiệp.
- Luôn tôn trọng kiến thức của đồng nghiệp.

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Hoàn thành đủ thời gian tham gia học LT, LS theo quy định
- Hoàn thành các thủ tục theo quy định của phòng QLĐT
- Đủ các minh chứng học bù, học lại (nếu có) hợp lệ
- Đủ chữ ký duyệt thi của bộ môn, phòng chức năng.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương chi tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
5.	Lần 1	05/2019	Trần Thị Minh Tân
6.	Lần 2	05/2021	Trần Thị Minh Tân
7.	Dự kiến	Năm 2023	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
BỘ MÔN TÂM THẦN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NĂM 2021

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Tâm thần học

Tên tiếng Anh: Psychiatry

Mã học phần: 3130PSYCHIOT, 3130PSYCHIOT

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. HÀNH CHÍNH

3. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	BSYHDP năm thứ 5
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	 16 34 36 14
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	4
Giữa học phần:	2

Kết thúc học phần:	2
Học phần học trước:	Học theo lịch của phòng đào tạo
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn tâm thần

2. Mô tả chung về học phần:

2.1. Lý thuyết:

Chương trình lý thuyết bao gồm phần đại cương phần này nêu lên khái niệm thế nào là các rối loạn tâm thần. Tầm quan trọng của tâm thần học trong y học nói riêng và trong cuộc sống của con người nói chung. Nêu các quan niệm khác nhau về tâm thần. Nêu vấn đề bệnh nguyên, bệnh sinh của các rối loạn tâm thần để từ đó tìm ra cách phòng chữa và giám định các trường hợp bị rối loạn tâm thần.

Phần triệu chứng học mô tả chi tiết các triệu chứng của bệnh giúp cho người học nắm chắc các triệu chứng bệnh lý và biết phân biệt với sinh lý bình thường của con người.

Phần bệnh học nêu lên triệu chứng, vấn đề bệnh nguyên, vấn đề bệnh sinh. Nêu cụ thể tiêu chuẩn chẩn đoán cho một số bệnh tâm thần thường gặp. Nêu nguyên tắc điều trị chung cho các rối loạn tâm thần và riêng cho từng loại bệnh cụ thể để giúp sinh viên nắm chắc được cách điều trị và dự phòng bệnh tái phát.

2.2. Lâm sàng:

Sinh viên đi thực tập tại bệnh viện tâm thần tham gia học tập hỏi và khám trên người bệnh cụ thể có thầy cô tham gia điều trị giảng dạy và các bác sỹ lâm sàng có nhiều kinh nghiệm. Học về cách khai thác bệnh nhân về triệu chứng bệnh, thời gian xuất hiện bệnh, số lần tái phát, về tiền sử gia đình có người thân nội ngoại 3 đời bị các rối loạn tâm thần từ đó sinh viên phải lập luận chẩn đoán và điều trị cho bệnh nhân thông qua bệnh án chi tiết. Mỗi khóa học sinh viên có những buổi giảng của giảng viên về phát hiện các triệu chứng cụ thể trên bệnh nhân(Giảng đầu giường). Sau đó có những buổi bình bệnh án (nghiên cứu từng ca) giúp cho sinh viên lập luận và chẩn đoán chắc chắn và đưa ra phương án điều trị cụ thể.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

STT	Họ và tên	Học hàm/ học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Bình	PGS-TS	0912.301.748	binhnt@tbump.edu.vn	Phụ trách
2	Nguyễn Chí Linh	ThS	0983.647.439	Chilinhhanam@gmail.com	Giảng viên
3	Trần Thị Hải Yến	ThS	0913..081.001	Tranyen_dr@yahoo.com.vn	Giảng viên
4	Trần Thị Hòa	ThS	0962.311.622	bs.hoa1302@gmail.com	Giảng viên
5	Bùi Thị Hiền	BSCKI	0988.151.179	hienbmtt@gmail.com	Giảng viên

4. Mục tiêu học phần

STT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Kiến thức: - Trình bày được các triệu chứng, các hội chứng trong các rối loạn tâm thần thường gặp. - Trình bày được các tiêu chuẩn chẩn đoán và các phương pháp xử trí các rối loạn tâm thần thường gặp. - Trình bày được một số phương pháp điều trị, tổ chức quản lý công tác chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng.	PEO 1,2

2	Kỹ năng - Phát hiện được những biểu hiện rối loạn tâm thần trong cộng đồng. - Chẩn đoán chính xác và xử trí được một số rối loạn tâm thần thường gặp trong cộng đồng. - Biết cách tổ chức và quản lý, điều trị ngoại trú, chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng.	PEO 3 PEO 4
3	Thái độ : - Sức khỏe tâm thần là một vấn đề xã hội quan trọng trong chăm sóc sức khỏe nói chung. - Việc phát hiện và xử trí sớm các rối loạn tâm thần làm giảm hậu quả xấu lâu dài ảnh hưởng đến chất lượng sống của bệnh nhân tâm thần. - Giáo dục sức khỏe tâm thần cho cộng đồng có ý nghĩa to lớn trong việc nâng cao sức khỏe tâm thần nói riêng, sức khỏe cộng đồng nói chung	PEO 5

5. Chuẩn đầu ra học phần

STT	CĐR học phần	Mức độ đạt (S,H) (S,H)/ CĐR của CTĐT (PLO)
1	Kiến thức	S: PLO 1,2 H: PLO 3,4,5
2	Kỹ năng	S: PLO 6,7,9,10,11,12 H: PLO 8,13
3	Thái độ	S: PLO 14

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Bài 1. Đại cương tâm thần học 1. Nội dung và đối tượng nghiên cứu của tâm thần học 2. Tầm quan trọng của tâm thần học 3. Phân biệt bệnh tâm thần với bệnh thần kinh 4. Sự liên quan giữa tâm thần học với các khoa học khác 5. Lịch sử phát triển của ngành tâm thần học 6. Đặc điểm riêng của các triệu chứng và các hội chứng tâm thần - Các đặc điểm riêng cơ bản của các triệu chứng và các hội chứng - Triệu chứng âm tính và triệu chứng dương tính	2	1. Hiểu được nội dung, đối tượng nghiên cứu và tầm quan trọng của tâm thần học 2. Phân biệt được bệnh tâm thần và bệnh thần kinh. Sự liên quan giữa tâm thần học và các môn khoa học khác 3. Kể ra được các triệu chứng âm tính và các triệu chứng dương tính trong tâm thần học	PLO 1,2
2	Bài 2. Rối loạn cảm giác và tri giác 1. Khái niệm tâm lý học về cảm giác và tri giác 2. Rối loạn cảm giác 2.1. Tăng cảm giác	1	1. Thuộc được khái niệm cảm giác, tri giác 2. Phân biệt được các rối	PLO 1,2

	2.2. Giảm cảm giác 2.3. Loạn cảm giác bản thể 3. Rối loạn tri giác 3.1. Ảo giác: - Khái niệm ảo giác - Cách phân loại ảo giác 3.2. Ảo tưởng 5. 4. Các rối loạn tâm lý giác quan		loạn cảm giác và tri giác 3. Phân loại được các rối loạn về tri giác	
3	Bài 3. Rối loạn cảm xúc 1. Khái niệm tâm lý học về cảm xúc 2. Phân loại cảm xúc 2.1. Cách thứ nhất: chia ra cảm xúc cao và cảm xúc thấp 2.2. cách thứ hai: chia theo cảm xúc dương tính và cảm xúc âm tính 2.3. Cách thứ ba: chia theo cường độ của cảm xúc 3. Các triệu chứng rối loạn cảm xúc 3.1. Các triệu chứng thuộc về tăng cảm xúc 3.2. Các triệu chứng thuộc về giảm cảm xúc 3.3. Các rối loạn cảm xúc dị thường 4. Các hội chứng rối loạn cảm xúc. 4.1. Hội chứng trầm cảm 4.2. Hội chứng hưng cảm 4.3. Hội chứng loạn cảm	1	1. Thuộc được khái niệm về cảm xúc 2. Phân loại được cảm xúc 3. Phát hiện các rối loạnj cảm xúc 4. Quy được các triệu chứng thành các hội chứng rối loạn cảm xúc	PLO 1,2

4	Bài 4 : Rối loạn tư duy 1. Khái niệm tâm lý học về tư duy 2. Các rối loạn về tư duy 2.1. Rối loạn về hình thức tư duy - Nhịp độ ngôn ngữ Nhịp nhanh (tư duy phi tán, tư duy dồn dập, tư duy hồ lớn) nhịp chậm(Tư duy chậm chạp, tư duy ngắt quãng, tư duy lai nhai, tư duy kiên định) - Theo hình thức phát ngôn (nói một mình, nói tay đôi tưởng tượng, không nói, trả lời bên cạnh, Trả lời lặp lại) - Theo kết cấu ngôn ngữ: Rối loạn kết âm, phát âm. rối loạn ngữ pháp và logic. chơi chữ... - Theo mục đích, ý nghĩa của ngôn ngữ 2.2. Rối loạn nội dung tư duy - Định kiến - Ảm ảnh - Hoang tưởng: Khái niệm, Cách phân loại hoang tưởng 3. Các hội chứng rối loạn tư duy 3.1. Hội chứng paranoia 3.2. hội chứng paranoide 3.3. hội chứng paraphrenia 3.4. Hội chứng nghi bệnh 3.5. hội c hứng ảm ảnh	2	1. Thuộc được khái niệm thế nào là tư duy 2. Biết phân loại được các rối loạn về tư duy 3. Phân biệt được hoang tưởng, ảm ảnh, định kiến 4. Quy được các triệu chứng thành các hội chứng rối loạn về tư duy	PLO1,2
---	---	---	---	--------

5	Bài 5. Rối loạn hoạt động có ý chí 1. Khái niệm tâm lý học về hoạt động bản năng và hoạt động có ý chí. 2. Rối loạn hoạt động có ý chí 2.1. Rối loạn vận động 2.2. Rối loạn hoạt động có ý chí 2.3. Rối loạn hoạt động bản năng 3. Các hội chứng rối loạn hoạt động có ý chí. 3.1. Các hội chứng hưng phấn tâm lý vận động 3.2. Các hội chứng ức chế tâm lý vận động	1	1. Thuộc được khái niệm về hoạt động có ý chí và hoạt động bản năng 2. Phát hiện được các rối loạn hoạt động có ý chí và rối loạn hoạt động bản năng 3. Phân tích được các hội chứng rối loạn hoạt động có ý chí	PLO 1,2
6	Bài 6. Rối loạn trí tuệ 1. Khái niệm tâm lý học về trí tuệ 2. Rối loạn trí tuệ 2.1. Các hội chứng trí tuệ thiếu năng - Hội chứng ngu - Hội chứng đần - Hội chứng thộn 2.2. Các hội chứng sa sút trí tuệ - Trí tuệ sa sút toàn bộ - Trí tuệ sa sút từng phần	1	1. Thuộc khái niệm tâm lý học về trí tuệ 2. Nêu và phân tích được các hội chứng trí tuệ thiếu năng 3. Nêu và Phân tích được các hội chứng trí tuệ sa sút	PLO 1,2
7	Bài 7. Rối loạn trí nhớ, sự chú ý 1. Rối loạn trí nhớ 1.1. Khái niệm tâm lý học về trí nhớ	1	1. Thuộc khái niệm tâm lý học về trí nhớ	PLO1,2

	1.2. Các rối loạn trí nhớ - Giảm nhớ - Tăng nhớ - Mất nhớ hay quên - Loạn nhớ 2. Rối loạn sự chú ý 2.1. Khái niệm tâm lý học 2.2. Phân loại chú ý 2.3. thuộc tính của chú ý 2.4. Các rối loạn sự chú ý		2. Phân tích được quá trình hình thành trí nhớ 3. Nêu được các rối loạn về trí nhớ 4. Thuộc khái niệm tâm lý học về sự chú ý. Các rối loạn sự chú ý	
8	Bài 8. Rối loạn ý thức 1. Khái niệm về ý thức 2. Các hội chứng rối loạn ý thức 2.1. Các hội chứng ý thức bị loại trừ - Hội chứng ý thức u ám - Hội chứng ngủ gà - Hội chứng bán hôn mê - Hội chứng hôn mê 2.2. Các hội chứng ý thức bị mù mờ - Hội chứng mê sảng - Hội chứng mê mộng - Hội chứng lú lẫn - Hội chứng hoang hôn		1. Thuộc khái niệm về ý thức 2. Phân tích được các hội chứng rối loạn ý thức bị loại trừ 3. Phân tích được các hội chứng rối loạn ý thức bị mù mờ	PLO 1,2

9	Bài 9. Tâm thần phân liệt 1. Khái niệm về bệnh tâm thần phân liệt 2. Các triệu chứng lâm sàng - Nhóm triệu chứng cổ điển - Nhóm triệu chứng lâm sàng theo ICD - 10 3. Tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh theo ICD-10 4. Các thể lâm sàng của bệnh tâm thần phân liệt 5. Chẩn đoán phân biệt 6. Tiên lượng của bệnh 7. Nguyên nhân của bệnh 8. Các phương pháp điều trị bệnh tâm thần phân liệt 9. Phòng bệnh	4	1. Thuộc khái niệm về bệnh TTPL 2. Nêu và phân tích các nhóm triệu chứng của bệnh theo TTPL ICD-X. 2. Nêu được tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh 3. Chẩn đoán được các thể bệnh TTPL 4. Nêu được nguyên tắc điều trị và điều trị cụ thể bệnh TTPL	PLO 1,2,7,8
10	Bài 10. Rối loạn trầm cảm 1. Khái niệm về rối loạn trầm cảm 2. Dịch tễ học về rối loạn trầm cảm 3. Nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ của rối loạn trầm cảm 4. Biểu hiện lâm sàng của một giai đoạn trầm cảm 5. Tiêu chuẩn chẩn đoán một giai đoạn trầm cảm theo ICD- 10. 6. Các thể trầm cảm không điển hình	2	1. Nêu được nguyên nhân và yếu tố nguy cơ của RL trầm cảm 2. Nêu được các triệu chứng của giai đoạn trầm cảm	PLO, 1,2, 7,8

	7. Điều trị rối loạn trầm cảm		3. Phân tích được các giai đoạn trầm cảm 4. Nêu được nguyên tắc điều trị RLTC	
11	Bài 11. Đại cương các bệnh tâm căn 1. Khái niệm về bệnh tâm căn, các quan niệm về bệnh tâm căn. 2. Nguyên nhân gây ra bệnh tâm căn 3. Vai trò của nhân cách trong bệnh tâm căn 4. Vai trò của cơ thể và môi trường trong bệnh tâm căn 5. Ranh giới giữa bệnh tâm căn và các rối loạn tâm thần khác. 6. Phân biệt bệnh tâm căn với nhân cách bệnh	2	1. Thuộc được khái niệm bệnh tâm căn 2. Phân tích nguyên nhân của bệnh tâm căn 3. Phân tích được các yếu tố gây nên bệnh tâm căn	PLO 1,2
12	Bài 12. Tâm căn suy nhược 2.1. Nguyên nhân của bệnh tâm căn 2.2. Yếu tố cơ thể trong bệnh tâm căn 2.3. Yếu tố nhân cách và loại hình thần kinh trong bệnh tâm căn 2.4. Triệu chứng của bệnh 2.5. Các thể tiến triển của bệnh 2.6. Nguyên tắc chẩn đoán bệnh tâm căn suy nhược 2.7. Các phương pháp điều trị bệnh tâm căn suy nhược	1	1. Nêu được nguyên nhân và các yếu tố gây nên bệnh tâm căn suy nhược 2. Nêu các triệu chứng, chẩn đoán bệnh TCSN	PLO1,2,7,8

	2.8. Phòng bệnh tâm căn suy nhược		3. Nêu nguyên tắc điều trị bệnh	
13	Bài 13. Rối loạn phân ly 2.1. Khái niệm về rối loạn phân ly 2.2. Nguyên nhân và các nhân tố thuận lợi của rối loạn phân ly 2.3. Đặc điểm sinh lý bệnh của bệnh rối loạn phân ly 2.3. Triệu chứng của bệnh 2.4. Tiêu chuẩn chẩn đoán rối loạn phân ly 2.5. Điều trị rối loạn phân ly 2.6. Phòng các rối loạn phân ly	2	1. Nêu được nguyên nhân và các yếu tố gây nên RLPL 2. Nêu được các triệu chứng của RLPL 3. Nêu tiêu chuẩn chẩn đoán RLPL và nguyên tắc điều trị	PLO1,2,7,8
14	Bài 14. Nghiện rượu Khái niệm lạm dụng rượu, nghiện rượu Chuyển hóa của rượu Biểu hiện lâm sàng của Nghiện rượu Tiêu chuẩn chẩn đoán nghiện rượu, hội chứng cai rượu Nguyên nhân Tác hại của nghiện rượu Điều trị và phòng chống nghiện rượu	2	1. Nêu được khái niệm về lạm dụng rượu và nghiện rượu 2. Nêu được các tiêu chuẩn chẩn đoán nghiện rượu mạn tính 3. Chẩn đoán được các giai đoạn của nghiện rượu	PLO1,2,7,8

			4. Nêu được tác hại của rượu và cách điều trị	
15	Bài 15. Động kinh tâm thần Định nghĩa Dịch tễ học Sinh lý bệnh Phân loại động kinh Nguyên nhân động kinh Biểu hiện lâm sàng Chẩn đoán xác định Chẩn đoán phân biệt Điều trị và phòng bệnh	1	1. Thuộc được định nghĩa của Động kinh 2. Nêu được nhóm nguyên nhân và phân loại bệnh động kinh 3. Nêu được cách điều trị và dự phòng động kinh	PLO1,2,7
16	Bài 16. Xử trí các cấp cứu tâm thần 1. Kích động Định nghĩa trạng thái kích động Nguyên nhân gây kích động Đặc điểm trạng thái kích động trong một số bệnh tâm thần thường gặp Phương pháp xử trí 2. Tự sát Định nghĩa tự sát Dịch tễ học tự sát Nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ Các phương thức tự sát thường gặp	2	1. Nêu và phân tích được nguyên nhân và cách xử trí bệnh nhân kích động 2. Nêu và phân tích được nguyên nhân và cách xử trí bệnh nhân tự sát 3. Nêu và phân tích được nguyên nhân,	PLO1,2,7,8

	Phát hiện sớm, theo dõi, quản lý bệnh nhân có ý tưởng và hành vi tự sát Liệu pháp tâm lý Các vấn đề cần tư vấn cho người nhà bệnh nhân 3. Không ăn uống 3.1. Nguyên nhân không chịu ăn uống - Do hoang tưởng chi phối - Do ảo giác chi phối - Do trạng thái ám ảnh - Do rối loạn bản năng ăn uống - Do trạng thái căng trương lực - Do hội chứng cai 3.2. Cách xử trí Chủ yếu là điều trị bệnh tâm thần chính gây ra hiện tượng không chịu ăn uống... Bằng mọi cách cung cấp dinh dưỡng cho bệnh nhân bằng các phương pháp khác khi có thể		cách xử trí bệnh nhân không chịu ăn uống	
17	Bài 17: Nghiện ma túy 1. Quan niệm của chuyên ngành Tâm thần về chất ma túy và nghiện ma túy 1.1. Định nghĩa chất ma túy 1.2. Phân loại chất ma túy 1.3. Định nghĩa nghiện ma túy 1.4. Cơ chế gây nghiện ma túy 2. Nguyên nhân dẫn đến nghiện ma túy	2	1. Nêu được quan niệm về chất ma túy và thể nào là nghiện ma túy 2. Nêu được nguyên nhân nghiện ma túy	PLO 1,2,7,8

	3. Hội chứng cai ma túy theo ICD-10 4. Các tiêu chuẩn chẩn đoán nghiện ma túy theo ICD-10 5. Ảnh hưởng và tác hại của nghiện ma túy 5.1. Ảnh hưởng và tác hại của nghiện ma túy đối với người nghiện 5.2. Ảnh hưởng và tác hại của nghiện ma túy đối với gia đình và xã hội 6. Các phương pháp điều trị nghiện ma túy 7. Dự phòng nghiện ma túy		3. Nêu được tiêu chuẩn chẩn đoán nghiện ma túy 4. Nêu được tầm ảnh hưởng của nghiện ma túy với bản thân, gia đình và xã hội 5. Nêu được các phương pháp điều trị và dự phòng nghiện ma túy	
18	BÀI 18. Đại cương các rối loạn tâm thần thực tổn 1. Khái niệm về rối loạn tâm thần thực tổn 2. Nguyên nhân gây ra rối loạn tâm thần thực tổn 3. Phân loại rối loạn tâm thần thực tổn 4. Hội chứng tâm thần thực tổn 5. Lâm sàng 5.1. Rối loạn tâm thần thực tổn cấp tính 5.2. Rối loạn tâm thần thực tổn kéo dài 5.3. Rối loạn tâm thần do tổn thương khu trú ở não 6. Các tiêu chuẩn chẩn đoán rối loạn tâm thần thực tổn	2	1. Nêu được khái niệm, nguyên nhân RLTTT 2. Nêu được các hội chứng RLTTT 3. Nêu được các tiêu chuẩn chẩn đoán RLTTT 4. Nêu được nguyên tắc điều trị RLTTT	PLO 1,2

	7. Một số bệnh thường gây ra rối loạn tâm thần thực tổn 8. Nguyên tắc điều trị rối loạn tâm thần thực tổn			
18	BÀI 18: Chăm sóc sức khỏe tâm thần cộng đồng 1. Khái niệm về sức khỏe và sức khỏe tâm thần 1.1 Sức khỏe là gì : 1.2. Sức khỏe tâm thần 2. Thế nào là bệnh tâm thần, nguyên nhân và tỷ lệ bệnh 2.1. Thế nào là bệnh tâm thần 2.2. Nguyên nhân 2.3. Phân loại 2.4. Tỷ lệ 3. Chăm sóc sức khỏe tâm thần cộng đồng 3.1. Cơ sở pháp lý 3.2. Chăm sóc sức khỏe tâm thần cộng đồng là gì ? 3.3. Nội dung của chăm sóc sức khỏe tâm thần cộng đồng	1	1. Nêu và phân tích được khái niệm thế nào là sức khỏe tâm thần 2. Nêu được nguyên nhân của các rối loạn tâm thần 3. Biết được cách phân loại các rối loạn tâm thần 4. Nêu được nội dung của việc chăm sóc sức khỏe tâm thần cộng đồng.	PLO11,12

2. Lâm sàng

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	Cách khám bệnh nhân rối loạn tâm thần	2	Sau khi học xong bài này sv phải khám và phát hiện	PLO 5

			những triệu chứng, hội chứng rối loạn tâm thần	
2	Cách làm bệnh án tâm thần	2	Sau khi học xong bài này sv phải lập được bệnh án, chẩn đoán và điều trị được một số rối loạn tâm thần thường gặp	PLO 16

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY/ HỌC

1. Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp.
2. Lâm sàng: case study, hướng dẫn trực tiếp trên bệnh nhân

IV. PHƯƠNG TIỆN VÀ VẬT LIỆU DẠY/ HỌC

1. Lý thuyết: tài liệu phát tay, giáo trình bộ môn biên soạn
2. Lâm sàng: bệnh nhân, case study

V. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

Thang điểm 10

- Lý thuyết : Test lượng giá
- Lâm sàng: Làm bệnh án và vấn đáp

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	1					10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	2	Lý thuyết	Câu hỏi ngắn			10
Điểm thực hành (ĐTH)		Làm bệnh án trên	Hỏi thi trên bệnh			10

		bệnh nhân cụ thể	nhân và bệnh án			
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)		Lý thuyết	Thi test			10

Công thức tính điểm:

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	Không
Nghỉ học có phép	Không
Nghỉ học không phép	Không
Đi muộn	1 buổi trừ 0,2đ

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Trả lời được dưới 40% câu hỏi	Trả lời được từ 40% đến 54% câu hỏi	Trả lời được từ 54% đến 69% câu hỏi	Trả lời được từ 70% đến 84% câu hỏi	Trả lời được từ 85% trở lên

VI. TÀI LIỆU HỌC TẬP VÀ THAM KHẢO

1. Giáo trình tâm thần học 2014 – xbGDVN. Đại học y dược Thái Bình
2. Bảng phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 (ICD - X)
3. Bệnh học tâm thần 2016, NXBY Học
4. Bệnh động kinh ở trẻ em. Ninh Thị Ứng 2002 NxbY
5. Bệnh động kinh, 2001, Nxb Y Học
6. Động kinh, năm 2005, ĐHY Hà Nội

7. Cai nghiện ma túy và game online Bùi Quang Huy – 2013. Y Học
8. Cơ sở lâm sàng của tâm thần học, Nxb Y Học năm 2003
9. Rối loạn cảm xúc lưỡng cực. Bùi Quang Huy 2009. Y Học
10. Rối loạn tâm thần thực tổn (giáo trình giảng dạy sau đại học) Học viện Quân y 2002, Nxb Quân đội nhân dân.
11. Tâm thần học, PGS. Trần Đình Xiêm, năm 1995
12. Tâm thần học năm 1980
13. Tâm thần học, Nhà xuất bản “MIR”- MATXCÔVA, Nhà xuất bản y học Hà Nội.
14. Tâm thần học, năm 1984, NXB Y Hà nội
15. Trầm cảm, Bùi Quang huy, 2008, Y Học

VIII. QUY ĐỊNH VỚI SINH VIÊN

1. Nhiệm vụ của sinh viên: Tham gia đầy đủ thời gian học tập cả lâm sàng và lý thuyết
2. Quy định điều kiện dự thi: Theo quy chế và điều kiện dự thi của bộ giáo dục và đào tạo.

IX. TIẾN TRÌNH CẬP NHẬT ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	5/2019	Nguyễn Chí Linh
2.	Lần 2	5/2021	Nguyễn Chí Linh
3.	Dự kiến lần 3	5/2023	
4.			
5.			

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÁI BÌNH **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
BỘ MÔN/KHOA: TRUYỀN NHIỄM
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NĂM 2021

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Truyền nhiễm

Tên tiếng Anh:

Mã học phần:

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

II. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	4 TC (2 LT/ 2 LS)
Số tiết Lý thuyết:	32 tiết
Thảo luận :	0
Số giờ tự học:	68
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	60
Thảo luận:	0
Số giờ tự học:	40
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	
Giữa học phần:	2

Kết thúc học phần:	2
Học phần học trước:	Chẩn đoán hình ảnh, Vi-ký sinh trùng, Sinh hóa, Sinh lý, Sinh lý bệnh, Nội triệu chứng,...
Học phần tiên quyết:	Không
Học phần song hành:	Không
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Truyền nhiễm

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Truyền nhiễm là một trong những môn y học lâm sàng cơ bản trong chương trình đào tạo bác sỹ Y học dự phòng. Học phần lý thuyết sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, phát hiện biến chứng và phòng những bệnh Truyền nhiễm thường gặp. Học phần lâm sàng: sinh viên sẽ vận dụng kiến thức học được từ học phần lý thuyết khi đi lâm sàng tại khoa Truyền nhiễm, từ đó biết cách khai thác bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ, thăm khám phát hiện triệu chứng thực thể, ra chỉ định cận lâm sàng phù hợp nhằm đưa ra chẩn đoán xác định cho người bệnh và kế hoạch điều trị, theo dõi. Hướng dẫn và tư vấn người bệnh cùng người nhà biết cách phòng bệnh cho gia đình và cộng đồng.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/ học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
5.	Nguyễn Thị Hoàng Hải	Thạc sỹ	0913063145	nguyenhai66vn@gmail.com	Phụ trách
6.	Hoàng Thị Hạnh	Thạc sỹ	0985334056	hanhytb@gmail.com	Tham gia
7.	Trương Thị Minh Diệu	Thạc sỹ	0983557169	minhdiu051211@gmail.com	Tham gia

8.	Nguyễn Ngọc Anh	Thạc sĩ	0374707291	ngocanhnguyen2221985@gmail.com	Tham gia
9.	Lê Trung Kiên	Thạc sĩ	0968589304	letrungkien17121989@gmail.com	Tham gia
10.	Hồ Thị Huế	Bác sĩ	0349054690	Hohueydtb95@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Trình bày được đặc điểm dịch tễ học của những bệnh truyền nhiễm thường gặp	PEO 1, 2
2.	Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của những bệnh truyền nhiễm thường gặp, từ đó áp dụng để chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt	PEO 1, 2
3.	Trình bày được nguyên tắc điều trị và điều trị cụ thể của những bệnh truyền nhiễm thường gặp	PEO 1,2
4.	Trình bày được biến chứng và biện pháp phòng bệnh của những bệnh truyền nhiễm thường gặp và làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm	PEO 1,2
5.	Nắm vững pháp luật và chính sách bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm	PEO 4, 5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
1.	- Trình bày được đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng và cận lâm sàng của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp - Vận dụng kiến thức để chẩn đoán được một số bệnh truyền nhiễm thường gặp và chẩn đoán phân biệt	H: PLO 1,5,6,7
2.	- Thực hiện kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám để phát hiện triệu chứng quan trọng của bệnh - Thực hành chăm sóc và điều trị trên người bệnh từ kế hoạch chăm sóc và điều trị đã được lập trước đó - Tư vấn cách phòng bệnh cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng - Biết cách theo dõi, phát hiện sớm những biến chứng của bệnh	H: PLO 1,5,6,7
3.	Luôn có trách nhiệm với công việc, thực hành theo y đức, đạo đức nghề nghiệp	H: PLO 10,11,12,13
4.	Luôn trung thực khách quan, tôn trọng giảng viên, chân thành hợp tác tốt với bạn học	H: PLO 10,11,12,13

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1. HIV/AIDS 2. Định nghĩa 3. Dịch tễ học 4. Sinh bệnh học 5. Phân loại lâm sàng 6. Biểu hiện lâm sàng nhiễm HIV/AIDS 7. Phân loại giai đoạn lâm sàng nhiễm HIV/AIDS 8. Chẩn đoán 9. Điều trị 10. Dự phòng lây nhiễm HIV từ mẹ sang con 11. Phòng bệnh	3	1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ học và các xét nghiệm chẩn đoán nhiễm HIV/AIDS. 2. Trình bày được phân loại và biểu hiện lâm sàng của nhiễm HIV/AIDS 3. Chẩn đoán và điều trị được các bệnh nhiễm trùng cơ hội thường gặp 4. Trình bày được biện pháp phòng bệnh và dự phòng lây nhiễm HIV từ mẹ sang con	PLO 1,5,6, 7,10,1 1,12,1 3
2	Bài 2. Viêm màng não do não mô cầu 1. Đại cương	2	1. Trình bày được đặc	PLO 1,5,6,

	2. Dịch tễ học 3. Sinh bệnh học 4. Lâm sàng 5. Thể lâm sàng 6. Biến chứng 7. Chẩn đoán 8. Điều trị 9. Phòng bệnh		điểm dịch tễ học và cơ chế bệnh sinh của bệnh viêm màng não do não mô cầu 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh viêm màng não do não mô cầu 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh viêm màng não do não mô cầu	7,10,1 1,12,1 3
3	Bài 3. Uốn ván 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Sinh bệnh học 4. Lâm sàng 5. Biến chứng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị	2	1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ học và cơ chế bệnh sinh của bệnh uốn ván 2. Trình bày được triệu	PLO 1,5,6, 7,10,1 1,12,1 3

	8. Phòng bệnh		chứng lâm sàng, cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh uồn ván 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh uồn ván	
4	Bài 4. Viêm gan virus cấp 1. Đại cương 2. Các virus viêm gan 3. Lâm sàng viêm gan virus cấp 4. Các xét nghiệm chức năng gan 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	2	1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ học của các loại virus viêm gan 2. Trình bày được biểu hiện lâm sàng của viêm gan virus cấp từ đó chẩn đoán được bệnh viêm gan virus cấp và diễn biến của các dấu ấn của virus viêm gan B	PLO 1,5,6, 7,10,1 1,12,1 3

			3. Trình bày được phương pháp điều trị và biện pháp phòng bệnh viêm gan virus	
5	Bài 5. Lỵ amip 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh 4. Lâm sàng 5. Biến chứng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	1	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh của lỵ amip 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh lỵ amip 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh lỵ amip	PLO 1,5,6, 7,10,1 1,12,1 3
6	Bài 6. Lỵ trực khuẩn 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh	1	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh và	PLO 1,5,6, 7,10,1

	4. Lâm sàng 5. Biền chứng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Phòng bệnh		giải phẫu bệnh của lý trực khuẩn 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh lý trực khuẩn 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh lý trực khuẩn	1,12,1 3
7	Bài 7. Tả 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Cận lâm sàng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	1	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh của bệnh tả 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh tả. Phân loại	PLO 1,5,6, 7,10,1 1,12,1 3

			được mức độ mất nước 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh tả	
8	Bài 8. Thương hàn 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Biến chứng 6. Cận lâm sàng 7. Chẩn đoán 8. Điều trị 9. Phòng bệnh 10. Kế hoạch chăm sóc	2	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh của bệnh thương hàn 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh thương hàn. Nêu được 4 biến chứng chính của bệnh 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh thương hàn	PLO 1,5,6, 7,10,1 1,12,1 3

9	Bài 9. Sởi 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Sinh bệnh học 4. Lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Biến chứng 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	2	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh của bệnh sởi 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh sởi 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh sởi	PLO 1,5,6, 7,10,1 1,12,1 3
10	Bài 10. Quai bị 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh 4. Lâm sàng 5. Cận lâm sàng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	1	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh của bệnh quai bị 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng của quai bị thể thông	PLO 1,5,6, 7,10,1 1,12,1 3

			thường, thể viêm tinh hoàn, viêm tụy, viêm màng não 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh quai bị	
11	Bài 11. Sốt xuất huyết Dengue 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Cận lâm sàng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	2	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh của bệnh sốt xuất huyết Dengue 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh sốt xuất huyết Dengue 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh	PLO 1,5,6, 7,10,1 1,12,1 3

			sốt xuất huyết Dengue	
12	Bài 12. Sốt rét 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Cận lâm sàng 6. Chẩn đoán 7. Các thuốc chống sốt rét 8. Điều trị 9. Phòng bệnh	2	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh của bệnh sốt rét 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh sốt rét 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh sốt rét	PLO 1,5,6, 7,10,1 1,12,1 3
13	Bài 13. Nhiễm khuẩn-nhiễm độc thức ăn A. Nhiễm khuẩn-nhiễm độc thức ăn do Salmonella B. Nhiễm khuẩn-nhiễm độc thức ăn do tụ cầu C. Nhiễm khuẩn-nhiễm độc thức ăn do Clostridium perfringens D. Nhiễm khuẩn-nhiễm độc thịt hộp (Botulisme)	1	1. Trình bày được dịch tễ học chính của bệnh nhiễm khuẩn nhiễm độc thức ăn do các nguyên nhân	PLO 1,5,6, 7,10,1 1,12,1 3

	1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh		2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh nhiễm khuẩn nhiễm độc thức ăn do các nguyên nhân 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh nhiễm khuẩn nhiễm độc thức ăn do các nguyên nhân	
14	Bài 14 : Leptospira 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	2	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh của bệnh Leptospira 2. Trình bày được triệu	PLO 1,5,6, 7,10,1 1,12,1 3

			chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh Leptospira	
15	Bài 15 : Sốt mò 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	1	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh của bệnh sốt mò 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh sốt mò 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh sốt mò	PLO 1,5,6, 7,10,1 1,12,1 3
16	Bài 16 : Ho gà 1. Đại cương	1	1. Trình bày được dịch tễ	PLO 1,5,6,

	2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh		học, cơ chế bệnh sinh bệnh ho gà 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh ho gà 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh ho gà	7,10,1 1,12,1 3
17	Bài 17 : Đại 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	1	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh của bệnh đại 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh đại 3. Trình bày được điều trị	PLO 1,5,6, 7,10,1 1,12,1 3

			và phòng bệnh dại	
18	Bài 18 : Dịch hạch 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	1	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh của bệnh dịch hạch 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh dịch hạch 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh dịch hạch	PLO 1,5,6, 7,10,1 1,12,1 3
19	Bài 19 : Cúm 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	1	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh của bệnh cúm 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận	PLO 1,5,6, 7,10,1 1,12,1 3

			lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh cúm 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh cúm	
20	Bài 20 : Bạch hầu 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	1	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh của bệnh bạch hầu 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh bạch hầu 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh bạch hầu	PLO 1,5,6, 7,10,1 1,12,1 3
21	Bài 21 : Viêm não Nhật Bản 1. Đại cương 2. Dịch tễ học	2	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế	PLO 1,5,6, 7,10,1

	3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh		bệnh sinh của bệnh viêm não Nhật Bản 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh viêm não Nhật Bản 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh viêm não Nhật Bản	1,12,13
--	--	--	--	---------

2. Lâm sàng

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài 1: Hướng dẫn cách làm bệnh án Truyền nhiễm 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán	2	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố dịch tễ và triệu	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

	7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh	chứng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng phù hợp - Vận dụng kiến thức lý thuyết và triệu chứng của người bệnh thực tế để chẩn đoán xác định bệnh, từ đó lên kế hoạch điều trị cụ thể - Tiên lượng được bệnh và hướng dẫn được người bệnh,	
--	---	--	--

			người nhà cách phòng bệnh	
2	Bài 2: Chẩn đoán và điều trị người bệnh viêm màng não 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh	6	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố dịch tễ và triệu chứng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng của người bệnh viêm màng não - Chẩn đoán được người bệnh viêm màng não và đưa ra	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

			kế hoạch điều trị, theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn biện pháp phòng bệnh	
3	Bài 3: Chẩn đoán và điều trị người bệnh uốn ván 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh	4	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố dịch tễ và triệu chứng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng của người	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

			bệnh uốn ván - Chẩn đoán được người bệnh uốn ván và đưa ra kế hoạch điều trị, theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn biện pháp phòng bệnh	
4	Bài 4: Chẩn đoán và điều trị người bệnh viêm gan virus 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán	6	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố dịch tễ và triệu chứng	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

	7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh		thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng của người bệnh viêm gan virus - Chẩn đoán được người bệnh viêm gan virus và đưa ra kế hoạch điều trị, theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn biện pháp phòng bệnh	
5	Bài 5: Chẩn đoán và điều trị người bệnh tiêu chảy 1. Hành chính	4	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

	2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh	hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố dịch tễ và triệu chứng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng của người bệnh lý amip cấp - Chẩn đoán được người bệnh lý amip cấp và đưa ra kế hoạch điều trị, theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn	
--	---	--	--

			biện pháp phòng bệnh	
6	Bài 6: Chẩn đoán và điều trị người bệnh sốt phát ban 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh	4	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố dịch tễ và triệu chứng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng của người bệnh sốt phát ban - Chẩn đoán được người bệnh sốt phát ban và đưa ra kế hoạch	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

			điều trị, theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn biện pháp phòng bệnh	
7	Bài 7: Chẩn đoán và điều trị người bệnh quai bị 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh	2	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố dịch tễ và triệu chứng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng của người bệnh quai bị	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

			- Chẩn đoán được người bệnh quai bị và đưa ra kế hoạch điều trị, theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn biện pháp phòng bệnh	
8	Bài 8: Chẩn đoán và điều trị người bệnh sốt xuất huyết Dengue 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng	4	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố dịch tễ và triệu chứng thực thể, chỉ định	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

	9. Phòng bệnh		xét nghiệm cận lâm sàng của người bệnh sốt xuất huyết Dengue - Chẩn đoán được người bệnh sốt xuất huyết Dengue và đưa ra kế hoạch điều trị, theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn biện pháp phòng bệnh	
9	Bài 9: Chẩn đoán và điều trị người bệnh sốt rét 1. Hành chính	2	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

	2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh	hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố dịch tễ và triệu chứng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng của người bệnh sốt rét - Chẩn đoán được người bệnh sốt rét và đưa ra kế hoạch điều trị, theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn	
--	---	--	--

			biện pháp phòng bệnh	
10	Bài 10: Chẩn đoán và điều trị nhiễm khuẩn cơ hội trên người bệnh HIV/AIDS 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh	4	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố dịch tễ và triệu chứng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng của người bệnh nhiễm HIV/AIDS - Chẩn đoán được người bệnh HIV/AIDS và đưa ra	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

			kế hoạch điều trị, theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn biện pháp phòng bệnh	
11	Bài 11: Chẩn đoán và điều trị người bệnh viêm não Nhật Bản 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh	2	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố dịch tễ và triệu chứng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng của người bệnh viêm	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

			não Nhật Bản - Chẩn đoán được người bệnh viêm não Nhật Bản và đưa ra kế hoạch điều trị, theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn biện pháp phòng bệnh	
12	Bài 12: Chẩn đoán và điều trị người bệnh cúm 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán	2	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố dịch tễ và triệu	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

	7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh	chúng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng của người bệnh cúm - Chẩn đoán được người bệnh cúm và đưa ra kế hoạch điều trị, theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn biện pháp phòng bệnh	
--	---	--	--

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Học tại giảng đường
- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm

2. Lâm sàng: Học tại khoa Truyền nhiễm bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình và tại giảng đường

- Thảo luận nhóm
- Dạy và học tại buồng bệnh
- Case lâm sàng

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

Máy chiếu Projector, phấn bảng và các phương tiện dạy học khác

1. Lý thuyết:

- Máy chiếu Projector
- Phấn bảng

2. Lâm sàng:

- Trên người bệnh
- Phân tích các case lâm sàng

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm lý thuyết:

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%	Mặc định điểm chuyên cần cho mỗi sinh viên là 10	Trừ dần điểm theo mỗi lần vi phạm	Ý thức học tập của mỗi sinh viên	PLO 6, 14, 15	10

Điểm giữa học phần (ĐGHP)	20%	Kiểm tra câu hỏi ngắn	Thi viết	Kết quả bài kiểm tra so với đáp án	PLO 1, 4	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	70%	Thi trắc nghiệm khách quan	Thi test	Kết quả bài thi trên phần mềm thi trắc nghiệm khách quan	PLO 1, 4	10

Công thức tính điểm: ĐHP= ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

Điểm lâm sàng:

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%	Mặc định điểm chuyên cần cho mỗi sinh viên là 10	Trừ dần điểm theo mỗi lần vi phạm	Ý thức học tập của mỗi sinh viên	PLO 6, 14, 15	10

Điểm giữa học phần (ĐGHP)	20%	Làm bệnh án người bệnh tại khoa Truyền nhiễm hoặc phân tích ca lâm sàng	Thi vấn đáp hoặc thi tại buồng bệnh	Kết quả từ câu trả lời của sinh viên	PLO 8, 10, 11	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	70%	Làm bệnh án người bệnh tại khoa Truyền nhiễm hoặc phân tích ca lâm sàng	Thi vấn đáp hoặc thi tại buồng bệnh	Kết quả từ câu trả lời của sinh viên	PLO 8, 10, 11	10

Công thức tính điểm: ĐHP= ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0
Nghỉ học không phép	3
Đi muộn 15 phút	1

Đi muộn 30 phút = Nghỉ học không phép	3
---------------------------------------	---

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không đạt	Đạt	Trung bình	Khá	Giỏi

VI. Tài liệu học tập và tham khảo (*Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có*)

1. Tài liệu học tập: (*Sách giáo trình đã được xuất bản, có tại thư viện*)

Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ môn Truyền nhiễm (2016), “Bài giảng Bệnh truyền nhiễm”, Nhà xuất bản y học

2. Tài liệu tham khảo: (*Có tại thư viện hoặc trên internet sinh viên truy cập được*)

1. Bùi Đại (2005), *Bệnh học truyền nhiễm* - Nxb Y học
2. Trường Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh (1997), *Bệnh truyền nhiễm* - Nxb Y học.
3. Trường Đại học Y Hà Nội (2006), *Dịch tễ các bệnh truyền nhiễm*, Nxb Y học.
4. Học Viện Quân Y (2016), *Bệnh học truyền nhiễm*, Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

1. Ths Nguyễn Thị Hoàng Hải:

- Nhiễm HIV/AIDS
- Viêm màng não do não mô cầu
- Viêm gan virus

2. Ths Hoàng Thị Hạnh:

- Ly amip
- Ly trực khuẩn
- Nhiễm khuẩn-Nhiễm độc thức ăn
- Sởi

3. Ths Trương Thị Minh Diệu

- Sốt mò
- Bệnh thương hàn
- Đại

4. Ths Nguyễn Ngọc Anh

- Viêm não Nhật Bản
- Sốt rét
- Leptospira
- Ho gà
- Bạch hầu

5. Ths Lê Trung Kiên

- Sốt xuất huyết
- Dịch hạch
- Cúm
- Quai bị

6. Bs Hồ Thị Huế

- Uốn ván
- Tả

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lý thuyết trên lớp (20% nghỉ phải có lý do) và 100 % số buổi học lâm sàng.

- Đi học đúng và đủ giờ, tham gia tích cực và đầy đủ buổi học lâm sàng hoặc lý thuyết, có ý thức xây dựng bài, chăm chú nghe giảng

- Khi đi lâm sàng tại khoa Truyền nhiễm: có mặt tại buồng bệnh đúng giờ, quan sát và thực hành theo sự chỉ dẫn và phân công của bác sỹ phụ trách buồng bệnh và thầy cô bộ môn.

- Mỗi buổi trực sinh viên phải trực đúng và đủ giờ, nắm rõ bệnh nhân vào viện, chuẩn bị chủ đề giao ban cho buổi học lâm sàng hôm sau.

2. Quy định điều kiện dự thi:

* Dự thi lý thuyết:

- Sinh viên phải tham gia ít nhất 80% số buổi lý thuyết (20% nghỉ phải có lý do)
- Điểm chuyên cần ≥ 5 điểm
- Điểm giữa học phần ≥ 4 điểm

* Dự thi lâm sàng:

- Sinh viên phải tham gia 100% buổi học lâm sàng
- Điểm chuyên cần ≥ 5 điểm
- Điểm giữa học phần ≥ 4 điểm

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
7.	Lần 1	05/2019	Ths Nguyễn Thị Hoàng Hải
8.	Lần 2	05/2021	Ths Nguyễn Thị Hoàng Hải
9.	Dự kiến	Năm 2023	
10.			
11.			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
 THÁI BÌNH
 BỘ MÔN Y HỌC CỔ TRUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
 VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
 NĂM 2021

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Y học cổ truyền

Tên tiếng Anh: Traditional Medicine

Mã học phần:

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 52720103

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Bác sỹ Y học dự phòng năm thứ 5
Số tín chỉ: LT: 2, TH: 2 Số tiết Lý thuyết: 30 Số giờ tự học: 70 Số tiết Thực hành: 60 Số giờ tự học: 40	
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: 2 Kết thúc học phần: 2	
Học phần học trước:	Ngoại bệnh lý, Nội bệnh lý

Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Y học cổ truyền

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Y học cổ truyền là một trong các môn Y học lâm sàng khối chuyên khoa trong chương trình đào tạo bác sĩ Y học dự phòng. Học phần Y học cổ truyền sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về lý luận YHCT để khám, phát hiện được các triệu chứng, hội chứng của một số chứng bệnh thường gặp trong cộng đồng. Chẩn đoán, điều trị và tư vấn cho người bệnh cách phòng một số chứng bệnh thông thường bằng YHCT.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

STT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	Đỗ Quốc Hương	Tiến sỹ	0917467222	huongkh71@gmail.com	Phụ trách
2	Phí Thị Ngọc	BS CKII.ThS	0946223046	ngocphithi@gmail.com	Tham gia
3	Mai Thị Đào	BS CKII.ThS	0902107261	bsmaithidao@gmail.com	Tham gia
4	Đinh Thị Huệ	Thạc sỹ	0389353568	dinhhue.dhy@gmail.com	Tham gia
5	Lê Trung Dũng	Thạc sỹ	0944831988	dungyhctytb@gmail.com	Tham gia
6	Cao Hồng Hạnh	Thạc sỹ	0374707002	Hanhtbmu0612@gmail.com	Tham gia
7	Phạm Ngọc Hà	Thạc sỹ	0946630989	ngochayhct@gmail.com	Tham gia

8	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Thạc sỹ	0963447238	ngocanhycht2015@gmail.com	Tham gia
9	Nguyễn Thị Hoa Tươi	Thạc sỹ	0344626999	nhoccon201090@gmail.com	Tham gia
10	Bùi Thị Bình	Thạc sỹ	0988265119	binhyhctk3@gmail.com	Tham gia
11	Trần Thanh Phương	Thạc sỹ	0943676979	thanhphuongtran0701@gmail.com	Tham gia
12	Lưu Thị Trang Ngân	Thạc sỹ	0906101905	nganytb1102@gmail.com	Tham gia
13	Bùi Quốc Hưng	Bác sỹ	0376038382	Hungbui031293@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

STT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Vận dụng được các kiến thức y học cơ sở, kiến thức về lý luận cơ bản YHCT để thăm khám, chẩn đoán được một số bệnh lý thông thường theo YHCT, từ đó có thể đưa ra phương pháp điều trị, phòng bệnh cho người bệnh và cộng đồng bằng YHCT hoặc kết hợp giữa YHCT và YHHĐ.	PEO1, PEO2

2	Thực hiện được kỹ năng giao tiếp với người bệnh, người nhà bệnh nhân, đồng nghiệp và cộng đồng. Thực hành được kỹ năng châm cứu, kê đơn thuốc theo YHCT cho một số bệnh thông thường. Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng bằng phương pháp YHCT. Có khả năng thực hiện các đề tài NCKH liên quan đến chuyên ngành YHCT.	PEO1, PEO2, PEO3, PEO4
3	Nhận thức được tầm quan trọng của YHCT trong vấn đề chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng, vai trò trách nhiệm của bản thân cũng như sự chủ động, độc lập và phối hợp với đồng nghiệp để đảm bảo thực hành nghề nghiệp an toàn, hiệu quả, có tác phong làm việc chuyên nghiệp, hành nghề theo pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và có trách nhiệm với xã hội.	PEO2, PEO4, PEO5

5. Chuẩn đầu ra học phần

STT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
5.	Vận dụng được kiến thức chuyên ngành YHCT trong việc thăm khám, chẩn đoán, đưa ra phương pháp điều trị và dự phòng cho người bệnh và cộng đồng bằng YHCT. Lập kế hoạch, tổ chức giám sát có hiệu quả thực hành chuyên môn bằng phương pháp YHCT.	S: PLO 1, 3

6.	Có khả năng khai thác tiền sử, bệnh sử của người bệnh chính xác, đầy đủ, khám, chẩn đoán, điều trị được các bệnh thông thường theo YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ. Thực hiện được kỹ năng châm cứu và kê đơn cho một số bệnh thông thường. Có kỹ năng giao tiếp chia sẻ và đồng cảm với những lo lắng của người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng khi thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, thực hiện được giao tiếp và cộng tác hợp lý với đồng nghiệp. Ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ để cập nhật kiến thức nâng cao trình độ chuyên môn. Thực hiện được NCKH các đề tài về sức khỏe nói chung hoặc đề tài có liên quan đến chuyên ngành YHCT.	S: PLO 4, 6, 8
7.	Tuân thủ quy định của ngành và pháp luật của nhà nước, có khả năng độc lập đưa ra các quyết định xử trí chuyên môn, có khả năng bảo vệ quan điểm cá nhân và chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Ứng xử theo đạo đức nghề nghiệp: công bằng, trung thực, cảm thông với người bệnh, gia đình và cộng đồng. Phối hợp xử lý chuyên nghiệp với đồng nghiệp trong hoạt động nghề nghiệp. Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.	S: PLO 10, 11, 12, 13, 14

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
-----	---------	---------	------------------	--------

1	Bài 1: Lý luận cơ bản 1 1. Học thuyết âm dương 2. Học thuyết ngũ hành 3. Nguyên nhân gây bệnh	4	1. Trình bày được định nghĩa và nội dung của học thuyết âm dương, học thuyết ngũ hành ngũ hành. 2. Vận dụng được nội dung của học thuyết âm dương và học thuyết ngũ hành vào chẩn đoán, điều trị và dự phòng cho người bệnh 3. Trình bày được các nguyên nhân gây bệnh YHCT 4. Phát hiện được các nguyên nhân gây bệnh theo YHCT cho các ca lâm sàng giả định và các tình huống cụ thể trên lâm sàng của người bệnh	PLO 1, 8, 11
2	Bài 2: Lý luận cơ bản 2 1. Tứ chẩn 1.1. Vọng chẩn 1.2. Văn chẩn 1.3. Vấn chẩn 1.4. Thiết chẩn 2. Bát cương 2.1. Biểu/lý	2	1. Trình bày được nội dung bốn phương pháp khám bệnh của YHCT 2. Vận dụng kiến thức về tứ chẩn để khai thác được chính	PLO 1, 6, 8, 11, 12

	2.2. Hư/thực 2.3. Hàn/nhiệt 2.4. Âm/dương 3. Bát pháp		xác triệu chứng bệnh trên lâm sàng 3. Trình bày được các hội chứng của bát cương và sự phối hợp của bát cương trên lâm sàng. 4. Vận dụng được bát cương và bát pháp trong chẩn đoán và điều trị bệnh	
3	Bài 3: Lý luận cơ bản 3 (Học thuyết tạng phủ) 1. Ngũ tạng 1.1. Chức năng sinh lý 1.2. Biểu hiện bệnh lý 2. Lục phủ 2.1. Chức năng sinh lý 2.2. Biểu hiện bệnh lý 3. Mỗi quan hệ giữa các tạng phủ	4	1. Trình bày được chức năng sinh lý và biểu hiện bệnh lý của lục phủ, ngũ tạng. 2. Phân tích được mối quan hệ giữa tạng với tạng, tạng với phủ 3. Vận dụng được hiểu biết về hội chứng bệnh lý các tạng phủ vào chẩn đoán và đưa ra pháp điều trị cho các ca lâm sàng giả định và các tình huống cụ thể trên lâm sàng của người bệnh	PLO 1, 6, 11
4	Bài 4: Kinh mạch và huyết vị 1. Đại cương hệ kinh lạc	4	1. Trình bày được định nghĩa, cấu tạo,	PLO 1, 6

	2. 12 đường kinh chính và 2 mạch nhâm đốc 2.1. Đường đi 2.2. Tác dụng 2.3. Vị trí các huyết thường dùng		chức năng của hệ kinh lạc và cơ chế tác dụng của châm cứu. 2. Trình bày được đường đi và chỉ định điều trị của 12 đường kinh chính và 2 mạch nhâm, đốc 3. Trình bày được vị trí của các huyết thường dùng trên 12 đường kinh chính và 2 mạch nhâm, đốc	
5	Bài 5: Dược Y học cổ truyền 1. Đại cương thuốc YHCT 2. Thuốc giải biểu 3. Thuốc thanh nhiệt 4. Thuốc bổ 5. Thuốc hành khí 6. Thuốc hoạt huyết 7. Thuốc lợi tiểu 8. Thuốc tả hạ 9. Thuốc an thần 10. Thuốc bình can tức phong 11. Thuốc chỉ huyết 12. Thuốc cố sáp 13. Thuốc trừ đàm 14. Thuốc giảm ho 15. Thuốc trừ hàn 16. Thuốc tiêu hóa	4	1. Trình bày được nguồn gốc, thu hái, bảo quản và chế biến thuốc YHCT 2. Phân tích được tính năng dược vật; mối quan hệ giữa khí và vị; giữa ngũ vị, ngũ sắc, ngũ tạng của thuốc YHCT 3. Trình bày được định nghĩa, phân loại, tác dụng chỉ định chung và lưu ý khi sử dụng 15 nhóm thuốc YHCT chính	PLO 1, 6,

			4. Kể tên các vị thuốc trong 15 nhóm thuốc chính 5. Tư vấn được cho cộng đồng cách dùng các vị thuốc Nam trong 15 nhóm thuốc chính để chữa một số chứng bệnh thông thường	
6	Bài 6: Chứng tý (Bệnh khớp do thoái hóa, viêm khớp dạng thấp, viêm quanh khớp vai, đau vai gáy) 1. Bệnh khớp do thoái hóa 1.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 1.2. Thể bệnh 1.3. Điều trị 1.4. Phòng bệnh 2. Viêm khớp dạng thấp 2.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 2.2. Thể bệnh 2.3. Điều trị 2.4. Phòng bệnh 3. Viêm quanh khớp vai 3.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 3.2. Thể bệnh 3.3. Điều trị 3.4. Phòng bệnh 4. Đau vai gáy 4.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh	2	1. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh gây chứng tý (bệnh khớp do thoái hóa, viêm khớp dạng thấp, viêm quanh khớp vai, đau vai gáy) theo YHCT 2. Trình bày được triệu chứng, pháp điều trị các thể bệnh của 4 chứng bệnh trên 3. Kể được đơn thuốc, đơn huyết cho từng thể bệnh	PLO 1, 2, 4, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14

	4.2. Thể bệnh 4.3. Điều trị 4.4. Phòng bệnh			
7	Bài 7: Yêu cước thống (đau thần kinh hông to) 1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 2. Thể bệnh 3. Điều trị 4. Phòng bệnh	1	1. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh gây chứng Yêu cước thống theo YHCT 2. Trình bày được triệu chứng, pháp điều trị 2 thể bệnh của Yêu cước thống 3. Kê được đơn thuốc, đơn huyết cho từng thể bệnh	PLO 1, 2, 4, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14
8	Bài 8: Thất miên, đầu thống (Tâm căn suy nhược) 1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 2. Thể bệnh 3. Điều trị 4. Phòng bệnh	1	1. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh gây tâm căn suy nhược theo YHCT 2. Trình bày được triệu chứng, pháp điều trị các thể bệnh của TCSN 3. Kê được đơn thuốc, đơn huyết cho từng thể bệnh	PLO 1, 2, 4, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 1

9	Bài 9: Thương phong, dịch lệ, ôn dịch, phong chẩn (Cảm cúm, sốt xuất huyết, mày đay) 1. Cảm cúm 1.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 1.2. Thể bệnh 1.3. Điều trị 1.4. Phòng bệnh 2. Sốt xuất huyết 2.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 2.2. Thể bệnh 2.3. Điều trị 2.4. Phòng bệnh 3. Mày đay 3.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 3.2. Thể bệnh 3.3. Điều trị 3.4. Phòng bệnh	2	1. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh gây cảm cúm, sốt xuất huyết, mày đay theo YHCT 2. Trình bày được triệu chứng, pháp điều trị các thể bệnh của 3 chứng bệnh trên 3. Kê được đơn thuốc, đơn huyết cho từng thể bệnh	1, 2, 4, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14
10	Bài 10: Vị quản thống, tiết tả (Hội chứng dạ dày - tá tràng, ỉa chảy) 1. Hội chứng dạ dày - tá tràng 1.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 1.2. Thể bệnh 1.3. Điều trị 1.4. Phòng bệnh 2. Ỉa chảy 2.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 2.2. Thể bệnh 2.3. Điều trị 2.4. Phòng bệnh	2	1. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh gây hội chứng dạ dày - tá tràng, ỉa chảy theo YHCT 2. Trình bày được triệu chứng, pháp điều trị các thể bệnh của 2 chứng bệnh trên	PLO 1, 2, 4, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14

			3. Kê được đơn thuốc, đơn huyết cho từng thể bệnh	
11	Bài 11: Huyền vựng, trúng phong (Tăng huyết áp, tai biến mạch máu não) 1. Tăng huyết áp 1.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 1.2. Thể bệnh 1.3. Điều trị 1.4. Phòng bệnh 2. Tai biến mạch máu não 2.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 2.2. Thể bệnh 2.3. Điều trị 2.4. Phòng bệnh	2	1. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh gây tăng huyết áp, tai biến mạch máu não theo YHCT 2. Trình bày được triệu chứng, pháp điều trị các thể bệnh của 2 chứng bệnh trên 3. Kê được đơn thuốc, đơn huyết cho từng thể bệnh	PLO 1, 2, 4, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14
12	Bài 12: Hạ trĩ, băng lậu (Trĩ, rong kinh) 1. Trĩ 1.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 1.2. Thể bệnh 1.3. Điều trị 1.4. Phòng bệnh 2. Rong kinh 2.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 2.2. Thể bệnh 2.3. Điều trị 2.4. Phòng bệnh	2	1. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh gây hạ trĩ, băng lậu theo YHCT 2. Trình bày được triệu chứng, pháp điều trị các thể bệnh của hạ trĩ, băng lậu 3. Kê được đơn thuốc, đơn huyết cho từng thể bệnh	PLO 1, 2, 4, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14
	Tổng	30		

2. Lâm sàng

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	- Tiếp đón sinh viên, phổ biến quy chế học lâm sàng - Hướng dẫn cách làm bệnh án YHCT 1. Phân hành chính 2. Lý do vào viện 3. Tứ chẩn 3.1. Vọng chẩn 3.2. Văn chẩn 3.3. Vấn chẩn 3.4. Thiết chẩn 4. Cận lâm sàng 5. Tóm tắt bệnh án và quy nạp bác cương 6. Chẩn đoán 6.1. Bệnh danh (YHHĐ và YHCT) 6.2. Tạng phủ 6.3. Kinh lạc 6.4. Nguyên nhân 7. Biện chứng luận trị 8. Pháp điều trị 9. Điều trị 10. Tiên lượng 12. Phòng bệnh	4	1. Sinh viên hiểu và tuân thủ quy định học lâm sàng của bộ môn, các khoa tại bệnh viện. 2. Hiểu rõ cách làm bệnh án chuyên khoa YHCT, những lưu ý và yêu cầu khi làm bệnh án. 3. Thái độ học tập tích cực, tôn trọng người bệnh, bạn bè và nhân viên y tế khi học lâm sàng	PLO 1, 2, 6, 10
2	Kỹ năng châm cứu (Trung mô phỏng và huấn luyện kỹ năng) 1. Hướng dẫn, làm mẫu	8	1. Thực hiện đúng các bước chuẩn bị và tiến hành châm cứu	PLO 1, 3, 6,

	1.1. Chuẩn bị dụng cụ 1.2. Chuẩn bị người bệnh 1.3. Các bước tiến hành kỹ thuật 1.3.1. Xác định vị trí huyệt 1.3.2. Sát trùng nơi châm 1.3.3. Tiến hành châm 1.3.4. Lưu kim 1.3.5. Rút kim 1.4. Xử trí tai biến khi châm 1.5. Châm cứu điều trị 7 chứng bệnh thông thường. 2. Xem video, chia nhóm 3. Kiểm tra, đánh giá		2. Sử dụng được bảng kiểm châm cứu điều trị 5 chứng bệnh thông thường để tự lượng giá và lượng giá theo nhóm	8, 10, 11, 12
3	Nhận biết thuốc YHCT (Trung mô phỏng và huấn luyện kỹ năng) 1. Hướng dẫn nhận dạng vị thuốc Nam trên tranh 2. Hướng dẫn nhận dạng vị thuốc Nam qua mẫu thuốc tươi 3. Hướng dẫn nhận dạng các vị thuốc qua mẫu thuốc khô 4. Kiểm tra và đánh giá	8	1. Nhận dạng được các vị thuốc Nam sử dụng trong toa căn bản và mẫu thuốc khô sử dụng trong điều trị tại các bệnh viện YHCT 2. Kê được 1 đơn thuốc Nam theo toa căn bản cho ca lâm sàng giả định	PLO 1, 6, 10, 11
4	Giao ban 1. Sinh viên báo cáo bệnh nhân giao ban, ưu tiên bệnh nhân mới vào viện 2. Sinh viên đưa ra ý kiến thảo luận 3. Giảng viên nhận xét, phân tích các dấu hiệu lâm sàng, chẩn đoán và đưa	14	1. Khai thác được đầy đủ tứ chẩn của bệnh nhân 2. Chẩn đoán được bệnh danh, bát cương,	PLO 1, 3, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14

	ra pháp điều trị, phương dược và phương pháp điều trị không dùng thuốc cho ca bệnh		tạng phủ, nguyên nhân theo YHCT 3. Từ 2 mục trên đưa ra pháp điều trị, phương thuốc, phương pháp điều trị không dùng thuốc cụ thể cho ca bệnh	
5	Giảng đầu giường Dạy học theo phương pháp nghiên cứu từng ca bệnh. 1. Sinh viên báo cáo tóm tắt bệnh nhân 2. Giảng viên nhận xét, phân tích về ca bệnh . Hướng dẫn sinh viên kỹ năng giao tiếp, thăm khám trên người bệnh. 3. Sinh viên quan sát, trả lời câu hỏi, thực hiện lại theo yêu cầu và giám sát của giảng viên 4. Giảng viên đánh giá và kết luận	24	1. Giao tiếp ứng xử tốt với bệnh nhân, gia đình bệnh nhân, y bác sỹ trong việc thực hiện thăm khám bệnh nhân 2. Thực hiện được các thao tác khám bệnh theo YHCT và YHHĐ 3. Đưa ra được chẩn đoán bệnh danh, bất cương, vị trí, nguyên nhân theo YHCT 4. Đưa ra được pháp điều trị, phương thuốc, phương huyệt cho ca lâm sàng 5. Bước đầu liên hệ được giữa YHHĐ và YHCT về phương diện chẩn đoán	PLO 1, 3, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14

6	Đi buồng Giáo viên đi từng buồng bệnh để kiểm tra sinh viên về việc nắm bệnh nhân trong buồng và hướng dẫn sinh viên cách thăm khám bệnh theo tứ chẩn	20	1. Sinh viên báo cáo tóm tắt tình hình bệnh nhân trong buồng bệnh được phân công. 2. Quan sát bác sỹ, điều dưỡng buồng bệnh hoặc giáo viên phụ trách làm một số thủ thuật trên bệnh nhân. 3. Tham gia làm bệnh án tại khoa phòng	PLO 1, 3, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14
7	Bình bệnh án 1. Sinh viên làm bệnh án theo mẫu đã học và chép lên bảng 2. Sinh viên báo cáo bệnh án đã làm 3. Sinh viên đưa ra ý kiến thảo luận 4. Giảng viên nhận xét, phân tích các dấu hiệu lâm sàng, chỉ ra những phần sinh viên làm sai hoặc bị thiếu và đưa ra những kết luận đúng.	6	1. Giao tiếp ứng xử tốt với bệnh nhân, gia đình bệnh nhân, y bác sỹ trong việc thực hiện thăm khám bệnh nhân 2. Trình bày được 1 bệnh án về ca lâm sàng cụ thể theo đúng mẫu đã học 3. Phân tích được các triệu chứng và đưa ra những biện luận, giải thích cho những nhận định, chẩn đoán, điều trị của mình	PLO 1, 3, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14

			4. Giải thích được pháp điều trị của người bệnh	
8	Hỏi thi kết thúc lâm sàng học phần YHCT	4	1. Viết bệnh án theo mẫu đã hướng dẫn 2. Liệt kê đầy đủ các chẩn đoán YHCT trên người bệnh 3. Biện luận cho chẩn đoán bất cương 4. Đưa ra pháp điều trị, phương dược, phương pháp điều trị không dùng thuốc cho người bệnh 5. Thao tác một kỹ năng lâm sàng liên quan đến diện bệnh	PLO 1, 3, 6, 8, 10, 11, 12, 14
	Tổng	88		

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Thuyết trình, phát vấn, tự học
2. Thực hành: Thực hành nhóm nhỏ, giao ban, giảng đầu giường, đi buồng, bình bệnh án

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:
 - Tài liệu học tập
 - Bài giảng Powerpoint
 - Phấn, bảng, Projector
2. Thực hành: Tranh châm cứu, mô hình kinh lạc, bộ dụng cụ châm cứu, tranh cây thuốc, mẫu thuốc khô, ca bệnh, video.

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

1. Điểm lý thuyết

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Hàng ngày	Điểm danh	Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn. Rubric 1	PLO 10	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2	- 1 bài kiểm tra 50 phút gồm 3 câu hỏi ngắn (bao hàm các nội dung kiến thức đã học)	Thi viết câu hỏi ngắn	Trả lời 3 câu hỏi đầy đủ, chính xác. Trong đó 2 câu 3,5 điểm; 1 câu 3 điểm, Tổng điểm 3 câu là 10 điểm	PLO 1, 6, 11	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,7	1 bài thi trắc nghiệm trên máy 60 phút gồm 60 câu	Thi trắc nghiệm khách quan	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 1/6 điểm, tổng 60 câu là 10 điểm	PLO 1, 11	10

2. Điểm thực hành lâm sàng

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Hàng ngày	Điểm danh	Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của khoa, bộ môn. Rubric 1	PLO 10	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2	1 bài kiểm tra 30 phút gồm 2 ca lâm sàng giả định. Sinh viên đọc ca lâm sàng và trả lời 3 câu hỏi cho mỗi ca lâm sàng: - Biện luận chẩn đoán - Điều trị - Phòng bệnh	Thi viết câu hỏi ngắn	Trả lời đầy đủ, chính xác về biện luận chẩn đoán, đưa ra pháp điều, điều trị và phòng bệnh cho mỗi ca lâm sàng giả định được 5 điểm, 2 ca lâm sàng giả định được 10 điểm	PLO 1, 6, 11	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,7	1 bản bệnh án YHCT cho 1 bệnh nhân bất kỳ, 2 giảng viên hỏi vấn đáp	Thi vấn đáp	Khám phát hiện được đầy đủ và chính xác các triệu chứng theo tứ chẩn, đưa ra được đầy đủ và chính	PLO 1, 6, 8, 10, 11, 12, 14	10

		trực tiếp trên sinh viên		xác các chẩn đoán theo YHCT, đưa ra được phương pháp điều phù hợp với các chẩn đoán Rubric 2		
--	--	--------------------------	--	--	--	--

Công thức tính điểm:

Lý thuyết = Đ.CC x 0,1 + Đ.GHP x 0,2 + Đ.KTHP x 0,7 = Đ.HP

Lâm sàng = Đ.CC x 0,1 + Đ.GHP x 0,2 + Đ.KTHP x 0,7 = Đ.HP

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/2tiết (1 điểm/1 buổi học)
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/tiết (2 điểm/1 buổi học)
Đi muộn	< 15 phút: 0,5 điểm/lần > 15 phút tính như vắng

Rubric 2: Vấn đáp lâm sàng Y học cổ truyền

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mức độ đạt chuẩn quy định					Điểm
		Điểm (0-3,9)	Điểm (4-5,4)	Điểm (5,4-6,9)	Điểm (7-8,4)	Điểm (8,5-10)	
TC1: Viết bệnh án, báo	50%	- Chưa hoàn thành bệnh án. Nội dung	- Bệnh án viết hoàn thiện. Nội dung bệnh án	- Bệnh án viết hoàn thiện. Nội dung có 3-4 lỗi.	- Bệnh án viết hoàn thiện, đúng mẫu. Nội	- Bệnh án viết hoàn thiện, đúng mẫu. Khai thác đủ, chính xác tiền	

cáo bệnh án		bệnh án nhiều lỗi sai cơ bản. - Báo cáo không rõ ràng	nhiều lỗi sai cơ bản. - Báo cáo không rõ ràng	- Báo cáo tương đối rõ ràng.	dung có 1-2 thiếu sót nhẹ, không ảnh hưởng nhiều tổng thể. - Báo cáo rõ ràng mạch lạc	sử, bệnh sử, triệu chứng, chẩn đoán, chỉ định CLS, điều trị, tiên lượng phù hợp. - Báo cáo rõ ràng mạch lạc	
TC2: Thao tác thăm khám	30%	- Giao tiếp kém hoặc không giao tiếp với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghệp. - Thao tác khám sai kỹ thuật.	- Giao tiếp lúng túng với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghệp. - Thao tác khám đúng trình tự nhưng còn vụng về.	- Giao tiếp lúng túng với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghệp. - Thao tác khám đúng kỹ thuật.	- Giao tiếp tốt với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghệp. - Thao tác khám đúng kỹ thuật.	- Giao tiếp tốt với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghiệp. - Thao tác khám thành thực, đúng kỹ thuật.	
TC3: Trả lời 2 câu	20%	- Không trả lời được,	- Trả lời đủ 2 câu hỏi	- Trả lời đủ 2 câu hỏi	- Trả lời đủ 2 câu hỏi	- Trả lời đủ cả 2 câu hỏi	

hỏi của giảng viên		hoặc chỉ trả lời được 1 câu - Nội dung có nhiều sai sót, trình bày không rõ ràng	- Nội dung trả lời có nhiều sai sót, trình bày chưa rõ ràng	- Nội dung trả lời còn 1 số sai sót, trình bày chưa rõ ràng	- Nội dung trả lời tương đối chính xác, trình bày chưa rõ ràng	- Nội dung trả lời chính xác, trình bày rõ ràng	
Điểm tổng							

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập chủ yếu:

1. Bộ môn Y học cổ truyền – Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2015), *Giáo trình Y học cổ truyền tập 1*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
2. Bộ môn Y học cổ truyền – Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2015), *Giáo trình Y học cổ truyền tập 2*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

2. Tài liệu tham khảo:

1. Hoàng Bảo Châu (1997), *Nội khoa học cổ truyền*, Nhà xuất bản Y học.
2. Ngô Quý Châu (2016), *Bệnh học nội khoa tập I*, trang 24-31, 50-55, Nhà xuất bản Y học.
3. Ngô Quý Châu (2016), *Bệnh học nội khoa tập II*, Nhà xuất bản Y học
4. Nguyễn Văn Chương (2016), *Thực hành lâm sàng thần kinh học tập II*, Nhà xuất bản Y học.
5. Bộ môn Da liễu – Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2015), *Giáo trình da liễu*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Tr 50 – 56.
6. Bùi Đại, Nguyễn Văn Mùi, Nguyễn Hoàng Tuấn (2005), *Bệnh học Truyền nhiễm*, Nhà xuất bản Y học, Tr 157 – 163, 299 – 307.
7. Phan Quan Chí Hiếu (2009), *Châm cứu học*, Nhà xuất bản Y học.

8. Nguyễn Minh Hiện (2013), *Đột quỵ não*, Nhà xuất bản Y học.
9. Khoa Y học cổ truyền - Trường Đại học Y Hà Nội (2015), *Bài giảng Y học cổ truyền tập 1*, Nhà xuất bản Y học
10. Khoa Y học cổ truyền - Trường Đại học Y Hà Nội (2015), *Bài giảng Y học cổ truyền tập 2*, Nhà xuất bản Y học.
11. Khoa Y học cổ truyền - Trường Đại học Y Hà Nội (2006), *Chuyên đề nội khoa Y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Y học
12. Nguyễn Nhược Kim, Trần Quang Đạt (2008), *Châm cứu và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc*, Nhà xuất bản Y học.
13. Khoa Y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2012), *Bệnh học nội khoa Y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Y học.
14. Phạm Văn Trinh (2012), *Bệnh học ngoại phụ Y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Y học.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

1. Lịch giảng dạy lý thuyết (Buổi chiều)

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết	Hình thức học
1	Bài 1: Lý luận cơ bản 1	4	Thuyết trình, thảo luận
	Bài 2: Lý luận cơ bản 2	2	Thuyết trình, thảo luận
	Bài 3: Lý luận cơ bản 3 (Học thuyết tạng phủ)	4	Thuyết trình, thảo luận
	Bài 4: Kinh mạch và huyết vị	4	Thuyết trình, thảo luận
	Bài 5: Dược Y học cổ truyền	4	Thuyết trình, thảo luận
2	Bài 6: Chứng tý (Bệnh khớp do thoái hóa, viêm khớp dạng thấp, viêm quanh khớp vai, đau vai gáy)	4	Thuyết trình, thảo luận

	Bài 7: Yêu cước thông (đau thân kinh hông to) Bài 8: Thất miên, đầu thông (Tâm căn suy nhược)		
	Bài 9: Thương phong, dịch lệ, ôn dịch, phong chẩn (Cảm cúm, sốt xuất huyết, mày đay) Bài 10: Vị quản thông, tiết tả (Hội chứng dạ dày - tá tràng, ỉa chảy)	4	Thuyết trình, thảo luận
	Bài 11: Huyền vừng, trúng phong (Tăng huyết áp, tai biến mạch máu não) Bài 12: Hạ trĩ, băng lậu (Trĩ, rong kinh)	4	Thuyết trình, thảo luận
3	Kiểm tra giữa học phần lý thuyết 50 phút Kiểm tra giữa học phần lâm sàng 30 phút (Chiều thứ hai)		Lý thuyết: Kiểm tra viết câu hỏi ngắn Lâm sàng: Ca lâm sàng giả định
4	Thi kết thúc học phần lý thuyết		Trắc nghiệm khách quan
	Tổng	30	

2. Lịch giảng dạy lâm sàng (Buổi sáng)

Tuần	Chủ đề	Số tiết	Hoạt động học
Tuần 1	Thứ 2: - Tiếp đón sinh viên, phổ biến quy chế học lâm sàng - Hướng dẫn cách làm bệnh án YHCT	4	Thảo luận

	Thứ 3: TT kỹ năng châm cứu (Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng)	4	Trình bày, thảo luận
	Thứ 4: TT kỹ năng châm cứu (Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng)	4	Trình bày, thảo luận
	Thứ 5: Nhận biết thuốc YHCT (Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng)	4	Trình bày, thảo luận
	Thứ 6: Nhận biết thuốc YHCT (Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng)	4	Trình bày, thảo luận
Tuần 2	Thứ 2: GB, Đi buồng	5	Trình bày, thảo luận
	Thứ 3: GB, GĐG	5	Trình bày, thảo luận
	Thứ 4: GB, BBA	3	Trình bày, thảo luận
	Thứ 5: GB, GĐG	5	Trình bày, thảo luận
	Thứ 6: GB, Đi buồng	5	Trình bày, thảo luận
Tuần 3	Thứ 2: GB, Đi buồng	5	Trình bày, thảo luận
	Thứ 3: GB, GĐG	5	Trình bày, thảo luận
	Thứ 4: GB, BBA	3	Trình bày, thảo luận
	Thứ 5: GB, GĐG	5	Trình bày, thảo luận
	Thứ 6: GB, Đi buồng	5	Trình bày, thảo luận
Tuần 4	Thứ 2: GB, Đi buồng	5	Trình bày, thảo luận
	Thứ 3: GB, GĐG	5	Trình bày, thảo luận
	Thứ 4: GB, BBA	3	Trình bày, thảo luận
	Thứ 5: GB, GĐG	5	Trình bày, thảo luận
	Hỏi thi kết thúc học phần lâm sàng	4	
Tổng		88	

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đi học đầy đủ, đúng giờ, tuân thủ nội quy, quy định của bộ môn, khoa được bệnh viện YHCT tỉnh.

- Hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ trong sổ tay lâm sàng.

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên.
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do sinh viên không được duyệt thi
- Vắng 01 buổi học thực hành có lý do, bộ môn sẽ tổ chức học bù vào thứ 7, chủ nhật, sau khi hoàn thành học bù mới được duyệt thi.
- Sinh viên nghỉ học < 20% số buổi lý thuyết có lý do được duyệt thi lý thuyết lần 1 và không phải học bù.
- Sinh viên thi đạt thực hành mới được duyệt thi lý thuyết.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương chi tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2019	
2.	Lần 2	05/2021	
3.	Dự kiến	Năm 2023	

